



HUỖNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG
TRẦN NGUYỄN QUANG HẠ – NGUYỄN TRẦN MINH HẢI – LÊ NHÂN MỸ
ĐỖ THỊ NGUYỆT – VŨ THỊ BÍCH THUY – GIANG THIÊN VŨ

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

SÁCH GIÁO VIÊN

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỖNH VĂN SƠN (Tổg Chũ biờn)
ĐỔ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chũ biờn)
NGUYỄN DUY DỮNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐẶNG
TRẦN NGUYỄN QUANG HẠ – NGUYỄN TRẦN MINH HẢI – LÊ NHẢN MỸ
ĐỔ THỊ NGUYỆT – VỮ THỊ BÍCH THUY – GIANG THIÊN VỮ

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

SÁCH GIÁO VIÊN

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN MỘT: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT	4
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI BÀI DẠY CỤ THỂ.....	41
CHỦ ĐỀ 1: NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ	41
Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế	41
Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	49
CHỦ ĐỀ 2: THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG	59
Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường	59
Bài 4: Cơ chế thị trường	66
Bài 5: Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường	72
CHỦ ĐỀ 3: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ.....	77
Bài 6: Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách	77
Bài 7: Thuế và thực hiện pháp luật về thuế	85
CHỦ ĐỀ 4: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH	93
Bài 8: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	93
CHỦ ĐỀ 5: TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG	106
Bài 9: Tín dụng và vai trò của tín dụng	106
Bài 10: Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	113
CHỦ ĐỀ 6: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN	121
Bài 11: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	121
CHỦ ĐỀ 7: HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	129
Bài 12: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	129
Bài 13: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	137
Bài 14: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	145
Bài 15: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	156
Bài 16: Chính quyền địa phương	164
CHỦ ĐỀ 8: PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	170
Bài 17: Pháp luật và đời sống	170
Bài 18: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	177
Bài 19: Thực hiện pháp luật	184
CHỦ ĐỀ 9: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	191
Bài 20: Khái niệm, đặc điểm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	191
Bài 21: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị	197
Bài 22: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.....	204
Bài 23: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	211
Bài 24: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về bộ máy nhà nước.....	218

Lời nói đầu

Quý thầy cô thân mến.

Sách giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (bộ Chân trời sáng tạo) là một trong những tài liệu hỗ trợ cho sách giáo khoa Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 của bộ sách này mà tập thể tác giả đầu tư biên soạn để tạo ra những công cụ hiệu quả, đồng hành cùng quý thầy cô.

Sách gồm hai phần:

Phần một. Một số vấn đề lý luận chung về chương trình môn học và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Phần hai. Hướng dẫn triển khai bài dạy cụ thể.

Trong phần một, sách trình bày các vấn đề: *Khái quát về môn Giáo dục kinh tế và pháp luật; Chuỗi đề tài/ bài học của Giáo dục kinh tế và pháp luật 10; Một số phương pháp dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật; Đánh giá kết quả học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật và Một số lưu ý khi dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật theo mạch nội dung.* Nội dung của phần này phù hợp với định hướng dạy học phát triển phẩm chất, năng lực một cách cụ thể, nhất quán với các chuyên đề bồi dưỡng phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trong phần hai – *Hướng dẫn triển khai bài dạy cụ thể* – sách gợi ý về nội dung, cách thức tổ chức dạy học từng bài học trong sách giáo khoa. Ở mỗi bài học cụ thể, sau khi nhận mạnh các mục tiêu (về kiến thức, năng lực và phẩm chất), nhóm tác giả tập trung khai thác cách thức tổ chức hoạt động của giáo viên trên tinh thần lấy học sinh làm trung tâm, gợi mở sự tương tác và phù hợp với điều kiện của địa phương.

Hi vọng rằng cuốn sách này sẽ mang lại sự hỗ trợ hữu ích, thiết thực đối với quý thầy cô, khơi gợi nhiều hơn nữa các ý tưởng về việc triển khai dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

I. KHÁI QUÁT VỀ MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

1.1. Tổng quan Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

– Vị trí của môn học: Trong Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 được ban hành, Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân.

– Tên môn học: Tên môn Giáo dục công dân ở Tiểu học là Đạo đức, ở Trung học cơ sở là Giáo dục công dân và ở Trung học phổ thông là Giáo dục kinh tế và pháp luật. Mỗi cấp học ngoài những điểm chung còn có đặc trưng riêng phù hợp với mục tiêu và trình độ từng cấp học được mô tả trong môn học một cách cụ thể, chi tiết.

– Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12), môn Giáo dục kinh tế và pháp luật có tầm quan trọng đặc biệt:

Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau Trung học phổ thông của HS; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở mỗi lớp 10, 11, 12, những HS có định hướng theo học các ngành giáo dục chính trị, giáo dục công dân, kinh tế, hành chính, pháp luật,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

1.2. Đặc trưng môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Chương trình môn Giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, nhằm

đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới. Nội dung môn học được thiết kế theo 4 mạch nội dung chính: Giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật.

Ở cấp Trung học phổ thông, Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau Trung học phổ thông của HS; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Với nội dung môn học mang tính ứng dụng và thiết thực với cuộc sống gắn liền với hoạt động kinh tế – xã hội hằng ngày như hình ảnh, video clip về mô hình sản xuất kinh doanh, các tình huống pháp luật có thật,... là những ngữ liệu phong phú để giáo viên (GV) dạy học.

Môn học chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh giúp HS phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai. GV cần kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;... chính những đặc trưng về phương pháp dạy học môn học tạo điều kiện cho GV có thể ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Những tấm gương điển hình, tình huống pháp luật đã được đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng được thể hiện qua các kênh (hình, chữ, video clip) có sức lan toả lớn nếu được khai thác sử dụng sẽ làm tăng tính thuyết phục, hiệu quả trong quá trình giảng dạy môn học. Với định hướng ứng dụng giải quyết nhiều tình huống thực tiễn, GV có thể kết hợp dạy học trực tiếp với trực tuyến hoặc áp dụng phương pháp dạy học đảo ngược nhằm tăng hiệu quả hoạt động với sự hỗ trợ của các công cụ phần mềm như Goole Classroom, Microsoft Team giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt của môn học hình thành phẩm chất, phát triển năng lực trong các bối cảnh khác nhau.

Việc đa dạng hoá hình thức dạy học kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường sẽ phát huy tốt hiệu quả khi sử dụng kết hợp các công cụ hỗ trợ để theo dõi như OneNote để ghi chép nhật kí theo dõi sự tiến bộ của HS, tiến độ làm việc của nhóm,... GV có thể ứng dụng các công cụ mạng xã hội

như Facebook, Zalo, Gmail,... để tương tác, phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội.

Ngoài dạy học trong lớp, những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cũng được chú trọng để các em có điều kiện tiếp xúc với các tình huống pháp luật thực tế, các mô hình sản xuất kinh doanh,... tạo nên sức hấp dẫn của môn học và đạt được mục tiêu phát triển năng lực xã hội của các em HS.

Yêu cầu kiểm tra, đánh giá HS trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là đánh giá mức độ cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và những biểu hiện về năng lực chung theo yêu cầu của CTGDPT 2018 phù hợp với yêu cầu về năng lực của cấp Trung học phổ thông. Đánh giá HS học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cần tập trung đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS.

Việc đánh giá HS trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật dựa trên mức độ đạt được yêu cầu cần đạt của mỗi cấp lớp học được quy định trong chương trình môn học. Đánh giá mức độ đạt được về các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù của môn học ở cấp Trung học phổ thông (phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội). GV có thể sử dụng những công cụ hỗ trợ như Goole Classrom, Goole forms tạo những bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận,... đánh giá HS cả trên lớp lẫn thời gian ngoài giờ lên lớp tùy theo những điều kiện khác nhau.

II. CHUỖI ĐỀ TÀI/ BÀI HỌC CỦA MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở LỚP 10

2.1. Danh mục chủ đề

Trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở lớp 10 có 9 chủ đề:

- Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế
- Thị trường và cơ chế thị trường
- Ngân sách nhà nước và thuế
- Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh
- Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng
- Lập kế hoạch tài chính cá nhân
- Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2. Hệ thống đề tài/ bài học của sách giáo khoa (SGK) *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*

Từ các chủ đề đã quy định trong chương trình, các đề tài/ bài học được thao tác hoá cho phù hợp với năng lực HS lớp 10 và một số định hướng của sách phát triển phẩm chất, năng lực như sau:

Bảng 1. Mô tả hệ thống đề tài/ bài học của SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 10
theo các chủ đề

TT	Tên chủ đề	TT	Tên đề tài/ bài học
PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ			
1	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	1	Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế
		2	Các chủ thể của nền kinh tế
2	Thị trường và cơ chế thị trường	3	Thị trường và chức năng của thị trường
		4	Cơ chế thị trường
		5	Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường
3	Ngân sách nhà nước và thuế	6	Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách
		7	Thuế và thực hiện pháp luật về thuế
4	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	8	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh
5	Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	9	Tín dụng và vai trò của tín dụng
		10	Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng
6	Lập kế hoạch tài chính cá nhân	11	Lập kế hoạch tài chính cá nhân
PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
7	Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	12	Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
		13	Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

		14	Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
		15	Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân
		16	Chính quyền địa phương
8	Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	17	Pháp luật và đời sống
		18	Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam
		19	Thực hiện pháp luật
9	Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	20	Khái niệm, đặc điểm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
		21	Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị
		22	Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
		23	Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường
		24	Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về bộ máy nhà nước

2.3. Ma trận chủ đề, đề tài/ bài học và yêu cầu cần đạt của SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*

Ma trận chủ đề, đề tài/ bài học và yêu cầu cần đạt của SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* được mô tả qua bảng sau:

Bảng 2. Ma trận chủ đề, đề tài/ bài học và yêu cầu cần đạt của SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

BÀI HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT			
	1.1	1.2	1.3	1.4
PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ				
Chủ đề 1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế				
Bài 1. Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế	Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.	Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.	Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	
Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế	Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.	Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.	Nhận biết được trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	
Chủ đề 2. Thị trường và cơ chế thị trường				
Bài 3. Thị trường và chức năng của thị trường	Nêu được khái niệm thị trường.	Liệt kê được các loại thị trường.	Trình bày được chức năng của thị trường.	Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường.
Bài 4. Cơ chế thị trường	Nêu được khái niệm cơ chế thị trường.	Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.	Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.	Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

Bài 5. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường	Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.	Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.		
Chủ đề 3. Ngân sách nhà nước và thuế				
Bài 6. Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách	Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.	Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách.	Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.
Bài 7. Thuế và thực hiện pháp luật về thuế	Nêu được khái niệm về thuế và gọi tên được một số loại thuế phổ biến.	Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.	Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu thuế.
Chủ đề 4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh				
Bài 8. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.	Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.	Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.	

Chủ đề 5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng				
Bài 9. Tín dụng và vai trò của tín dụng	Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.	Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng		
Bài 10. Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.	Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.		
Chủ đề 6. Lập kế hoạch tài chính cá nhân				
Bài 11. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.	Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.	Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân.	Kiểm soát được tài chính cá nhân.
PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
Chủ đề 7. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
Bài 12. Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nêu được cấu trúc, đặc điểm hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Nêu được nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá hệ thống chính trị ở nước ta.	Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bài 13. Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nêu được đặc điểm của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Nêu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
Bài 14. Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nêu được chức năng của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Phê phán, đấu tranh với hành vi chống phá Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Thực hiện được nghĩa vụ công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.
Bài 15. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	Nêu được khái niệm, chức năng của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật.

Bài 16. Chính quyền địa phương	Nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.	Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.	Phê phán, đấu tranh với hành vi chống phá chính quyền địa phương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.
Chủ đề 8. Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
Bài 17. Pháp luật và đời sống	Nêu được khái niệm, đặc điểm của pháp luật.	Nêu được vai trò của pháp luật trong đời sống.	Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	
Bài 18. Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.		Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.	
Bài 19. Thực hiện pháp luật	Nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.	Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.	Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.	Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

Chủ đề 9. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 20. Khái niệm, đặc điểm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nêu được khái niệm, đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Nêu được vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Có thái độ tôn trọng Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
Bài 21. Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị	Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.		Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.
Bài 22. Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	Nêu được những nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.		Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.	Phê phán những hành vi vi phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Bài 23. Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.		Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
Bài 24. Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về bộ máy nhà nước	Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về bộ máy nhà nước.		Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.	

III. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

3.1. Định hướng về phương pháp dạy học/ giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực HS trung học trong SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*

Phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù được thực hiện thông qua nội dung dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật. Do đó, nội dung vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực. Phẩm chất và năng lực vừa là đầu ra của chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, vừa là điều kiện để HS tự học, tự khám phá chiếm lĩnh hiệu quả kiến thức Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chương trình môn Giáo dục công dân nói chung và Giáo dục kinh tế và pháp luật nói riêng đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực trong môn học, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương; trải nghiệm; xử lý tình huống; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án; thực hành,...

– Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS khi triển khai môn học này.

– Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội khi tổ chức dạy học môn học này.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua môn học này với các yêu cầu sau đây:

a. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS

Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật đã chỉ ra định hướng trước hết về phương pháp giáo dục của môn học này là: “Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai”.

Cần đổi mới dạy học theo định hướng tổ chức hoạt động cho HS vì phẩm chất và năng lực chỉ có thể được hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động. Khái niệm năng lực đã nêu trong Chương trình giáo dục tổng thể cho thấy đặc điểm cơ bản của năng lực là được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, dạy học theo phát triển năng lực phải coi trọng tổ chức hoạt động.

Có 3 hoạt động chủ yếu cần tổ chức cho HS tham gia tích cực, chủ động là: hoạt động khám phá vấn đề; hoạt động luyện tập; hoạt động thực hành (vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề, xử lý tình huống trong đời sống thực tiễn).

Yêu cầu sư phạm của tổ chức hoạt động là:

- Hoạt động phải nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt.
- HS phải là chủ thể của hoạt động.
- Hình thức tổ chức các hoạt động cho HS phải không ngừng được đổi mới theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả.
- Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động tự học.

b. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học

Định hướng này đã được chỉ rõ trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là: “Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu, xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án,...”.

Theo định hướng trên, dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật có thể kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học như: kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai, dạy học dự án,...

c. Đổi mới hình thức dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cũng dựa trên chuỗi môn Đạo đức – Giáo dục công dân đã nêu định hướng này như sau: “Đổi mới hình thức dạy học môn Đạo đức theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS”.

Do Chương trình có tính “mở” nên các tác giả SGK, cơ sở giáo dục và GV môn học được chủ động bố trí thời lượng cho tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường nhưng phải phù hợp với nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã quy định trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và bảo đảm thực hiện các quy định của chương trình về thời lượng thực hiện Chương trình môn học.

d. Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội

Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật định hướng dạy học phải: “Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Phương pháp này phù hợp với đặc trưng của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật vì dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật nhằm hình thành, phát triển cho HS tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật trong quan hệ với bản thân, với người khác, với gia đình, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và với môi trường tự nhiên.

Để kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV môn học cần chú ý thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Chú trọng lựa chọn, bổ sung nội dung dạy học và tổ chức các hoạt động học tập để HS liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào xử lý các tình huống thường gặp trong gia đình, ngoài xã hội.

- Phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS ở ngoài lớp học, trường học, giúp cho các hoạt động của HS được diễn ra an toàn và đạt hiệu quả giáo dục.

- Kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong đánh giá kết quả giáo dục, đặc biệt là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, và đánh giá chính xác sự tiến bộ của HS, thông qua đánh giá kết quả để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho HS. Muốn vậy, GV môn học phải thường xuyên liên hệ với gia đình và các tổ chức xã hội trong việc quản lý, giáo dục HS và phải thiết kế được mẫu phiếu nhận xét thái độ, hành vi của HS trong tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt ở lớp, ở nhà, ở cộng đồng phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực và đảm bảo tính giáo dục.

3.2. Định hướng dạy học theo SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*

Khi sử dụng SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

- SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* khai thác kênh chữ và kênh hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng đa dạng (minh họa nội dung, diễn tả tình huống, ...). GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh, chuỗi hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

- SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* sử dụng câu hỏi ở các mức độ khác nhau (nhận biết, lựa chọn đúng/ sai, phân biệt lợi ích/ tác hại của ứng xử theo chuẩn mực hành vi/ không theo chuẩn mực hành vi,...). GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, không để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp rơi vào những khoảng trống nặng nề.

– SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* có khai thác một số hoạt động sắm vai để giúp HS luyện tập thực hành một cách sinh động, hấp dẫn. GV cần chủ động tổ chức để HS có sự chuẩn bị (hoặc gợi mở HS tự chuẩn bị) về đạo cụ, trang phục, không gian,... để hoạt động này có thể diễn ra nhanh gọn, an toàn và hấp dẫn, đúng mục tiêu.

– SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm (nhóm lớn, nhóm nhỏ, nhóm cố định, nhóm ngẫu nhiên, nhóm theo giới tính, nhóm theo sở thích... và luân phiên, linh hoạt); theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp, hợp tác cũng như các biểu hiện của sự nhường nhịn, hoà nhã; khuyến khích HS đề xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lý đối với một số tình huống cụ thể, gần gũi với đời sống và phù hợp với HS... để quá trình dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, vì Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, cũng như chương trình các môn học khác, đều được xây dựng theo hướng mở (chỉ quy định những yêu cầu cần đạt và những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt) cho nên trong quá trình sử dụng SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* này, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số phương thức khác của một vài hoạt động trong chủ đề,... trên tinh thần đúng yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm HS, đảm bảo tương thích với chủ đề và đạt hiệu quả dạy học cao nhất như mong đợi.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Trong CTGDPT 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Giáo dục công dân cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Thời lượng dành cho đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là 10% trong tổng số 70 tiết ở khối lớp 10 (tương đương khoảng 8 tiết). Yêu cầu bao gồm là đánh giá cuối học kì và cuối năm học.

a. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả Giáo dục kinh tế và pháp luật là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của HS so với yêu cầu cần đạt của môn học nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HS, mức độ đáp ứng yêu cầu

cần đạt của chương trình để trên cơ sở đó, điều chỉnh hoạt động dạy học và cách tổ chức quản lí nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

b. Nguyên tắc đánh giá

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình, có lợi/có hại,...

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Khi CTGDPT 2018 chính thức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV môn Giáo dục công dân cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS ở môn học này.

c. Hình thức đánh giá

Đánh giá thường xuyên

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong CTGDPT 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được xác định là hoạt động đánh giá vì sự tiến bộ của HS, có ý nghĩa phân biệt với những hoạt động kiểm, tra đánh giá trước khi bắt đầu quá trình dạy học một môn học nào đó (đánh giá đầu năm/ đánh giá xếp lớp) hoặc sau khi kết thúc một giai đoạn, một quá trình dạy học môn học này (đánh giá định kì/ đánh giá tổng kết).

Quá trình dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, nhất thiết phải chuyển hoá các chỉ số hành vi của năng lực thành các yêu cầu cần đạt theo từng mạch nội dung, từng chủ đề. Vì vậy, kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học phải bám sát yêu cầu cần đạt của chủ đề để đánh giá. Do đó, nếu yêu cầu cần đạt thể hiện rõ cả 3 yếu tố: nội dung cốt lõi cần đạt, hành vi cần thực hiện

và mức độ chất lượng cần có của hành vi đó, thì việc đánh giá cũng sẽ phải thể hiện được cả 3 yếu tố này.

Trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, GV muốn đưa ra những khuyến nghị để HS có thể làm tốt hơn những gì mình chưa làm được, từ đó nâng cao kết quả học tập, rèn luyện trong thời điểm tiếp theo thì cần phải tiến hành thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học, đồng thời phải tập trung vào việc phát hiện, tìm ra những thiếu sót, những nhân tố ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập, rèn luyện của HS để có những giải pháp hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời. Những minh chứng cần thu thập bao gồm các minh chứng định tính (kết quả quan sát, ghi chép việc HS thực hiện các nhiệm vụ/dự án học tập; bản tự đánh giá, bản khảo sát; bản nhận xét của các bạn/nhóm bạn; ý kiến nhận xét của cha mẹ HS, của cộng đồng,...) và cả những minh chứng được lượng hoá (số lần tham gia hoạt động nhóm, số lượng và chất lượng sản phẩm học tập,...). Những minh chứng này gắn với quá trình đánh giá sự tích cực, chủ động, đánh giá sự hứng thú, tự tin và cam kết trách nhiệm của HS khi thực hiện các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, do đó GV không chỉ giao nhiệm vụ, xem xét HS có hoàn thành nhiệm vụ hay không, mà phải xem xét từng HS hoàn thành nhiệm vụ đó như thế nào (có chủ động, tích cực không; có khó khăn gì; có hiểu rõ mục tiêu học tập và sẵn sàng thực hiện hay không;...).

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thực hiện đa dạng và linh hoạt, điều này thể hiện ở sự đa dạng của hình thức, phương pháp đánh giá (thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập) và công cụ đánh giá (bảng kiểm, thang đo, phiếu quan sát, phiếu hỏi, phiếu đánh giá theo tiêu chí,...). Không bị giới hạn bởi số lần đánh giá do nhiều đối tượng tham gia đánh giá (GV đánh giá, HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, phụ huynh đánh giá và đoàn thể, cộng đồng đánh giá)...

Để thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, GV có thể tham khảo cách triển khai theo các bước sau:

Bước 1. Dựa trên các yêu cầu cần đạt để thiết kế các hoạt động học và xây dựng hệ thống nhiệm vụ học tập.

– Để đánh giá được việc HS thể hiện hành vi ở các mức độ khác nhau, khi xây dựng kế hoạch bài dạy, GV cần phân tích và mô tả các yêu cầu cần đạt thành các mức độ có thể đo lường được.

– Để đo và đánh giá được HS đạt được yêu cầu cần đạt ở mức nào, HS cần được giao các nhiệm vụ học tập cụ thể. Nhiệm vụ đó có thể được phân hoá phù hợp với “vùng phát triển gần” của từng HS mặc dù để thực thi việc đó trong điều kiện lớp học đông là hết sức khó khăn. Hoặc thực tế hơn, GV sẽ chọn mức độ nhiệm vụ phù hợp với đa số trình độ của HS. Sau đó, có thể cung cấp thêm những nhiệm vụ nâng cao với nhóm HS khá, giỏi và tăng cường trợ giúp với nhóm HS còn hạn chế. Vì thế, việc GV cần làm

là xây dựng hệ thống nhiệm vụ với mức độ, yêu cầu khác nhau. Những nhiệm vụ đó có thể là các câu hỏi, bài tập, báo cáo khoa học, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, băng ghi hoạt động ngoại khoá, các dự án, phóng sự phỏng vấn, xemina, sinh hoạt câu lạc bộ, thảo luận nhóm, diễn đàn khoa học,...

Bước 2. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện và thể hiện hành vi cần đánh giá và lựa chọn phương pháp đánh giá, thiết kế công cụ đánh giá tương ứng.

– Thiết kế công cụ để đánh giá trước, trong và sau khi thực hiện quá trình dạy học. Để thực hiện điều này, GV cần căn cứ vào những thông tin mình muốn thu nhận (những hành vi tương ứng với các năng lực thành tố của năng lực muốn đánh giá) từ các nhiệm vụ giao cho HS để lựa chọn các phương pháp và công cụ thu nhận thông tin phù hợp.

Ví dụ: Muốn thu nhận được câu trả lời của HS thì phương pháp lựa chọn là hỏi – đáp, công cụ tương ứng là câu hỏi; muốn thu nhận được kết quả giao tiếp, hợp tác nhóm thì phương pháp là quan sát và công cụ tương ứng là sổ ghi chép/bảng kiểm/thang đo; muốn thu nhận sản phẩm dự án thì phương pháp lựa chọn là sản phẩm học tập và công cụ tương ứng là phiếu đánh giá theo tiêu chí...

– Thiết lập mẫu biểu quan sát trên lớp với kĩ thuật lựa chọn những hoạt động, kĩ năng, những cá nhân hoặc nhóm cần phải quan sát ở một giờ học cụ thể.

– Thiết lập mẫu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, bản tường trình sự kiện, nhật kí học tập...

Bước 3. Thu thập các minh chứng về hành vi cần đánh giá. Tùy theo các hành vi khác nhau mà sẽ sử dụng các công cụ khác nhau để thu thập minh chứng về các hành vi này. Đó có thể là phiếu học tập, hồ sơ dự án, sản phẩm dự án hoặc thông qua quan sát trực tiếp,...

Bước 4. So sánh các minh chứng thu được với các tiêu chí chất lượng của hành vi đã mô tả trong yêu cầu cần đạt. Ví dụ quen thuộc nhất của việc này là đối chiếu câu trả lời của HS với đáp án của GV. Với các hành vi phức tạp hơn như: thuyết trình, báo cáo trải nghiệm,... cần sử dụng phiếu đánh giá theo tiêu chí để hỗ trợ quá trình so sánh này nhằm đảm bảo tính khách quan trong đánh giá.

Bước 5. Thông báo kết quả đánh giá với HS kèm theo minh chứng và những nhận xét tương ứng.

Việc đánh giá thường xuyên diễn ra chủ yếu trên lớp học, do đó kết quả của việc đánh giá thường xuyên thường được GV thông báo trực tiếp cho HS tại thời điểm diễn ra hoạt động đánh giá. Việc GV cần làm là luôn khẳng định những kết quả tích cực HS đã hoàn thành hoặc hoàn thành tốt, quan trọng hơn, GV cần đưa ra những lời góp ý, hướng dẫn để HS biết cách làm tốt hơn những điều HS chưa làm được.

Kết quả đánh giá thường xuyên của mỗi HS nếu có biến động bất thường (tiến bộ nhanh, hoặc sụt giảm) nên được GV thông báo với cha mẹ HS ngay sau buổi học hoặc tuần học, để cha mẹ kịp thời phối hợp với GV động viên, khuyến khích con trong học tập hoặc tạo điều kiện thuận lợi hơn, hỗ trợ con nhiều hơn trong học tập. GV có thể cung cấp những minh chứng thu thập được qua quan sát, hỏi – đáp, qua bài viết trong quá trình đánh giá thường xuyên để giải thích kết quả học tập, rèn luyện của HS, đồng thời để phụ huynh biết được mặt mạnh, mặt yếu của con mà tiếp tục hỗ trợ, động viên con trong thời gian tiếp theo.

Một số yêu cầu khi sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

- Đánh giá chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập để chuyển hoá nhận thức thành hành động đúng đắn. Kỹ năng vận dụng kiến thức nội môn, liên môn ở những bối cảnh, tình huống phức hợp để giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội, đạo đức, pháp luật và cách thức thực hành những kỹ năng này trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá chú trọng kiểm tra thái độ, tình cảm HS đối với các vấn đề kinh tế, pháp luật, đạo đức mà HS thể hiện trong quá trình học tập cũng như trong đời sống hằng ngày thông qua cách giao tiếp ứng xử. Từ đó, thúc đẩy HS tích cực rèn luyện theo yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

- Đánh giá phải quan tâm tới mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực của HS, trong đó nhấn mạnh đến năng lực thực hiện, tính trải nghiệm theo những yêu cầu riêng, đặc biệt chú ý đến tính cá biệt hoá và phân hoá.

- Đánh giá phải đặt ra yêu cầu cao với HS về việc rèn luyện ở mọi nơi, mọi lúc và cần có sự phối hợp tham gia của các lực lượng (cá nhân HS, tập thể HS; GV chủ nhiệm, các GV bộ môn, cán bộ Đoàn, Hội, gia đình và cộng đồng. Do đó, cần xác định nội dung kiểm tra, đánh giá cho các từng đối tượng.

Ví dụ: Gia đình và cộng đồng có thể tham gia chủ yếu vào việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chuẩn mực của HS; cán bộ Đoàn, Đội có thể tham gia đánh giá tinh thần, thái độ, kết quả tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội... GV dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là người đóng vai trò quyết định trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bộ môn của HS. Biện pháp phối hợp các lực lượng trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học sẽ tạo môi trường giáo dục đảm bảo tính chính xác trong đánh giá.

Đánh giá định kì

Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong CTGDPT 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Về bản chất, đây là hoạt động kiểm tra, đánh giá mức độ thành thạo của HS về kiến thức, kĩ năng so với các yêu cầu cần đạt sau một giai đoạn học tập (giữa kì và cuối kì). GV sẽ dựa vào kết quả đánh giá định kì để xác định thành tích của HS, xếp loại HS và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

Trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở lớp 10, đánh giá định kì chú trọng sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá được những biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi (nói, viết hoặc thực hiện hành động). Minh chứng thu thập được của đánh giá định kì thường là kết quả các bài kiểm tra giữa kì, kiểm tra cuối kì được thể hiện thông qua câu trả lời của HS cho các bài kiểm tra tự luận hoặc bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan. Cách đánh giá chủ yếu là đối chiếu kết quả HS viết được, thực hành được trên giấy hoặc trên máy tính so với đáp án GV đã xây dựng.

Để bài kiểm tra được thiết kế sao cho phù hợp nhất với mục tiêu đánh giá, có độ tin cậy và độ giá trị nằm trong khoảng cho phép, GV cần xây dựng bản đặc tả (test specification) cho bài kiểm tra – một bản mô tả chi tiết để GV có thể dựa trên đó để biên soạn các bài kiểm tra có mức độ đồng nhất một cách tương đối. Một bản đặc tả cho bài kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của kiểm tra, các yêu cầu cần đạt mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi, điểm số theo nội dung dạy học và các yêu cầu cần đạt. Có thể xây dựng bản đặc tả bám sát “Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra” kèm theo công văn số 8773/BGDĐT– GDTrH ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

Bước 1. Xác định mục đích kiểm tra

Phần này cần trình bày rõ bài kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Ví dụ: Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học nội dung Hệ thống chính trị và pháp luật; Đánh giá kết quả học tập của HS so với mục tiêu dạy học các chủ đề thuộc nội dung Hoạt động sản xuất, kinh doanh; Đánh giá trình độ năng lực HS khi kết thúc học kì để đo lường sự tiến bộ của HS,...

Bước 2. Xác định hình thức bài kiểm tra

Phần này cần bám sát trọng số nội dung và phẩm chất, năng lực cần đánh giá để mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong bài kiểm tra là tự luận hay trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp cả câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Ma trận là một bảng có hai chiều, một chiều là các chủ đề/bài học cần đánh giá, một chiều là các cấp độ năng lực mà HS sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Cấp độ năng lực mà HS sẽ được đánh giá được mô tả theo 4 mức:

Mức 1 (nhận biết): Nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học trong bối cảnh.

Mức 2 (thông hiểu): Diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, các vấn đề trong học tập.

Mức 3 (vận dụng): Kết nối, sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề về kinh tế, pháp luật tương tự tình huống, vấn đề mà HS đã học trong chương trình môn học.

Mức 4 (vận dụng cao): Sử dụng linh hoạt kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới; đưa ra được những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề kinh tế, pháp luật trong đời sống.

Với mỗi chủ đề kiến thức, tại cấp độ năng lực, căn cứ vào các yêu cầu cần đạt, GV đưa ra một tỉ trọng (% , số câu, số điểm) cho phù hợp. Có thể định dạng bảng ma trận như sau:

Bảng 3. Ma trận mức độ đánh giá theo chủ đề

Cấp độ Chủ đề	Cấp độ đánh giá				Tổng
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	
Chủ đề 1		Yêu cầu cần đạt (YCCĐ)			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:		Số câu: Số điểm:			
Chủ đề 2	YCCĐ		YCCĐ		
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm:		Số câu: Số điểm:		
Chủ đề n				YCCĐ	
				Số câu: Số điểm	
.....					
Tổng số câu: Tổng số điểm: Tỉ lệ:					

Bảng 4. Ma trận đề kiểm tra (Dạng đề tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan)

Chủ đề	Cấp độ đánh giá								Tổng
	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chủ đề 1	YCCĐ								
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm:								
Chủ đề 2			YCCĐ		YCCĐ				
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:			Số câu: Số điểm:		Số câu: Số điểm:				
Chủ đề n		YCCĐ						YCCĐ	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:		Số câu: Số điểm:						Số câu: Số điểm:	
Tổng số câu: Tổng số điểm: Tỉ lệ:									

Bước 3. Biên soạn các câu hỏi theo ma trận đề và thiết lập đề kiểm tra

Việc thiết lập đề kiểm tra phải bám sát ma trận đề đã xây dựng, phải là sự hiện thực hoá chính xác các yêu cầu cần đạt cần được đánh giá thể hiện trong bảng ma trận. Câu hỏi phải biên soạn theo ma trận (số câu, mức độ), phải đúng kĩ thuật, sử dụng những từ ngữ ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, phải là câu hỏi đánh giá năng lực (gắn với bối cảnh, tình huống). Mỗi câu hỏi nên hướng tới một mục đích để đo chính xác mức độ đạt được. Nên chú ý tới dạng câu hỏi giúp HS bộc lộ được những suy nghĩ, quan điểm cá nhân, phát triển tư duy phản biện, tư duy sáng tạo. Không lấy việc kiểm tra kiến thức – kĩ năng đã học làm trọng tâm của việc kiểm tra, đánh giá mà phải chú trọng khả năng vận dụng kiến thức – kĩ năng của HS trong những tình huống khác nhau.

Bước 4. Xây dựng hướng dẫn chấm

Nội dung của hướng dẫn chấm phù hợp với ma trận đã xây dựng, đòi hỏi sự chi tiết, cụ thể, khoa học để chính xác hoá mức độ đạt được trong phần trả lời của HS, đồng thời đòi hỏi độ mở cần thiết để đánh giá được những sáng tạo bất ngờ của HS trong việc thực hiện các yêu cầu của đề kiểm tra, không nên bó buộc cứng nhắc vào một cách làm bài nhất định. Cách trình bày cụ thể, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu; tránh sử dụng những từ ngữ thể hiện thái độ chủ quan của người biên soạn.

Bước 5. Thử nghiệm phân tích kết quả, điều chỉnh và hoàn thiện đề

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, với các thao tác:

- + Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.

- + Đối chiếu từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với yêu cầu cần đánh giá không? Có phù hợp với cấp độ năng lực cần đánh giá không? Số điểm có thích hợp không? Thời gian dự kiến có phù hợp không? (GV có thể tự làm bài kiểm tra, thời gian làm bài của GV bằng khoảng 70% thời gian dự kiến cho HS làm bài là phù hợp).

- + Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh để cho phù hợp với các yêu cầu cần đạt, chuẩn chương trình và đối tượng HS (nếu có điều kiện, hiện nay đã có một số phần mềm hỗ trợ cho việc này, GV có thể tham khảo).

- + Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

Những phân tích trên cho thấy kiểm tra, đánh giá thường xuyên và kiểm tra, đánh giá định kì có một số đặc điểm chung và mỗi hình thức kiểm tra, đánh giá lại có những đặc điểm riêng cả về mục đích và thời điểm sử dụng, phương pháp, kĩ thuật và cách thức triển khai. Cả kiểm tra, đánh giá thường xuyên và kiểm tra, đánh giá định kì đều có vai trò quan trọng ngang nhau. Yếu tố quyết định để lựa chọn hình thức đánh giá nào không nằm ở bản thân nó là kiểm tra, đánh giá thường xuyên hay kiểm tra, đánh giá định kì mà là xuất phát từ mục đích đánh giá. GV có thể sử dụng kết quả của một hoạt động kiểm tra, đánh giá định kì để phục vụ các mục đích của kiểm tra, đánh giá thường xuyên và kiểm tra, đánh giá thường xuyên có sự tác động nhất định đến kết quả của đánh giá định kì. Ví dụ: cho HS cơ hội làm lại bài kiểm tra cuối năm nếu như HS có kết quả kiểm tra cuối năm thấp bất thường (đạt 4 – 5 điểm) trong khi kết quả đánh giá thường xuyên của HS đó lại thường ở mức hoàn thành tốt. Vì vậy, khi xếp loại HS vào cuối mỗi học kì/ năm học, GV không chỉ căn cứ vào kết quả kiểm tra cuối kì/cuối năm mà cần căn cứ vào cả kết quả đánh giá thường xuyên của HS trong cả quá trình học để đưa ra quyết định đối với HS đó.

4.2. Một số gợi ý về phương pháp, kiểm tra đánh giá năng lực môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Ở nội dung trên, tài liệu đã bàn đến hai hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS phù hợp với định hướng về kiểm tra, đánh giá và thực tiễn giáo dục của Việt Nam hiện nay là đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. GV sẽ lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích, thời điểm và yêu cầu của từng hình thức đánh giá; Và mỗi phương pháp cũng sẽ có những công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp (các công cụ này sẽ được trình bày cụ thể ở nội dung 3 của tài liệu).

Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá được thể hiện như sau:

Bảng 5. Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
Đánh giá thường xuyên (Đánh giá vì học tập; Đánh giá là học tập)	Hỏi – đáp	Câu hỏi
	Quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm
	Đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, câu hỏi, phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí
Đánh giá định kì (Đánh giá kết quả học tập)	Kiểm tra viết Đánh giá qua hồ sơ học tập	Bài kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm), bài luận, phần mềm biên soạn đề kiểm tra, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo

a. Phương pháp kiểm tra viết

Kiểm tra viết: là phương pháp kiểm tra phổ biến, được sử dụng đồng thời với nhiều HS cùng một thời điểm, được sử dụng sau khi học xong một phần của chương, một chương hay nhiều chương, hoặc sau khi học xong toàn bộ chương trình môn học, nội dung kiểm tra có thể bao quát từ vấn đề lớn có tính chất tổng hợp đến vấn đề nhỏ, HS phải diễn đạt câu trả lời bằng ngôn ngữ viết.

Xét theo dạng thức của bài kiểm tra, phương pháp kiểm tra viết có hai loại là kiểm tra viết dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan.

Kiểm tra viết dạng tự luận: Là phương pháp GV thiết kế câu hỏi, bài tập, HS xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập trên bài kiểm tra viết. Một bài kiểm tra tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi phải viết nhiều câu để trả lời và cần phải có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, nó cho phép một sự tự do tương đối nào đó để trả lời các vấn đề đặt ra. Có 2 loại câu tự luận:

– Thứ nhất, câu tự luận có sự trả lời mở rộng (câu luận mở), là loại câu có phạm vi rộng và khái quát, HS tự do biểu đạt tư tưởng và kiến thức.

– Thứ hai, câu tự luận trả lời có giới hạn (câu luận đóng), là câu hỏi được diễn đạt chi tiết, phạm vi câu hỏi được nêu rõ để người trả lời biết được độ dài ước chừng của câu trả lời. Bài kiểm tra với loại câu này thường có nhiều câu hỏi hơn bài với câu tự luận mở rộng. Nó đề cập tới những vấn đề cụ thể, nội dung hẹp hơn nên đỡ mơ hồ hơn đối với HS, việc chấm điểm dễ hơn, độ tin cậy cao hơn.

Ưu điểm của kiểm tra tự luận: Trong cùng một thời gian GV kiểm tra được một số lượng lớn HS, giúp thu được thông tin về kiến thức và kĩ năng hoạt động trí tuệ của HS. Do HS được kiểm tra trong những thời lượng, thời gian và điều kiện như nhau nên tạo điều kiện có được thông tin tương đối khách quan về kết quả học tập. Kiểm tra dạng tự luận có khả năng đo lường được các mục tiêu cần thiết và đo lường tốt ở mức độ hiểu, tổng hợp, đánh giá. Câu tự luận khi được soạn một cách cẩn thận có thể tạo điều kiện để HS bộc lộ khả năng suy luận, sắp xếp dữ kiện, khả năng phê phán, đưa ra những ý kiến mới. Việc chuẩn bị câu tự luận không quá khó khăn và mất thời gian.

Trong dạy Giáo dục kinh tế và pháp luật, phương pháp kiểm tra viết có khả năng đánh giá được năng lực tư duy bậc cao của HS như phân tích, tổng hợp, đánh giá, đề xuất giải pháp,... về các vấn đề văn hoá, chính trị, kinh tế, pháp luật trong đời sống xã hội, giúp GV thu được các chứng cứ về kết quả học tập môn học của HS thông qua các bài viết trên giấy hoặc trên máy tính.

Nhược điểm của kiểm tra tự luận: Số lượng câu hỏi ít nên khó bao quát được nội dung của chương trình học. Việc đánh giá vẫn chịu ảnh hưởng nhiều ở chủ quan người chấm bài, mặt khác, chấm điểm các bài tự luận là tốn nhiều thời gian, độ tin cậy không cao.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này:

– Đối với câu hỏi cần được diễn đạt rõ ràng, chú ý đến cấu trúc ngữ pháp, chọn từ ngữ chính xác, tránh tăng mức độ khó của câu hỏi bằng cách diễn đạt phức tạp gây ra sự khó hiểu, tránh những từ hoặc câu thừa.

– Khi tiến hành tổ chức kiểm tra cần đảm bảo phù hợp về thời gian làm bài, tránh các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài, đảm bảo nghiêm túc khi làm bài.

– Khi chấm bài cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, nên dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm để có cách xử lý và cho điểm, người chấm không nên biết tên HS hoặc lớp HS, việc chấm điểm cần có sự độc lập giữa những người chấm.

Phương pháp kiểm tra dạng bài tự luận thường được sử dụng trong những trường hợp sau:

– Khi nhóm HS được khảo sát có số lượng vừa phải và chỉ nên sử dụng dạng câu tự luận một lần, không nên dùng lại ngay ở lần sau.

– Khi muốn khuyến khích HS phát triển kĩ năng diễn tả bằng khả năng viết.

– Khi GV muốn thăm dò thái độ hay tìm hiểu tư tưởng, quan điểm của HS về một vấn đề nào đó.

Dùng bài kiểm tra dạng tự luận chỉ thực sự có hiệu quả khi GV chấm bài một cách vô tư và thận trọng để đảm bảo tính khách quan, chính xác.

Kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan: Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản hay một từ, một cụm từ.

Câu trắc nghiệm khách quan bao gồm các loại sau:

Loại câu nhiều lựa chọn: Là loại câu thông dụng nhất, còn gọi là câu đa phương án, gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn.

Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bỏ lửng (câu chưa hoàn thành) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời (thường là 4 hoặc 5 phương án trả lời). Người trả lời sẽ chọn một phương án trả lời duy nhất đúng hoặc đúng nhất, hoặc không có liên quan gì nhất trong số các phương án cho trước. Những phương án còn lại là phương án nhiễu.

Loại câu đúng – sai: Thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai.

Loại câu điền vào chỗ trống: Loại câu này đòi hỏi trả lời bằng một hay một cụm từ cho một câu hỏi trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ.

Câu ghép đôi: Loại câu này thường bao gồm hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp. Hai dãy thông tin này có số câu không bằng nhau, một dãy là danh mục gồm các tên hay thuật ngữ và một dãy là danh mục gồm các định nghĩa, đặc điểm,... Nhiệm vụ của người làm bài là ghép chúng lại một cách thích hợp.

Ưu điểm của kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan: Có khả năng đo được các mức độ của nhận thức (biết, hiểu, áp dụng, vận dụng), bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện cho nội dung cần đánh giá. Trắc nghiệm khách quan giúp nâng cao tính khách quan, độ giá trị và tin cậy cho kiểm tra, đánh giá vì nội dung kiểm tra bao quát được chương trình học, tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng, hạn chế sự phụ thuộc của đánh giá vào chủ quan người chấm.

Nhược điểm của kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan: Khó khăn trong việc đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp trình bày và đưa ra ý tưởng mới, quá trình chuẩn bị câu hỏi khó và mất nhiều thời gian. Trắc nghiệm được sử dụng để kiểm tra chủ yếu là kiến thức và kĩ năng của HS.

Khi sử dụng trắc nghiệm khách quan cần chú ý:

- Phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung và cách diễn đạt, đảm bảo các chỉ số của câu trắc nghiệm khách quan, các câu hỏi trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá, khi sắp xếp câu trắc nghiệm cần xếp theo từng chủ đề và từ dễ đến khó.

- Khi trắc nghiệm, số lượng bài trắc nghiệm và phiếu trả lời được nhân bản theo số lượng người làm trắc nghiệm, đồng thời cần có các biện pháp chống gian lận khi làm bài thông qua thiết kế bài trắc nghiệm.

Phương pháp kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan nên sử dụng trong những trường hợp sau:

- Khi cần khảo sát kết quả học tập trên một số lượng lớn HS hoặc muốn tiếp tục dùng bài trắc nghiệm đó ngay ở những lần sau.
- Khi muốn đo lường tốt nhất các mục tiêu nhận biết và thông hiểu.
- Trong trường hợp đã có ngân hàng câu hỏi dự trữ sẵn (câu đã qua thử nghiệm và đạt được các yêu cầu nhất định về độ khó, độ phân biệt...) sẽ rất tiện lợi cho GV khi soạn một bài kiểm tra mới.
- Khi không muốn mất nhiều thời gian để chấm điểm và muốn có được những điểm số đáng tin cậy không phụ thuộc vào chủ quan của người chấm bài.
- Khi muốn ngăn ngừa HS học tủ và gian lận trong khi làm bài.

b. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp kiểm tra, đánh giá để cập đến việc theo dõi HS thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do HS làm ra (quan sát sản phẩm).

Phương pháp quan sát được tiến hành khi GV sử dụng thị giác phối hợp với các giác quan khác, xem xét quá trình học tập của HS một cách có ý thức, có mục đích, có kế hoạch để thu thập thông tin và đưa ra những kết luận trên cơ sở phân tích những thông tin ấy. Đây là một trong những phương pháp phổ biến của kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

Trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, phương pháp quan sát giúp GV xác định được ở HS những thái độ, những phản ứng, những kĩ năng thực hành và một số kĩ năng về nhận thức, chẳng hạn cách giải quyết vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, pháp luật... trong một tình huống đang được nghiên cứu. Đây là phương pháp rất phù hợp để thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá các biểu hiện về phẩm chất và biểu hiện về năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân ở HS.

Khi quan sát quá trình HS thực hiện nhiệm vụ học tập, GV phải chú ý đến những hành vi của HS như: sự tương tác (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc,...) giữa các HS với nhau trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các HS khác, mất tập trung, có vẻ mặt căng thẳng, lo lắng, lúng túng,... hay hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học, ngồi im thụ động hoặc không ngồi yên được quá ba phút,...

Khi HS tạo ra sản phẩm cụ thể, là minh chứng của sự vận dụng kiến thức đã học như: bài luận ngắn, bài tập nhóm, báo cáo ghi chép, bài tập thực hành, báo cáo dự án, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, tạo ra được một dụng cụ thực hành..., GV cần đánh giá sự tiến bộ của HS hoặc xem xét quá trình HS làm ra sản phẩm đó và cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp HS hoàn thiện sản phẩm.

Phương pháp quan sát có các dạng chủ yếu sau:

– Quan sát được tiến hành chính thức và định trước, đây là loại quan sát mà GV đã có thời gian để chuẩn bị cho HS và xác định trước từng hành vi cụ thể đã được quan sát, ví dụ như trong trường hợp GV đánh giá HS khi các em đọc tài liệu trong nhóm nghiên cứu hoặc trình bày bài báo cáo trước lớp. Trong những tình huống như thế, GV có thể quan sát một tập hợp các hành vi ứng xử của HS.

– Quan sát không được định sẵn và không chính thức, đây là những quan sát mang tính tự phát, phản ánh những tình huống, khoảnh khắc, sự việc xảy ra thoáng qua không định sẵn mà GV ghi nhận được và phải suy nghĩ diễn giải, ví dụ như khi GV thấy hai HS nói chuyện thay vì thảo luận bài học, nhận thấy một em HS có biểu hiện bị tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc về quần áo của mình, hoặc nhìn thấy một HS bồn chồn, ngồi không yên và luôn nhìn ra cửa sổ trong suốt giờ học.

Ưu điểm của phương pháp quan sát: giúp cho việc thu thập thông tin của GV được kịp thời, nhanh chóng; quan sát được dùng kết hợp với các phương pháp khác sẽ giúp việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách liên tục, thường xuyên và toàn diện.

Hạn chế của phương pháp quan sát: kết quả quan sát phụ thuộc nhiều vào yếu tố chủ quan của người quan sát; khối lượng quan sát không được lớn, khối lượng thu được không thật toàn diện nếu không có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; chỉ thu được những biểu hiện trực tiếp, bề ngoài của đối tượng.

Các yêu cầu khi sử dụng phương pháp quan sát:

- Cần xác định rõ mục tiêu, đối tượng, nội dung, phạm vi cần quan sát.
- Xác định rõ các tiêu chí/chỉ báo khi quan sát cho từng nội dung quan sát.
 - + Thiết lập bảng kiểm, phiếu quan sát cho các nội dung quan sát.
 - + Ghi chú và điền các thông tin chính vào phiếu quan sát/ bảng kiểm khi tiến hành quan sát.
- Công bố kết quả quan sát và tổ chức cho HS sẽ rút kinh nghiệm cho các sản phẩm học tập.

Cách thức thực hiện đánh giá qua quan sát:

Bước 1. Chuẩn bị

– Xác định mục đích quan sát (Cần cung cấp thông tin định tính để bổ sung cho các thông tin định lượng trong điều tra, thu thập minh chứng để đánh giá việc đạt được các tiêu chí; muốn biết năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề,... của HS; muốn biết hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong môn học được thực hiện có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin).

– Xác định đối tượng quan sát (HS, quá trình thực hiện nhiệm vụ của HS, sự tương tác giữa HS với nhóm HS trong môi trường nhất định).

– Xác định nội dung quan sát (kĩ năng nhận thức, kĩ năng thực hành, các thao tác, hành vi, động cơ, thái độ, hứng thú học tập môn học của HS).

- Xác định phương thức quan sát (công khai hoặc không công khai; trực tiếp hoặc gián tiếp; quan sát có hệ thống/cấu trúc hay không có hệ thống).
- Xác định địa điểm quan sát (trong lớp học, ngoài lớp học).
- Xác định các lưu giữ kết quả quan sát (chuẩn bị bộ công cụ quan sát như: sổ ghi chép hoặc phiếu quan sát, thang đánh giá, phương tiện kĩ thuật).

Bước 2. Quan sát và lưu giữ thông tin: GV thực hiện theo tiến trình: quan sát những gì, ghi chép những gì và ghi như thế nào,...

Bước 3. Đánh giá: GV tiến hành phân tích thông tin, nhận xét kết quả, ra quyết định,...

Việc sử dụng nhiều cách thức thu thập dữ liệu (phỏng vấn, quan sát, tài liệu, v.v.), đối chiếu so sánh thông tin thu thập từ các nguồn khác nhau là rất quan trọng trong việc nâng cao độ tin cậy của các kết quả tìm được trong quá trình đánh giá.

Như vậy, phương pháp quan sát rất quan trọng trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, nó giúp cho GV có cái nhìn tổng quan về thái độ, hành vi, sự tiến bộ của HS suốt cả quá trình dạy học, để từ đó có thể điều chỉnh cho HS có thái độ học tập và tăng cường các kĩ năng tốt hơn. Thông qua việc quan sát, GV sẽ thu thập được chứng cứ về hành vi của HS (Ví dụ: Có xác định được đúng quyền và nghĩa vụ của bản thân trong một tình huống ứng xử không? Có trao đổi, thảo luận với bạn để hoàn thành sản phẩm không? Có nói chuyện riêng trong lớp không?...). Với phương pháp đánh giá này, sẽ không chỉ cung cấp thông tin về lượng kiến thức, kĩ năng, chiến lược học của HS mà còn giúp cho GV có các thông tin về cảm xúc của HS (tích cực hay không tích cực, tập trung hay mất tập trung,...). Điều quan trọng nhất khi sử dụng phương pháp quan sát là cân bằng giữa hai mục tiêu: khẳng định những dự đoán về kết quả học tập của HS và khám phá ra những khía cạnh mới mà trước đây chưa từng được HS thể hiện.

Để tiến hành quan sát có hiệu quả, GV cần sử dụng các loại công cụ để thu thập thông tin như: Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí,...

c. Phương pháp hỏi – đáp

Hỏi – đáp là phương pháp chủ yếu thứ ba, GV thường sử dụng để thu thập minh chứng trong kiểm tra, đánh giá trên lớp. Cách thức tiến hành của phương pháp này là GV đặt câu hỏi và HS trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà HS cần nắm, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng, đào sâu những tri thức mà HS đã học.

Phương pháp hỏi – đáp cung cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về HS. Do vậy, việc làm chủ, thành thạo các kĩ thuật đặt câu hỏi đặc biệt có ích đối với GV khi tiến hành đánh giá, nhất là khi cần ôn lại một chủ đề trước đó, suy nghĩ về một chủ đề mới, xem HS có hiểu bài hay không và thu hút sự chú ý của một HS nào đó đang mất tập trung. GV có thể thu thập được thông tin mình muốn mà không cần đến bất kì một loại đánh giá viết nào.

Ưu điểm của phương pháp hỏi – đáp: kích thích tính tích cực, độc lập tư duy ở HS để tìm ra câu trả lời tối ưu trong thời gian nhanh nhất; bồi dưỡng HS năng lực diễn đạt bằng lời nói; bồi dưỡng hứng thú học tập qua kết quả trả lời; giúp GV thu tín hiệu ngược từ HS một cách nhanh gọn kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình, mặt khác có điều kiện quan tâm đến từng HS, nhất là những HS giỏi và kém; tạo không khí làm việc sôi nổi, sinh động trong giờ học.

Nhược điểm của phương pháp hỏi – đáp: dễ làm mất thời gian ảnh hưởng không tốt đến kế hoạch lên lớp cũng như mất nhiều thời gian để soạn hệ thống câu hỏi; nếu không khéo léo sẽ không thu hút được toàn lớp mà chỉ là đối thoại giữa GV và một HS.

Tùy vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tùy theo mục đích, nội dung của bài để phân biệt những dạng vấn đáp cơ bản sau:

Hỏi – đáp gợi mở: là hình thức GV khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở dẫn dắt HS rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được, được sử dụng khi cung cấp tri thức mới. Hình thức này có tác dụng kích thích tính tích cực của HS rất mạnh, nhưng cũng đòi hỏi GV phải khéo léo, tránh đi đường vòng, lan man, xa vấn đề.

Hỏi – đáp củng cố: được sử dụng sau khi học tri thức mới, giúp HS củng cố những tri thức cơ bản nhất và hệ thống hoá chúng, mở rộng và đào sâu tri thức đã chiếm lĩnh được, khắc phục tính thiếu chính xác của việc nắm tri thức.

Hỏi – đáp tổng kết: được sử dụng khi cần dẫn dắt HS khái quát hoá, hệ thống hoá những tri thức đã học sau một vấn đề, một phần, một chương hay một môn học nhất định. Phương pháp này giúp HS phát triển năng lực khái quát hoá, hệ thống hoá, tránh nắm bắt những đơn vị tri thức rời rạc, giúp cho các em phát huy tính mềm dẻo của tư duy.

Hỏi – đáp kiểm tra: được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng hoặc sau một vài bài học giúp GV kiểm tra tri thức HS một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Nó cũng giúp HS tự kiểm tra tri thức của mình. Như vậy là tùy vào mục đích và nội dung bài học,

GV có thể sử dụng 1 trong 4 hoặc cả 4 dạng phương pháp vấn đáp nêu trên.

Ví dụ, khi dạy bài mới GV dùng dạng vấn đáp gợi mở, sau khi đã cung cấp tri thức mới, dùng phương pháp vấn đáp củng cố để đảm bảo HS nắm chắc và đầy đủ tri thức. Cuối giờ dùng vấn đáp kiểm tra để có thông tin ngược kịp thời từ phía HS.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này:

- Đối với câu hỏi cần phải chính xác rõ ràng, sát với trình độ của HS.
- Diễn đạt câu đúng ngữ pháp, gãy gọn, trong sáng.
- Câu hỏi phải có tác dụng kích thích tính tích cực, độc lập tư duy của HS.
- Khi kiểm tra bằng phương pháp vấn đáp, GV cần chăm chú theo dõi câu trả lời, có thái độ bình tĩnh, tránh nôn nóng, cắt ngang câu trả lời khi không cần thiết.

d. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập

Khái niệm hồ sơ học tập có thể phụ thuộc vào quan niệm của mỗi người, nhưng điểm chung của hồ sơ học tập được thể hiện ở một số đặc điểm sau:

Là một bộ sưu tập có mục đích về công việc của một HS, chứng tỏ sự tiến bộ trong việc phát triển kiến thức, kĩ năng, giá trị và thái độ trong một lĩnh vực nhất định.

Bộ sưu tập được lưu giữ trong một thư mục, một hộp sách (dạng truyền thống) hoặc một hình thức khác (như hồ sơ học tập điện tử).

Hồ sơ học tập cung cấp thông tin hữu ích và những bằng chứng cho GV để theo dõi những gì HS biết và có thể làm trong lĩnh vực đang được đánh giá để tiến hành đánh giá việc học tập.

Hồ sơ học tập được đặc trưng bởi ý định học tập rõ ràng. Sử dụng các tiêu chí để xác định hiệu suất, chất lượng thành công và luôn thể hiện tự phản ánh của HS.

HS được tham gia vào việc thu thập, lựa chọn, xây dựng hồ sơ học tập, qua đó chia sẻ những gì HS nghĩ, cảm nhận về bản thân và công việc của mình.

Hồ sơ học tập tạo điều kiện cho việc giao tiếp giữa HS với nhau, với GV và cha mẹ hoặc các đối tượng khác có quan tâm.

Từ những đặc điểm trên, có thể hiểu hồ sơ học tập là một bộ sưu tập có mục đích, có tổ chức những sản phẩm học tập của HS, những kết quả HS đạt được, phản ánh quá trình học tập, sự tiến bộ của HS trong việc phát triển kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực trong một khoảng thời gian nhất định.

Hồ sơ học tập gồm các bài tập, bài kiểm tra, bài thực hành, sản phẩm công việc bằng video hoặc hình ảnh,... đã hoàn thành một cách tốt nhất. Chúng có thể được sử dụng như là minh chứng về quá trình học tập và sự tiến bộ. Chúng cũng có thể sử dụng như là minh chứng của đánh giá tổng kết, như là minh chứng về các tiêu chuẩn cần đạt. Các danh mục (hay còn gọi là mẫu nhiệm vụ) trong hồ sơ học tập luôn đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của HS, nhất là các khoá học tiếp cận năng lực. Yêu cầu HS thiết lập, trình bày các danh mục trong hồ sơ là một cách đánh giá hiệu quả, nó liên quan đến việc thu thập các vật liệu nhằm cung cấp minh chứng rõ ràng về tiêu chí cần đánh giá. Hồ sơ cần được tổ chức tốt, có mục lục tra cứu dễ dàng.

Thường có hai loại hồ sơ: hồ sơ quá trình sẽ cung cấp vật liệu học tập tốt nhất để minh chứng sự tiến bộ qua các thời kì; hồ sơ sản phẩm chứng minh về việc thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Một hồ sơ học tập thường có: Bìa; mục lục; mục tiêu của hồ sơ; các mục thể hiện sự hiểu biết kiến thức; các mục minh hoạ cho quá trình học tập, chẳng hạn như trích đoạn nhật kí học tập, dự án mẫu, chú thích về các quyết định quan trọng,...; phần thực hiện công việc (các sản phẩm cụ thể); tự đánh giá; giải thích bối cảnh, lí do chọn sản phẩm này,...

Với mục đích đánh giá, hồ sơ học tập được coi là phương pháp đánh giá dựa trên phương pháp học tập hiện đại như thuyết kiến tạo, lí thuyết đa trí tuệ và lí thuyết công não.

Đánh giá qua hồ sơ học tập cho phép các HS phản ánh kết quả thực sự của bản thân, thấy điểm mạnh, điểm hạn chế của chính mình, quan sát được sự tiến bộ của chính mình trong suốt quá trình học tập và khuyến khích HS chịu trách nhiệm về việc học của mình. Hồ sơ học tập thu thập được thông tin từ các nguồn khác nhau như cha mẹ HS, bạn bè, thầy cô và bản thân. Hồ sơ học tập cung cấp cho GV những thông tin đáng tin cậy về HS... xét cả ở nghiên cứu lí thuyết và nghiên cứu ứng dụng đều cho thấy hồ sơ học tập có thể được sử dụng như là phương pháp học tập và đánh giá. Nếu đánh giá qua bài kiểm tra chủ yếu cho thấy HS biết được những gì đã học được, thì đánh giá qua hồ sơ học tập cho thấy HS có thể làm được những gì từ những thứ HS đã học được.

Tóm lại, hồ sơ học tập giúp phát triển kĩ năng tổ chức, kĩ năng thể hiện, trình bày,... của HS. Khi được khuyến khích tạo sản phẩm tốt nhất, HS sẽ tự tôn trọng mình, tự chủ và tự thể hiện bản thân một cách rõ rệt. Thông qua hồ sơ, HS có cơ hội minh chứng năng lực bằng những sản phẩm tốt nhất; lập sơ đồ về sự tiến bộ của mình; giám sát và điều chỉnh hành động và kế hoạch cá nhân; trao đổi học tập với người khác; tạo những thay đổi cần thiết theo đường phát triển năng lực.

e. Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập

Đây là phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS khi những kết quả ấy được thể hiện bằng cách sản phẩm như bảng sơ đồ hoá, bài thuyết trình, tranh cổ động, báo viết, báo ảnh, báo tường,... Như vậy, sản phẩm là các bài làm hoàn chỉnh, được HS thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

Các dạng sản phẩm học tập: sản phẩm giới hạn ở những kĩ năng thực hiện trong phạm vi hẹp (Giải quyết một tình huống, thực hành một kĩ năng ...); sản phẩm đòi hỏi HS phải sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, kĩ năng có tính phức tạp hơn, mất nhiều thời gian hơn. Sản phẩm này có thể đòi hỏi sự hợp tác giữa các HS và nhóm HS, thông qua đó GV có thể đánh giá được năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS.

Đánh giá qua sản phẩm học tập giúp cho việc giảng dạy gắn với thực tiễn, kích thích hứng thú học tập của HS, làm cho môn học trở nên ý nghĩa hơn, HS học tập năng động hơn. Thông qua sản phẩm hoạt động, HS có thể tự đánh giá được khả năng thực hiện của mình. Trọng tâm của đánh giá sản phẩm là hướng vào những gì HS đã làm nên HS có cơ hội để thể hiện điều đã học theo các cách khác nhau, nhờ đó mà phát huy được tính sáng tạo cho HS. Tuy nhiên, đánh giá qua sản phẩm học tập thường chịu tác động chủ quan từ phía người đánh giá, đôi khi mất nhiều thời gian để xây dựng tiêu chí đánh giá, quan sát, phân tích, phản hồi kết quả đến từng HS. Vì vậy, cần xây dựng chỉ dẫn cụ thể cho việc chấm điểm, bao gồm các tiêu chí và mức độ cho từng sản phẩm của HS nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan.

Trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, mỗi loại thông tin thu được từ phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy

đủ và ý nghĩa từng HS trong lớp học. Khi học tập/nghiên cứu để biết cách sử dụng các phương pháp trong đánh giá thường xuyên thì cần tách biệt từng phương pháp, công cụ. Tuy nhiên, khi vận dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá GV cần và nên phối hợp một số phương pháp kiểm tra, đánh giá ở mỗi chủ đề.

Như vậy, tùy vào mục đích đánh giá và yêu cầu cần đạt của chủ đề, GV có thể sử dụng một hoặc tất cả các phương pháp kiểm tra, đánh giá nêu trên.

Hãy tưởng tượng khi phải ra quyết định trong lớp học mà không thể quan sát về mặt, phản ứng, sự thể hiện kĩ năng trả lời câu hỏi và giao tiếp của HS. Hãy tưởng tượng nếu không thu thập được các thông tin từ các bài kiểm tra viết của HS trong lớp học thì sẽ như thế nào. Nếu GV không thể hỏi học trò của mình thì sẽ như thế nào. Mỗi loại thông tin đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy đủ và ý nghĩa trong lớp học. Vì thế, việc GV nắm vững tất cả các phương pháp thu thập thông tin là rất quan trọng.

Để lựa chọn được phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật phù hợp, chúng ta có thể chia những nội dung và chủ đề học tập ở môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thành 3 loại, ứng với mỗi loại là các hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp:

- Loại 1 là những kiến thức khoa học và những kĩ năng nhận thức về các vấn đề kinh tế, pháp luật. Sử dụng phương pháp viết, hỏi – đáp sẽ phát huy tác dụng tốt với việc đánh giá những nội dung thuộc loại này.

- Loại 2 là các kĩ năng hoạt động như viết, thuyết trình, phân tích và làm rõ đối tượng, giải quyết tình huống có vấn đề, lập kế hoạch hoạt động, tạo sản phẩm... Sử dụng phương pháp quan sát, viết, hỏi – đáp sẽ phát huy tác dụng tốt với việc đánh giá các kĩ năng hoạt động trong dạy học bộ môn.

- Loại 3 là những nội dung thể hiện nhận thức về thái độ, giá trị, niềm tin; thể hiện thái độ, giá trị, niềm tin qua hành vi, kết quả hoạt động. Phương pháp quan sát, viết phát huy tác dụng tốt với việc đánh giá loại nội dung này.

Như vậy, tùy thuộc vào yêu cầu cần đạt, vào nội dung cần đánh giá của một chủ đề GV sẽ lựa chọn sử dụng hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu/ YCCĐ.

V. MỘT SỐ LƯU Ý KHI DẠY HỌC SGK GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT 10 THEO MẠCH NỘI DUNG

5.1. Với mạch nội dung Giáo dục kinh tế

Với các bài dạy Giáo dục kinh tế, việc đảm bảo các yêu cầu chung của kế hoạch bài dạy là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, có thể chú ý đến một số gợi mở sau xét trên các giai đoạn triển khai bài dạy cụ thể

Giai đoạn mở đầu

GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến kiến thức kinh tế.

Hoạt động nhằm thu thập thông tin về kiến thức nền của HS giúp HS phát hiện vấn đề của bài học và tạo hứng thú học tập.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác kiến thức nền xung quanh các tình huống, các hoạt động kinh tế diễn ra hằng ngày xung quanh các em.

Thường là:

- Em chia sẻ thông tin về...
- Tại sao hiện tượng kinh tế đó lại xảy ra?
- Hoạt động nào đang diễn ra ở nơi em sinh sống?

Giai đoạn khám phá

GV tổ chức hoạt động kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phản biện, giải thích một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, nhận xét và đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong thực hiện các quy định về kinh tế – xã hội; tự nhận thức bản thân, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển bản thân.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này giúp định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hoạt động kinh tế, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm. Thường là:

- Em hiểu thế nào về...?
- Hoạt động kinh tế/ hiện tượng kinh tế có đặc điểm, chức năng, vai trò gì?
- Hành vi nào chưa đúng?

Giai đoạn luyện tập

Trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể, các thông tin đưa ra để nhận diện vấn đề và xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định, thực hiện được nghĩa vụ của công dân trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, tiêu dùng. Ngoài ra, HS còn phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến kinh tế

Câu hỏi trong giai đoạn này nhằm giúp HS phát triển phẩm chất và năng lực dựa trên bài học được khái quát và tổng kết thông qua các hình thức luyện tập như:

- Em đồng tình hay không đồng tình...? Vì sao?
- Nêu nhận xét của bản thân...
- Nếu là em, em sẽ làm gì?

Giai đoạn vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động tham gia các hoạt động kinh tế bằng

cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống kinh tế trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày, phát triển bản thân và tìm hiểu tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

Đây là giai đoạn giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng vào bối cảnh cụ thể để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Các dạng vận dụng như quan sát và liệt kê, tư vấn phương án lựa chọn dựa vào kiến thức đã học,...

Với cấu trúc bài học như trên, các bài học phần kinh tế sẽ từng bước hình thành các năng lực đặc thù của HS, được biểu hiện tập trung ở năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân và đặc biệt là năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, năng lực chưa có sự quan tâm nhiều trong chương trình hiện hành. Các bài học xoay quanh kiến thức phổ thông về kinh tế dựa trên quy trình trên đã giúp HS tiếp nhận kiến thức, luyện tập và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi mà không làm giảm đi tính khoa học của môn học.

5.2. Với mạch nội dung Giáo dục pháp luật

Với các bài dạy Giáo dục pháp luật, có thể chú ý đến các lưu ý sau khi triển khai từng giai đoạn thực hiện bài dạy để đạt được hiệu quả mong đợi.

Giai đoạn mở đầu

GV tổ chức hoạt động khởi động, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, sự hiểu biết của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi pháp luật. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi pháp luật đó trong những hoạt động kế tiếp. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục pháp luật phải xuất phát từ ý thức pháp luật, tác động tới nhận thức trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục. Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này nhằm hướng tới khai thác, khơi dậy, tác động đến ý thức pháp luật trong nhận thức của các em.

Thông thường là: Dựa vào hiểu biết của cá nhân, theo bạn,...

Giai đoạn khám phá

GV tổ chức hoạt động kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi pháp luật. Từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi pháp luật. Hình thành những tri thức về pháp luật một cách tương đối có hệ thống, từ đó giúp HS hình thành được niềm tin đối với pháp luật, xác định được thái độ và định hướng về hành vi phù hợp với pháp luật. Xây dựng cho HS những cơ sở nhân cách ban đầu theo các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, để ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, HS phải hiểu và biết hành động theo pháp luật; trở thành những công dân biết sống, lao động theo Hiến pháp và pháp luật.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này giúp định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi pháp luật, từ đó có ý thức thực hiện pháp luật: không được làm, phải làm, được làm. Thường là:

– Hãy cho biết quy tắc xử sự chung là gì? Quy tắc xử sự chung có ý nghĩa như thế nào đối với các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật?

– Tại sao nói pháp luật thể hiện ý chí của Nhà nước?

Giai đoạn luyện tập

Với tính cách là hệ quả của hoạt động khám phá, phần luyện tập là sự tiếp nối nhưng trên cơ sở nền tảng của khám phá. Trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động khám phá vào các tình huống pháp luật cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi pháp luật. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ pháp luật được thúc đẩy từ bên trong ý thức của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động pháp luật với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống pháp luật có thực hoặc giả định. Thường là: xử lý tình huống; liên hệ thực tế; đọc thông tin và trả lời...

Giai đoạn vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động pháp luật bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi pháp luật phù hợp với lứa tuổi trong đời sống hằng ngày. Thường là viết thư, làm sản phẩm tuyên truyền pháp luật,...

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI BÀI DẠY CỤ THỂ

CHỦ ĐỀ 1. NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

BÀI

1

NỀN KINH TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.
- Trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.
- Tìm tòi, học hỏi và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:

Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: nêu được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế; tìm tòi, học hỏi và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

Nhận thức chuẩn mực, hành vi: Nêu được trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện đúng trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A0.
 - + Các hình ảnh, tranh vẽ, câu chuyện ngắn, bài báo, bài viết liên quan đến các hoạt động kinh tế.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có được hứng thú và kết nối với bài học mới.

b. Nội dung: HS quan sát tranh trong SGK trang 6 và nhận biết các hoạt động đang diễn ra trong tranh.

c. Sản phẩm: HS nêu được các hoạt động kinh tế trong đời sống.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. Trong thời gian 1 phút, HS mô tả và nhận biết các hoạt động diễn ra trong tranh.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV có thể chiếu các hình ảnh trong SGK lên màn hình để HS trong lớp theo dõi (nếu có máy tính).

+ GV đưa ra yêu cầu: Nêu các hoạt động kinh tế được mô tả trong tranh (SGK trang 6) và chia sẻ hiểu biết của em về các hoạt động kinh tế đó.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 hoặc 3 HS trả lời và các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của các hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: Hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK trang 7.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy hoặc trên PowerPoint.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm đọc trường hợp và thảo luận các câu hỏi trong SGK trang 7.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp, thảo luận để thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận:

+ Các nhóm trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật phòng tranh, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm.

+ Các nhóm cùng quan sát, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

+ Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện, thuyết trình sản phẩm.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của từng nhóm và tổng kết những ý kiến phù hợp.

+ GV định hướng HS liệt kê các hiệu quả mà mô hình sản xuất đó đã mang lại theo những thông tin mà trường hợp cung cấp.

+ GV kết luận.

Hoạt động sản xuất là hoạt động con người tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Hoạt động sản xuất là hoạt động cơ bản nhất của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối – trao đổi, tiêu dùng.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện theo yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của các hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: Hãy đọc trường hợp 1, 2 và trả lời câu hỏi trong SGK trang 7, 8.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy hoặc trên PowerPoint.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm đọc trường hợp 1, 2 và thảo luận các câu hỏi trong SGK trang 7, 8.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp, thảo luận để thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận:

+ Các nhóm trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật phòng tranh, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm.

+ Các nhóm cùng quan sát, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

+ Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện, thuyết trình sản phẩm.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của từng nhóm và tổng kết những ý kiến phù hợp.

+ GV gợi ý cho HS: Trường hợp 1 là hoạt động phân phối; trường hợp 2 là hoạt động trao đổi.

+ GV kết luận.

Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm từ người sản xuất đến người tiêu dùng. Trao đổi là hoạt động nhà sản xuất đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng. Hoạt động phân phối – trao đổi thực hiện vai trò trung gian, kết nối sản xuất với tiêu dùng. Hoạt động phân phối đóng vai trò phân chia các yếu tố của quá trình sản xuất. Phân phối phù hợp sẽ góp phần vào sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng. Hoạt động trao đổi đóng vai trò kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm, duy trì, phát triển hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của các hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: Hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK trang 8.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy hoặc trên PowerPoint.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm đọc trường hợp và thảo luận các câu hỏi trong SGK trang 8.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp, thảo luận để thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận:

+ Mời đại diện từng nhóm thuyết trình phần bài làm của nhóm.

+ Các nhóm cùng quan sát, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

+ Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện, thuyết trình sản phẩm.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của từng nhóm và tổng kết những ý kiến phù hợp.

- + GV gợi ý cho HS: Khi năm học mới bắt đầu, nhu cầu mua sắm đồ dùng học tập tăng cao, tuy nhiên, thực tế hiện nay người tiêu dùng đã quan tâm nhiều hơn đến thương hiệu, chất lượng sản phẩm chứ không dừng lại ở mẫu mã, giá thành.
- + GV kết luận.

Hoạt động tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm được sản xuất để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của mình. Tiêu dùng là mục đích của sản xuất.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

b. Nội dung: Đọc trường hợp 1, 2 trong SGK trang 8, 9 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp 1, 2 trong SGK trang 8, 9 và trả lời câu hỏi:

+ Em có nhận xét gì về dự định hoạt động kinh doanh của anh K?

+ Nếu là anh K, em sẽ thực hiện kinh doanh như thế nào?

+ Em có nhận xét gì về hoạt động của doanh nghiệp Q?

+ Hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào đối với kinh tế – xã hội?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 3 HS trả lời câu hỏi và các HS khác nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV định hướng, phân tích cho HS. GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung bài học.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: Việc dùng nguồn nguyên liệu không đảm bảo, gây ảnh hưởng sức khỏe cho người tiêu dùng là việc làm sai và đáng bị lên án. Hãy là người kinh doanh có đạo đức, trách nhiệm.

+ Trường hợp 2: Phương châm kinh doanh của doanh nghiệp Q cùng với hành động cụ thể để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, bảo vệ môi trường là việc làm tốt, thể hiện được ý thức, trách nhiệm, đáng được tuyên dương, ủng hộ.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến*

a. Mục tiêu: HS xác định được ý kiến đúng hay sai và giải thích được lí do.

b. Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào (SGK trang 10)? Vì sao?

c. Sản phẩm: HS chọn được ý kiến đúng hay sai và giải thích được lí do.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem yêu cầu trong SGK trang 10.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến trong SGK, bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình và giải thích lí do.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 4 HS xung phong phát biểu ý kiến.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời: Theo đó, hai ý kiến a, c là hai ý kiến chưa hợp lí; hai ý kiến b, d là hợp lí.

► *Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu*

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các hoạt động kinh tế.
- Nhận xét được vai trò của hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm:

- HS xác định được các hoạt động kinh tế.
- Ý kiến của bản thân về vai trò của hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp 1, 2, 3 trong SGK trang 10 và trả lời câu hỏi trang 10, 11.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong trình bày trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và tuyên dương những HS xung phong, trình bày tốt.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1: Hoạt động sản xuất.
- + Trường hợp 2: Hoạt động phân phối – trao đổi.
- + Trường hợp 3: Hoạt động tiêu dùng.

► *Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của bản thân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung: Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được vai trò của bản thân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK trang 11.
 - Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.
 - Tổ chức, điều hành: GV mời 2 hoặc 3 HS trả lời câu hỏi.
 - Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.
- Gợi ý trả lời: M đã tham gia hoạt động phân phối – trao đổi cùng gia đình.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS bày tỏ ý kiến, thái độ ứng xử phù hợp với trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

b. Nội dung: Đọc tình huống, suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK trang 11.

c. Sản phẩm: HS chia sẻ trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
 - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
 - Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.
 - Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những hành động phù hợp.
- Gợi ý trả lời: Hành động lên án, “báo chính quyền” của B là phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Hành động**

a. Mục tiêu: HS thực hiện kế hoạch kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm và trình bày trước lớp.

c. Sản phẩm: HS thực hiện được kế hoạch kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm để lên ý tưởng và trình bày trước lớp kế hoạch kinh doanh phù hợp.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm để lên kế hoạch kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 hoặc 3 lên chia sẻ kế hoạch kinh doanh, các HS khác nêu ý kiến nhận xét.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, động viên HS tìm tòi, học hỏi và tham gia hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

► **Nhiệm vụ 2. Tuyên truyền**

a. Mục tiêu: HS tuyên truyền được về trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh và trình bày trước lớp.

c. Sản phẩm: HS thực hiện được bài giới thiệu một sản phẩm từ thiên nhiên để tuyên truyền về trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh, thực hiện được bài giới thiệu một sản phẩm từ thiên nhiên, trình bày trước lớp.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, thực hiện được bài giới thiệu một sản phẩm từ thiên nhiên và trình bày trước lớp.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 hoặc 3 HS lên trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS thực hiện trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế, đặt biệt là trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.
- Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.
- Tìm tòi, học hỏi và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.
- Vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.
- Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực tự chủ và tự học: Biết khẳng định và bảo vệ quyền lợi, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao và bày tỏ được ý kiến.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội (đặc thù):

- + Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

- + Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

- + Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tích cực, tự giác thực hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy, câu chuyện ngắn, bài viết, bài báo.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có được hứng thú và kết nối với bài học mới.

b. Nội dung: HS quan sát tranh 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 12 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định các chủ thể kinh tế được mô tả trong tranh và chia sẻ hiểu biết về các chủ thể kinh tế đó.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, quan sát các hình ảnh trong SGK, xác định và nêu hiểu biết về các chủ thể kinh tế.

+ HS có thể thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu các hình ảnh trong SGK lên màn hình chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi (nếu có máy tính).

+ GV đưa ra yêu cầu: Hãy xác định các chủ thể kinh tế được mô tả trong hình và chia sẻ hiểu biết của em về các chủ thể kinh tế.

– Tổ chức điều hành: GV mời đại diện 1 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Gợi ý trả lời:

Tranh 1: Chủ thể sản xuất.

Tranh 2: Chủ thể Nhà nước.

Tranh 3: Chủ thể tiêu dùng.

Tranh 4: Chủ thể trung gian.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của chủ thể sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: Đọc trường hợp ở phần a của SGK trang 13 trong thời gian 5 phút và cho biết vai trò của chủ thể sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy hoặc PowerPoint.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ, bút màu, kéo, băng dính (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ Các nhóm đọc trường hợp ở phần a, sau đó thảo luận câu hỏi trong SGK trang 13.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Trao đổi, thảo luận:

+ GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm trên giấy, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.

+ Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời: Những việc làm của anh H thể hiện trách nhiệm với tư cách là chủ thể sản xuất tham gia vào nền kinh tế: Sưu tằm tài liệu, tìm tòi học hỏi nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; chủ động đóng thuế, làm từ thiện, góp phần phát triển kinh tế – xã hội.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của chủ thể tiêu dùng khi tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: Đọc bảng trường hợp ở phần b, SGK trang 13 trong thời gian 5 phút và cho biết vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy hoặc PowerPoint.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị học đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ, bút màu, kéo, băng dính (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ Các nhóm đọc trường hợp ở phần b, sau đó thảo luận câu hỏi trong SGK trang 13.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Trao đổi, thảo luận:

+ GV mời đại diện từng nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

+ Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời: Chị V thể hiện vai trò định hướng, tạo động lực cho sự phát triển mô hình sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của chủ thể trung gian khi tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: Dựa vào trường hợp ở phần c, SGK trang 14 trong thời gian 5 phút và cho biết vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ, bút màu, kéo, băng dính (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ Các nhóm đọc trường hợp ở phần c, sau đó thảo luận câu hỏi trong SGK trang 14.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Trao đổi, thảo luận:

+ GV mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.

+ Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời: Chủ thể trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của chủ thể Nhà nước khi tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: Đọc bảng thông tin ở phần d, SGK trang 14 trong thời gian 5 phút và cho biết vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

c. Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy hoặc PowerPoint.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ, bút màu, kéo, băng dính (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ Các nhóm đọc thông tin d, sau đó thảo luận câu hỏi trong SGK trang 14.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, thực hiện sản phẩm theo yêu cầu.

– Trao đổi, thảo luận:

+ GV mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.

+ Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời: Nhà nước đã giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thể hiện rõ điều tiết và tạo thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

– Vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế:

+ Chủ thể sản xuất: là những cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp,... sử dụng các yếu tố đầu vào như nguồn vốn, sức lao động, tài nguyên,... tạo ra hàng hoá (sản phẩm, dịch vụ) cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

+ Chủ thể tiêu dùng: là người tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của mình. Chủ thể tiêu dùng có vai trò quan trọng trong định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm trong sự phát triển bền vững.

+ Chủ thể trung gian: gồm những tổ chức cá nhân giữ vai trò kết nối giữa người tiêu dùng và người sản xuất trong nền kinh tế. Dưới tác động của phân công lao động xã hội, những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán, sản xuất và tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả.

+ Chủ thể Nhà nước: có vai trò điều tiết và tạo thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

► **Nhiệm vụ 5. Đọc các trường hợp và thực hiện theo yêu cầu**

a. Mục tiêu: Trình bày về trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế.

b. Nội dung: Dựa vào trường hợp 1, 2, 3 trong SGK trang 14, 15 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm:

- HS nhận xét được hành vi của các chủ thể kinh tế.
- HS trình bày được trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 10 phút, đọc trường hợp 1, 2, 3 và thảo luận câu hỏi trong SGK trang 15.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.
- Tổ chức điều hành: GV mời 2 hoặc 3 HS trả lời và các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1. Ủng hộ việc làm của anh H, tư tưởng khởi nghiệp, phương châm sản xuất lấy sức khoẻ người tiêu dùng làm trung tâm, chủ động kết nối, tạo công ăn việc làm và đầu ra sản phẩm cho người dân.
- + Trường hợp 2. Ủng hộ việc làm của chị B, kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ, giá cả và hạn sử dụng niêm yết rõ ràng.
- + Trường hợp 3. Việc làm của chị N là phù hợp, thể hiện trách nhiệm của người tiêu dùng khi tham gia hoạt động kinh tế. Cách xử lý của quản lý hợp lý, thể hiện thái độ cầu thị, dám nhận sai và chủ động khắc phục những sai lầm, thiếu sót trong quá trình kinh doanh.

– Ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, chủ thể sản xuất phải tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, không làm tổn hại đối với con người, với môi trường và xã hội.

– Chủ thể tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội; lựa chọn, tiêu dùng hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; phê phán hành vi trái pháp luật trong hoạt động kinh tế.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến*

a. Mục tiêu: Thể hiện được sự đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến và giải thích được vì sao.

b. Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?

– Người sản xuất chỉ cần tối đa hoá lợi nhuận, không cần quan tâm đến quyền lợi người tiêu dùng.

– Sự đa dạng nhu cầu của người tiêu dùng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất.

– Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động của các chủ thể kinh tế đều chịu sự điều tiết, can thiệp của Nhà nước.

– Chủ thể trung gian tồn tại độc lập với người sản xuất và người tiêu dùng.

c. Sản phẩm: HS trình bày ý kiến và giải thích.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem yêu cầu trong SGK trang 16.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi về 4 ý kiến đặt ra: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào, giải thích vì sao.

– Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS đọc các ý kiến, thể hiện quan điểm đồng tình hay không đồng tình của mình, sau đó thảo luận với nhau để bảo vệ ý kiến của mình.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý trả lời: Ý kiến a, d là không hợp lý; ý kiến b, c là hợp lý.

► *Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu:

– HS nhận xét hành vi của các chủ thể của nền kinh tế.

– Trình bày về vai trò của bản thân với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: Dựa vào bảng thông tin 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 16, 17 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

– HS nhận xét được hành vi của các chủ thể của nền kinh tế.

– Trình bày được vai trò của bản thân với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. HS đọc thông tin trong SGK và nêu nhận xét.

Trường hợp 1. Khi lựa chọn mĩ phẩm, cô N có thói quen chọn lựa những sản phẩm có giá thành rẻ, số lượng nhiều mà ít chú ý đến chất lượng. Vì theo cô, người tiêu dùng chỉ cần chọn những sản phẩm hợp túi tiền và đảm bảo số lượng, còn chất lượng thì không cần quan tâm.

Trường hợp 2. Hộ kinh doanh A đưa ra thị trường sản phẩm ống hút, đũa, ... làm từ tre với mong muốn tạo ra sản phẩm thân thiện môi trường. Ngoài ra, hộ kinh doanh này còn liên kết với nông dân trồng tre, trúc, nửa để thu mua nguyên liệu và tạo việc làm cho người lao động.

Trường hợp 3. Do có lỗi trong dây chuyền sản xuất, Công ti B quyết định thu hồi sản phẩm đã đưa ra thị trường. Đồng thời, công ti còn gửi thư xin lỗi đến các đối tác và người tiêu dùng bằng sự cầu thị và trách nhiệm.

Trường hợp 4. Nhằm góp phần bình ổn mặt bằng giá bảo đảm cung cấp đủ hàng hoá thiết yếu cho người dân. Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiểm soát bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu như: gạo, thịt lợn, xăng dầu, vật tư y tế,... và biện pháp điều hành giá các mặt hàng thuộc danh mục Nhà nước định giá.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành:
 - + GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.
 - + GV đặt câu hỏi để khai thác sâu hơn vấn đề HS chia sẻ.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và tuyên dương những HS xung phong trình bày trước lớp.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1. Không đồng tình với cô N.
- + Trường hợp 2. Chủ thể sản xuất.
- + Trường hợp 3. Cách hành xử hợp lí, thể hiện trách nhiệm của chủ thể sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.
- + Trường hợp 4. Tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

► **Nhiệm vụ 3. Xử lí tình huống**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được hành vi của chủ thể kinh tế và đưa ra cách xử lí phù hợp.

b. Nội dung: Dựa vào thông tin ở phần 3, SGK trang 17, HS có thể sắm vai, xử lí tình huống hoặc trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết chị H cần làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình.

c. Sản phẩm:

– HS sắm vai nhân vật, nhận xét được hành vi của các chủ thể kinh tế và xử lý được tình huống.

– Trả lời được câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm. HS đọc thông tin, tổ chức sắm vai và nêu nhận xét.

+ GV có thể cho nhóm HS chuẩn bị trước kịch bản.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm và trình bày trước lớp.

– Tổ chức, điều hành:

+ GV tổ chức cho nhóm HS trình bày trước lớp.

+ GV có thể gợi ý để khai thác sâu hơn vấn đề nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời: Báo cáo chính quyền địa phương, phản ánh ngay trên hệ thống mua bán hàng trực tuyến,...

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► Nhiệm vụ 1. Tuyên truyền

a. Mục tiêu: HS tuyên truyền về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức tuyên truyền về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

c. Sản phẩm: HS thiết kế sản phẩm tuyên truyền về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, thiết kế sản phẩm tuyên truyền về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành:

+ HS trưng bày sản phẩm trên lớp.

+ Cả lớp cùng quan sát và nhận xét từng sản phẩm, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.

► **Nhiệm vụ 2. Chia sẻ quan điểm**

a. Mục tiêu: HS thể hiện được trách nhiệm của bản thân với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

b. Nội dung: HS viết bài viết ngắn chia sẻ những điều cần lưu ý khi sử dụng sản phẩm dịch vụ cho bản thân và gia đình, với tư cách là người tiêu dùng có trách nhiệm.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS chia sẻ ý kiến của bản thân với tư cách là người tiêu dùng có trách nhiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV có thể yêu cầu mỗi HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 hoặc 3 HS chia sẻ ý kiến, các HS khác nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.
- Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.
- Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 2. THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

BÀI

3

THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA THỊ TRƯỜNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm thị trường.
- Liệt kê được các loại thị trường.
- Trình bày được chức năng của thị trường.
- Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao và bày tỏ được ý kiến.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:

Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:

- + Nêu được khái niệm thị trường;
- + Liệt kê được các loại thị trường;
- + Liệt kê được chức năng của thị trường.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật khi tham gia vào thị trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A0.
 - + Các hình ảnh thể hiện các chợ ở Việt Nam.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT. Mỗi HS chuẩn bị thông tin về những tình huống thực tế liên quan đến các hành vi khi tham gia thị trường của bản thân HS và những người xung quanh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. HS huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Chia sẻ hiểu biết của bản thân về một số loại thị trường ở địa phương mà mình sinh sống (SGK, trang 18).

c. Sản phẩm: HS chia sẻ hiểu biết của bản thân về một số loại thị trường.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trong thời gian 3 phút. HS suy nghĩ và chia sẻ hiểu biết của bản thân về một số loại thị trường ở địa phương mà mình sinh sống. HS ghi chép phần suy nghĩ của mình ra giấy nháp hoặc vở ghi.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. Trong thời gian 2 phút và kể tên một số loại thị trường ở địa phương.

– Tổ chức, điều hành:

+ GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời: Thị trường từng loại hàng hoá, dịch vụ như thị trường cà phê, thị trường lúa gạo, thị trường xoài, thị trường bất động sản, thị trường thời trang,...

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm thị trường.

b. Nội dung: Hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK trang 19.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Hoạt động kinh tế nào diễn ra tại chợ? Các yếu tố nào tham gia vào hoạt động kinh tế đó?

+ Trong các hoạt động kinh tế kể trên, các chủ thể kinh tế tác động với nhau nhằm xác định điều gì? Các quan hệ kinh tế nào được xác lập?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi. Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.

+ Hoạt động trao đổi, mua bán diễn ra ở chợ.

+ Các yếu tố tham gia: Hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán.

+ Các chủ thể kinh tế tác động nhằm xác định giá cả và số lượng hàng hoá.

+ Các quan hệ kinh tế được xác lập: Cung – cầu, cạnh tranh,...

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

► *Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin, quan sát tranh và thực hiện theo yêu cầu*

a. Mục tiêu: HS liệt kê được các loại thị trường.

b. Nội dung: Hãy đọc thông tin, quan sát tranh trong SGK trang 19 và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các loại thị trường.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm và thực hiện yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian khoảng 5 phút để thực hiện yêu cầu:

- + Xác định các loại thị trường và căn cứ xác định thị trường trong thông tin trên.
- + Ngoài những loại thị trường trên, em hãy kể những loại thị trường khác mà em biết.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời câu hỏi, yêu cầu HS giải thích, trong quá trình trả lời GV có thể gợi ý thêm để HS phát biểu, bày tỏ ý kiến.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS. GV giải thích thêm về các loại thị trường đó:
 - + Thị trường chứng khoán, thị trường khoa học – công nghệ, thị trường bất động sản.
 - + Căn cứ vào đối tượng hàng hoá, dịch vụ cụ thể: thị trường hàng hoá, thị trường dịch vụ gắn với các loại hàng hoá, dịch vụ khác nhau.
 - + Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đổi, mua bán: thị trường tư liệu tiêu dùng; thị trường tư liệu sản xuất.
 - + Căn cứ vào phạm vi hoạt động: thị trường trong nước và thị trường thế giới.
 - + Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành: thị trường tự do; thị trường có điều tiết; thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo (độc quyền).

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS liệt kê được chức năng của thị trường.

b. Nội dung: Đọc nội dung của trường hợp 1, 2 trong SGK trang 20 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về chức năng của thị trường.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm 4 – 6 HS để thảo luận về các tình huống trong vòng 5 phút.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức để HS thực hiện hoạt động theo yêu cầu của GV.
- Tổ chức điều hành: GV yêu cầu đại diện nhóm HS trả lời và các nhóm nhận xét.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.

Gợi ý trả lời:

Trường hợp 1.

- + Thị trường cung cấp cho Công ti A về nhu cầu của người tiêu dùng, chủng loại, mẫu mã của hàng hoá để Công ti A quyết định đưa ra thị trường dầu gội có nguồn gốc từ tự nhiên: dầu gội bồ kết sả chanh.
- + Sản phẩm mới của Công ti A được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá cao để từ đó Công ti A mở rộng thêm các sản phẩm mới.

Trường hợp 2. Người trồng cà phê đã mở rộng sản xuất và đầu tư vốn vào chăm sóc cà phê vụ mới do thấy giá cà phê tăng lên. Đây là chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất.

Chức năng của thị trường:

- Thừa nhận giá trị của hàng hoá;
- Cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế;
- Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Phân biệt các loại thị trường*

a. Mục tiêu: HS phân biệt được một số loại thị trường.

b. Nội dung: Phân biệt thị trường hàng hoá và thị trường dịch vụ.

c. Sản phẩm: HS phân biệt thị trường hàng hoá và thị trường dịch vụ, cho ví dụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao cho HS làm việc cá nhân: Phân biệt thị trường hàng hoá và thị trường dịch vụ và cho ví dụ.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến.
 - + Trong quá trình HS làm việc cá nhân, GV quan sát và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
 - + GV mời HS nêu ý kiến và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày ý kiến, yêu cầu HS giải thích, trong quá trình này, GV có thể gợi ý thêm để HS phát biểu, bày tỏ ý kiến.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp ý kiến của HS và kết luận, đánh giá. GV có thể lấy thêm các ví dụ.

Gợi ý trả lời:

- + Thị trường hàng hoá là hình thái thị trường mà đối tượng trao đổi là các hàng hoá tồn tại dưới dạng hiện vật, hữu hình. Bao gồm 2 bộ phận là thị trường các yếu tố sản xuất và thị trường hàng hoá tiêu dùng là loại thị trường trao đổi các sản phẩm thông dụng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cá nhân toàn xã hội. VD: cà phê, gạo, sắt thép,...
- + Thị trường dịch vụ là một hình thức thị trường mà đối tượng để giao dịch và trao đổi là các sản phẩm không tồn tại dưới hình thức vật chất cụ thể nhằm thoả mãn nhu cầu phi vật chất của con người. VD: chứng khoán, chăm sóc sức khoẻ.

► **Nhiệm vụ 2. Thảo luận cùng các bạn và cho biết ý kiến về các phát biểu**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm thị trường.

b. Nội dung: HS đọc các câu nhận định và trả lời.

c. Sản phẩm: HS nêu được nhận định đúng là nhận định: b, c, ; nhận định sai là: a, d.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS nêu ý kiến. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trình bày ý kiến theo gợi ý**

a. Mục tiêu: HS phê phán được các hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định được:

– Trường hợp 1: Việc làm của anh B là sai do anh lấy gạo khác trộn vào gạo thơm A. Việc làm này khiến chất lượng gạo thơm A giảm sút gây ảnh hưởng đến thương hiệu này trên thị trường.

– Trường hợp 2: Người dân đang vận dụng chức năng điều tiết, kích thích và hạn chế sản xuất của thị trường. Tuy nhiên, khi chặt cà phê khiến cho lượng cung cà phê trên thị trường giảm và lượng cung macadamia tăng có thể đẩy giá cà phê tăng lên và giá macadamia giảm xuống.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, tìm và đọc trường hợp trong SGK để giải quyết các trường hợp.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận diện chức năng của thị trường.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và lựa chọn chức năng phù hợp.

c. Sản phẩm: HS xác định được chức năng của thị trường là cung cấp thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm và đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► *Nhiệm vụ 1. Vẽ sơ đồ tư duy*

a. Mục tiêu: HS biết được chức năng của thị trường.

b. Nội dung: Thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trình bày được chức năng của thị trường.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS các nhóm tiến hành thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy về chức năng của thị trường.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

► *Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu và viết bài nhận xét về một loại thị trường hàng hoá*

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu và nhận xét được về một loại thị trường ở địa phương.

b. Nội dung: Tìm hiểu và viết bài nhận xét về một loại thị trường hàng hoá (giá cả, chất lượng, mẫu mã, địa điểm mua bán,...)

c. Sản phẩm: Bài nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và viết bài nhận xét.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.

– Báo cáo thảo luận: Cho 1 – 5 em trình bày bài nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về sản phẩm của HS và tổng kết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được khái niệm thị trường.

– Liệt kê được các loại thị trường.

– Trình bày được chức năng của thị trường.

– Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm cơ chế thị trường.
- Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
- Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:

Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Nêu được khái niệm cơ chế thị trường; ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường; tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật khi tham gia vào thị trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

Chân trời sáng tạo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. Giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Chia sẻ hiểu biết về nội dung các câu trong SGK trang 23:

+ Chó bán gà ngày gió, chó bán chó ngày mưa.

+ Trăm người bán, vạn người mua.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

– Chó bán gà ngày gió, chó bán chó ngày mưa: Không nên bán chó và gà vào ngày thời tiết xấu, vì lúc đó chó và gà sẽ bị xù lông, hình thức xấu, khách hàng không mua.

– Trăm người bán, vạn người mua: Có nhiều người bán thì sẽ có nhiều người mua.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: Cho HS chia sẻ nội dung của 2 câu trong SGK.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS nêu ý kiến của mình.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và tiếp tục đặt vấn đề vào nhiệm vụ số 2.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 24.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm HS đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian các nhóm đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm ghi câu trả lời trên giấy A0 và trình bày trong 2 phút.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung về cơ chế thị trường:

+ Các quan hệ tác động qua lại: cung thặng dư giảm khiến giá tăng lên.

+ Các yếu tố ảnh hưởng đến chủ thể kinh tế: giá cả, tâm lí, nhu cầu, thị hiếu,...

+ Sự lựa chọn của chủ thể kinh tế tác động đến giá cả trên thị trường.

Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung – cầu, giá cả,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được ưu điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Hãy đọc các trường hợp trong SGK trang 24 và thảo luận theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 24 và tìm ưu điểm của cơ chế thị trường.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc các trường hợp và thảo luận các yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

Trường hợp 1.

+ Tác động từ cơ chế thị trường đến doanh nghiệp T: Các doanh nghiệp đổ xô vào đầu tư vào sản xuất trứng gia cầm khiến cạnh tranh trên thị trường khốc liệt hơn.

+ Những biện pháp đã làm: đầu tư vào công nghệ, đưa ra các sản phẩm mới khiến doanh thu không ngừng tăng lên và khẳng định vị thế trên thị trường.

Trường hợp 2.

+ Điều đã giúp cho Công ti bánh kẹo C ngày càng phát triển: Cải tiến ứng dụng công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh.

Ưu điểm của cơ chế thị trường: Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế; Thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến, phát minh và ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh; Phân phối lại các nguồn lực kinh tế một cách tối ưu; Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền, thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được nhược điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Hãy đọc các trường hợp trong SGK trang 25 và thảo luận theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 25 và tìm ra nhược điểm của cơ chế thị trường.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc các trường hợp và thảo luận các yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: Vì lợi nhuận, doanh nghiệp không chú trọng đến bảo vệ môi trường.

+ Trường hợp 2: Cạnh tranh không lành mạnh.

Nhược điểm của cơ chế thị trường: Tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát; Sự phân hoá giàu nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Trao đổi với các bạn và đưa ra ý kiến*

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để làm rõ hơn về khái niệm, ưu và nhược điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Trao đổi cùng với các bạn và cho biết em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào. Giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS đưa ra các ý kiến đồng tình với a, c và không đồng tình với b, d.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi và đưa ra ý kiến, giải thích.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian để thảo luận. GV hướng dẫn, quan sát HS trong lúc thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm phát biểu ý kiến.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

► *Nhiệm vụ 2. Thảo luận theo yêu cầu*

a. Mục tiêu: HS xác định được ưu điểm, nhược điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Đọc trường hợp và thảo luận theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về ưu điểm, nhược điểm của cơ chế thị trường thông qua việc làm của các chủ thể kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS thời gian hoạt động, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm phát biểu ý kiến.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1: Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế; Thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến, phát minh và ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh.
- + Trường hợp 2: Cạnh tranh không lành mạnh (đầu cơ).

► **Nhiệm vụ 3. Nêu nhận xét về các trường hợp**

a. Mục tiêu: HS nêu được các trường hợp tôn trọng các quy luật khách quan của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và nhận xét.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các trường hợp tôn trọng/ không tôn trọng các quy luật khách quan của cơ chế thị trường.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp và nhận xét các trường hợp tôn trọng/ không tôn trọng các quy luật khách quan của cơ chế thị trường.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc trường hợp và nhận xét.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS đưa ra ý kiến nhận xét và các bạn khác góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Tôn trọng các quy luật khách quan: a, c.
- + Không tôn trọng các quy luật khách quan: b, d.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Em hãy vẽ sơ đồ tư duy**

a. Mục tiêu: HS biết được ưu điểm, nhược điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trình bày được ưu điểm, nhược điểm của cơ chế thị trường.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận và thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Sưu tầm hình ảnh và viết bài nhận xét về hành vi không đúng của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường**

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu về ưu điểm, nhược điểm của cơ chế thị trường và tôn trọng các quy luật khách quan của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: Sưu tầm hình ảnh và viết bài nhận xét về hành vi không đúng của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường.

c. Sản phẩm: Bài nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và viết bài nhận xét.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Báo cáo thảo luận: Cho 1 – 5 em trình bày bài nhận xét.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về sản phẩm của các HS và tổng kết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm cơ chế thị trường.
- Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
- Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

BÀI 5

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.
- Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao và bày tỏ được ý kiến.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:

Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: nêu được khái niệm giá cả thị trường; trình bày được chức năng của giá cả thị trường.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật khi tham gia vào thị trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, có nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Quan sát bảng giá và trả lời câu hỏi trong SGK trang 27.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi do GV nêu ra và kết nối được hoạt động vừa thực hiện với nội dung cần tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: Cho HS quan sát bảng giá và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Tại sao giá vé xem phim vào cuối tuần thường cao hơn ngày thường?
 - + Yếu tố nào của thị trường tác động đến giá vé?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và tiếp tục đặt vấn đề vào nhiệm vụ số 2.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm giá cả thị trường.

b. Nội dung: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 28.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và thực hiện 2 yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung về khái niệm giá cả thị trường.
 - + Giá cả ở mỗi nơi, mỗi thời điểm là khác nhau do cung – cầu tác động.
 - + Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá, dịch vụ hình thành do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được chức năng của giá cả thị trường.

b. Nội dung: Hãy đọc 3 trường hợp trong SGK trang 28 và nêu chức năng của giá cả thị trường thể hiện trong các trường hợp đó.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các chức năng của giá cả thị trường tương ứng với các trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 28, 29 nêu chức năng của giá cả thị trường.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1: Cung cấp thông tin về giá thép tăng ảnh hưởng đến chủ thể kinh tế: giá các vật liệu xây dựng tăng, tiến độ nhiều công trình bị trì hoãn, nhà sản xuất thép gặp khó khăn về nguyên liệu.
- + Trường hợp 2: Khi giá tôm tăng, nhiều hộ chuyển đổi sản xuất từ nuôi cá tra, cá basa sang nuôi tôm, mở rộng diện tích nuôi.
- + Trường hợp 3: Chính sách giảm tiền điện là cấp thiết khi hoạt động sản xuất ngưng trệ, doanh nghiệp gặp khó khăn. Chính sách này góp phần chia sẻ khó khăn và đồng hành cùng doanh nghiệp do tác động của dịch bệnh.

Chức năng của giá cả thị trường:

- Chức năng cung cấp thông tin.
- Chức năng phân bổ các nguồn lực giữa các ngành sản xuất.
- Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết, kích thích nền kinh tế.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến

a. Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức đã học về chức năng của giá cả thị trường.

b. Nội dung: Đọc các ý kiến và bày tỏ quan điểm đồng tình hay không đồng tình và lí giải.

c. Sản phẩm: HS xác định được ý kiến đúng, ý kiến sai và giải thích.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu thực hiện chia sẻ cặp đôi HS đọc ý kiến và bày tỏ quan điểm về 4 nhận định.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS thời gian đọc tình huống, suy nghĩ và tính toán tìm câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời nhóm HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. GV chốt lại: đồng tình với ý kiến a, d và không đồng tình với ý kiến b, c.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được các hành vi của các chủ thể kinh tế và phê phán hành vi không đúng.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK.

c. Sản phẩm: HS nhận xét được hành vi của các chủ thể kinh tế và bày tỏ được thái độ không đồng tình với các hành vi không đúng.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian hoạt động cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Đồng tình vì vận dụng chức năng cung cấp thông tin và phân bổ nguồn lực giữa các ngành sản xuất.
- + Không đồng tình vì gây ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường và tác động đến cuộc sống của người dân.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS trình bày được chức năng của giá cả thị trường và vận dụng chức năng của giá cả đối với người sản xuất và người tiêu dùng.

b. Nội dung: Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV cho nhóm HS đọc tình huống và thực hiện 2 yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian thảo luận và thực hiện yêu cầu trong SGK.
- Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm trình bày và các nhóm khác góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Chức năng thông tin.
- + Đồng tình vì tôn trọng quy luật khách quan và phân bổ các nguồn lực trong sản xuất.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu về chức năng của giá cả thị trường.

b. Nội dung: Khảo sát và viết bài nhận xét về sự biến động giá cả của một số mặt hàng tại địa phương, ở các thời điểm khác nhau.

c. Sản phẩm: Bài nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và viết bài nhận xét.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Báo cáo thảo luận: Cho 1– 5 em trình bày bài nhận xét.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về bài nhận xét của HS và tổng kết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.
- Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

BÀI

6

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.
- Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

+ Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: hiểu được khái niệm ngân sách nhà nước; hiểu được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.

+ Điều chỉnh hành vi: hiểu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách; đồng tình, ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tìm tòi, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, có nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Hãy đọc thông tin và thực hiện yêu cầu trong SGK.

c. Sản phẩm: HS trả lời được yêu cầu trong SGK.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và suy nghĩ trả lời yêu cầu: Em hãy chia sẻ suy nghĩ của em về chính sách hỗ trợ, không thu học phí của Chính phủ trong thông tin trên. Theo em, khoản kinh phí hỗ trợ trên được trích từ nguồn nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn dắt vào bài học.

Gợi ý trả lời: Đây là chính sách hỗ trợ rất thiết thực của Chính phủ nhằm hỗ trợ nhiều HS, sinh viên trong giai đoạn khó khăn, ảnh hưởng đến việc học tập. Chính sách này góp phần ổn định cuộc sống và tạo điều kiện cho các em được học tập thuận lợi. Nguồn thu này đến từ ngân sách của Nhà nước được trích hằng năm để chi các hoạt động chi ngân sách của Chính phủ.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm của ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi dựa trên thông tin.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Em hiểu thế nào là ngân sách nhà nước?

+ Ngân sách nhà nước gồm những khoản và bộ phận nào?

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung về khái niệm ngân sách nhà nước.

– Theo Điều 4 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

– Ngân sách nhà nước gồm có: Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương. Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS liệt kê được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong SGK và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nêu được những đặc điểm của ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và thực hiện theo yêu cầu:
 - + Cho biết, ở nước ta cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền thông qua dự toán ngân sách và giám sát ngân sách nhà nước.
 - + Hãy liệt kê những đặc điểm của ngân sách nhà nước.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Ngân sách nhà nước cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành và giám sát trực tiếp. Ngân sách nhà nước là một kế hoạch tài chính cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành. Ngân sách nhà nước là kế hoạch tài chính của toàn thể quốc gia, được trao cho Chính phủ tổ chức thực hiện nhưng phải đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Quốc hội. Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi hoàn toàn vì mục tiêu mưu cầu lợi ích chung cho toàn thể quốc gia. Ngân sách nhà nước luôn phản ánh mối tương quan giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện ngân sách.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và cho biết vai trò của ngân sách của nhà nước**

a. Mục tiêu: HS biết được vai trò của ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được vai trò của ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm HS đọc các trường hợp trong SGK và cho biết vai trò của ngân sách nhà nước.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho nhóm HS đọc các trường hợp và ghi câu trả lời lên giấy A0.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Ngân sách nhà nước có vai trò tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Ngân sách nhà nước là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội. Ngân sách nhà nước có vai trò điều tiết thu nhập dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK và cho biết quyền, nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước.

c. Sản phẩm: HS xác định được quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK và xác định quyền, nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

Theo Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định về Quyền hạn, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

1. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lí, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính.

3. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.

4. Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính – ngân sách theo quy định của pháp luật.

Như vậy từ trường hợp trên, Công ti A đã thực hiện quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước:

– Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

– Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Bài tỏ ý kiến*

a. Mục tiêu: HS xác định được khái niệm, đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: Trao đổi cùng bạn và cho biết đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến. Giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS trao đổi cùng bạn để trả lời đồng tình hay không đồng tình và giải thích các ý kiến trong SGK.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến, thảo luận nhóm để trả lời và giải thích.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm trình bày trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

+ Không đồng tình vì chưa đầy đủ theo đặc điểm của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước là kế hoạch tài chính của toàn thể quốc gia, được trao cho Chính phủ tổ chức thực hiện nhưng phải đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Quốc hội.”

+ Đồng tình vì theo đặc điểm của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi hoàn toàn vì mục tiêu mưu cầu lợi ích chung cho toàn thể quốc gia.”

+ Không đồng tình vì theo đặc điểm của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước là một kế hoạch tài chính cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành.”

+ Đồng tình vì theo vai trò của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội.”

+ Không đồng tình vì theo vai trò của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước có vai trò tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước”. Ngoài ra theo khái niệm ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”. Trong ngân sách nhà nước còn có nguồn thu nên việc ngân sách nhà nước luôn duy trì ở mức bội chi là còn tùy vào việc chi hay thu nhiều hơn.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các nội dung và cho biết nội dung nào không phải đặc điểm của ngân sách nhà nước**

a. Mục tiêu: HS xác định được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: Đọc các nội dung và giải thích nội dung nào không phải đặc điểm của ngân sách nhà nước.

c. Sản phẩm: HS đọc các nội dung và giải thích được nội dung nào không phải đặc điểm của ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các nội dung và giải thích nội dung nào không phải đặc điểm của ngân sách nhà nước.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS suy nghĩ và trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

a – Đúng đặc điểm của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước luôn phản ánh mối tương quan giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện ngân sách.”

b – Sai vì thuộc vai trò của ngân sách nhà nước.

c – Đúng đặc điểm của ngân sách nhà nước “Ngân sách nhà nước là một kế hoạch tài chính cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành.”

d – Sai vì thuộc vai trò của ngân sách nhà nước.

► **Nhiệm vụ 3. Nhận xét**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được những hành vi chấp hành và những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và nhận xét về các hành vi thực hiện pháp luật về ngân sách.

c. Sản phẩm: HS ủng hộ hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu: Em có nhận xét gì về hành vi của công ti A và công ti M trong các trường hợp trên?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và thực hiện yêu cầu bài tập.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS nhận xét và giải thích trước lớp.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: Vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 34 Luật Ngân sách nhà nước: “Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.”

+ Trường hợp 2: Thực hiện đúng pháp luật về ngân sách nhà nước theo khoản 3 Điều 34 Luật ngân sách nhà nước: “Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.”

+ Trường hợp 3: Thực hiện đúng pháp luật về ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 34 Luật Ngân sách nhà nước: “Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.”

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Vẽ sơ đồ tư duy**

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước thông qua sơ đồ tư duy.

b. Nội dung: Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.

c. Sản phẩm: HS liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện theo yêu cầu hoạt động.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian hoàn thành. Nếu đã dặn dò từ tiết 2 thì tiết này chỉ trình bày. Nếu thực hiện trong tiết 3, thì giao nhiệm vụ buổi sau trình bày.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Thiết kế sản phẩm**

a. Mục tiêu: HS thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước để tuyên truyền đến bạn bè, người thân.

b. Nội dung: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước.

c. Sản phẩm: Sản phẩm tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước để tuyên truyền đến bạn bè, người thân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ yêu cầu của nhiệm vụ.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS trình bày.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và đưa ra kết luận toàn bài.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.
- Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách.
- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

BÀI 7

THUẾ VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm về thuế và gọi được tên một số loại thuế phổ biến.
- Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.
- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu thuế.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Hiểu được khái niệm về thuế và gọi tên được một số loại thuế phổ biến. Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.

– Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế; ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu thuế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tìm tòi, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật về thuế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, có nhu cầu tìm hiểu, hình thành tri thức mới.

b. Nội dung: Quan sát hình ảnh trong SGK trang 37 và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được về thuế cơ bản.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát những hình ảnh trong SGK trang 38 và nêu cách hiểu qua các hình ảnh đó.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS quan sát và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời.

– GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Gợi ý trả lời: Thuế giá trị gia tăng là loại thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, người chịu thuế là tổ chức, cá nhân tiêu dùng cuối cùng hàng hoá, dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam thông qua việc mua hàng hoá, dịch vụ với giá đã bao gồm thuế GTGT.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và chia sẻ cách hiểu về thuế*

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm về thuế.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong SGK trang 38 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hiểu biết được khái niệm về thuế.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 38 và chia sẻ cách hiểu về thuế.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin trong SGK trang 38 và chia sẻ cách hiểu về thuế.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra khái niệm về thuế.

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019, thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS liệt kê được một số loại thuế cơ bản.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong SGK trang 38, 39 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS liệt kê được một số loại thuế cơ bản mà các bạn biết.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 38, 39 và thực hiện yêu cầu.

+ Hãy liệt kê các loại thuế trong thông tin trên.

+ Chia sẻ hiểu biết của em về một loại thuế vừa nêu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời: Dựa vào thông tin về thuế để xác định các loại thuế cơ bản như thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập cá nhân,...

► **Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS phân loại được thuế trực thu và gián thu.

b. Nội dung: Hãy đọc thông tin trong SGK trang 40 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS đọc thông tin trong SGK trang 40 và thực hiện yêu cầu: Xác định đâu là thuế trực thu, đâu là thuế gián thu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho nhóm HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời và ghi vào giấy A0.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Thuế trực thu: thuế thu nhập cá nhân.

+ Thuế gián thu: thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được vì sao Nhà nước lại thu thuế.

b. Nội dung: Hãy đọc thông tin trong SGK trang 40, 41 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được vì sao Nhà nước phải thu thuế.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 40, 41 và trả lời câu hỏi.
 - + Thuế đóng vai trò như thế nào?
 - + Theo em, vì sao Nhà nước phải thu thuế?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Đây là nguồn thu quan trọng nhất mang tính chất ổn định lâu dài cho ngân sách nhà nước. Ngoài ra thuế là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô như kiểm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng an sinh xã hội.

► Nhiệm vụ 5. Đọc trường hợp và nhận xét hành vi thực hiện pháp luật về thuế

a. Mục tiêu: HS nhận xét được hành vi của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong SGK trang 41 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nhận xét được hành vi của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 41 và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời: GV dựa vào các quy định theo Điều 16, 17 Luật Quản lý thuế 2019 để xác định quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế.

+ Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

+ Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin không phải cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật.

+ Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số tiền thuế không được hoàn.

+ Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.

- + Thực hiện đăng kí thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.
- + Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.
- + Khai thuế chính xác, trung thực và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.
- + Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lí thuế, công chức quản lí thuế theo quy định của pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến*

a. Mục tiêu: HS xác định được một số loại thuế phổ biến, vai trò của thuế và quyền và nghĩa vụ nộp thuế của công dân.

b. Nội dung: Đưa ra ý kiến đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến trong SGK và giải thích sao.

c. Sản phẩm: HS xác định được một số loại thuế phổ biến, vai trò của thuế và quyền và nghĩa vụ nộp thuế của công dân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS đọc tình huống trong SGK, bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình và giải thích vì sao.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS thảo luận, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

a. Đồng tình vì theo Điều 16 Luật Quản lí thuế năm 2019 có nêu “Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.”

b. Không đồng tình vì theo Điều 16 Luật Quản lí thuế năm 2019 có nêu “Yêu cầu cơ quan quản lí thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.”. Đây là quyền không phải trách nhiệm.

c. Không đồng tình vì theo Điều 17 Luật Quản lí thuế năm 2019 có nêu “Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lí thuế, công chức quản lí thuế theo quy định của pháp luật.”. Đây là trách nhiệm không phải quyền.

d. Đồng tình vì theo Điều 17 Luật Quản lí thuế năm 2019 có nêu “Thực hiện đăng kí thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.”

đ. Không đồng tình vì thuế trực thu bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường là thuế gián thu.

e. Đồng tình vì theo vai trò của thuế có nêu “Là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô như

kiểm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.”.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được về các hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS đưa ra nhận xét về các hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:
 - + Em có nhận xét gì về hành vi của Công ti A trong trường hợp trên?
 - + Em đồng tình hay không đồng tình với cách xử lí của Chi cục? Vì sao?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Công ti A có hành vi chưa đúng với quy định thực hiện pháp luật về thuế. Cụ thể là hành vi kê khai không trung thực nhằm trốn thuế.
- + Việc xử lí của Chi cục Hải quan là đúng với quy định của pháp luật về thuế.

► **Nhiệm vụ 3. Nhận xét hành vi**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế trong các trường hợp.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và nhận xét hành vi.

c. Sản phẩm: HS nhận xét được hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế trong các trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp và nhận xét hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS trình bày trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những hành động phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1: Doanh nghiệp N có hành vi chưa đúng trong việc thực hiện pháp luật về thuế vì chậm đóng tiền thuế cho Nhà nước. Theo Điều 17 Luật Quản lí

thuế năm 2019 có nêu “Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.”.

+ Trường hợp 2: Anh A có hành vi đúng trong việc thực hiện pháp luật về thuế vì chậm đóng tiền thuế cho Nhà nước. Theo Điều 17 Luật Quản lý thuế năm 2019 có nêu “Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.”.

+ Trường hợp 3: Chị B có hành vi chưa đúng trong việc thực hiện pháp luật về thuế vì chưa thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định. Theo Điều 17 Luật Quản lý thuế năm 2019 có nêu “Thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.”.

+ Trường hợp 4: Công ti M có hành vi đúng trong việc thực hiện pháp luật về thuế vì đã công khai và giữ bí mật thông tin về thuế theo đúng quy định của pháp luật. Theo Điều 16 Luật Quản lý thuế năm 2019 có nêu “Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin không phải cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật.”.

► **Nhiệm vụ 4. Lập bảng so sánh**

a. Mục tiêu: HS lập bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu, lấy ví dụ minh họa.

b. Nội dung: Lập bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu, cho ví dụ minh họa.

c. Sản phẩm: Bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu, lấy ví dụ minh họa.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS lập bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu, lấy ví dụ minh họa.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian hoạt động thảo luận, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS xung phong phát biểu câu trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Tìm thông tin và liệt kê các loại thuế**

a. Mục tiêu: HS tìm được thông tin và liệt kê được các loại thuế được tính khi người thân trong gia đình hoặc một cá nhân có nhu cầu mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,...

b. Nội dung: Tìm thông tin và liệt kê các loại thuế.

c. Sản phẩm: HS tìm được thông tin và liệt kê được các loại thuế được tính khi người thân trong gia đình hoặc một cá nhân có nhu cầu mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,...

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện tìm thông tin và liệt kê các loại thuế được tính khi người thân trong gia đình hoặc một cá nhân có nhu cầu mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,...

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận.

Gợi ý trả lời: HS có thể tìm thông tin mua sắm trên các trang web thương mại điện tử, ở các cửa hàng phổ biến hiện nay để liệt kê các loại thuế phổ biến khi mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,...

► Nhiệm vụ 2. Vẽ sơ đồ tư duy

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế để tuyên truyền cho bạn bè, người thân thông qua sơ đồ tư duy.

b. Nội dung: Vẽ sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

c. Sản phẩm: HS tóm tắt được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế để tuyên truyền cho bạn bè, người thân thông qua sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện theo yêu cầu hoạt động.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian hoàn thành. Nếu đã dặn dò từ tiết 2 thì tiết này chỉ trình bày. Nếu thực hiện trong tiết 3, thì giao nhiệm vụ buổi sau trình bày.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được khái niệm về thuế và gọi được tên một số loại thuế phổ biến.

– Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.

– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 4. SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

BÀI

8

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.
- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.
- Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội: nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh, nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó, lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện tìm hiểu và lựa chọn mô hình kinh tế thích hợp với bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy, câu chuyện ngắn, bài viết, bài báo.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, có nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: HS quan sát và trình bày về vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh sản phẩm được mô tả trong SGK trang 44.

c. Sản phẩm: HS kể về các hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh sản phẩm, quá trình tạo ra sản phẩm, tạo ra giá trị đối với các chủ thể.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, quan sát các hình ảnh trong SGK trang 44 và trình bày sự hiểu biết về vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh sản phẩm được mô tả. HS có thể thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu các hình ảnh lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV có thể chiếu các hình ảnh trong SGK trang 44 lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy quan sát và trình bày sự hiểu biết về vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh sản phẩm được mô tả trong những hình ảnh sau.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện HS trả lời và các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

+ HS có thể chia sẻ những vai trò khác nhau của hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm vì dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán,...

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được các hoạt động sản xuất kinh doanh nổi bật và liệt kê được vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Nội dung: Dựa vào bảng thông tin ở SGK trang 45, cho biết các hoạt động sản xuất kinh doanh nổi bật nào được đề cập đến và cho biết vai trò của các hoạt động sản xuất kinh doanh đó.

c. Sản phẩm: HS gọi được tên các hoạt động sản xuất kinh doanh, nêu được vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS.
 - + GV yêu cầu HS chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm sẽ trả lời 1 câu hỏi, mỗi nhóm chuẩn bị đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).
 - + GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK, sau đó thảo luận câu hỏi của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin, trao đổi thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu.
 - + Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên, vẽ bố cục lên giấy như sơ đồ hoặc bức tranh.
- Tổ chức, điều hành:
 - + GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.
 - + Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.
 - + Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện; thuyết trình sản phẩm.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.
 - + GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời:

- Các điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - + Dây chuyền máy móc, nhà xưởng có công nghệ hiện đại;
 - + Lao động có tay nghề cao;
 - + Sản phẩm có chất lượng;
 - + Người tiêu dùng yêu thích.
- Giá trị của hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại:
 - + Cung cấp sản phẩm bánh kẹo cho thị trường;
 - + Nguồn cung ứng nguyên liệu;
 - + Tạo việc làm ổn định cho một lượng lớn người lao động;
 - + Góp phần tăng trưởng kinh tế.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm của mô hình hộ sản xuất kinh doanh

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 45.

c. Sản phẩm: HS trình bày những đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc thông tin và trình bày những đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu trường hợp lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV chiếu trường hợp trong SGK trang 45 lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc trường hợp và trình bày những đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan đến hai mô hình sản xuất kinh doanh dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

Đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh:

– Đặc điểm:

+ Mô hình kinh doanh nhỏ;

+ Do cá nhân gia đình kinh doanh;

+ Chịu trách nhiệm hoàn toàn bằng tài sản của mình;

+ Gặp nhiều khó khăn do khó vay vốn và kinh nghiệm kinh doanh;

+ Tận dụng các tài nguyên sẵn có của gia đình;

– Hiệu quả:

+ Đàn lợn hơn 250 con;

+ Hồ cá lên 1 500 m²;

+ Gà, vịt hơn 500 con;

+ 400 gốc xoài;

- + 2 máy gặt đập liên hiệp;
- + Tạo việc làm cho 6 nhân công.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm của mô hình hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã, nêu được ưu điểm của mô hình hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã với hộ sản xuất kinh doanh.

b. Nội dung: Dựa vào trường hợp 1, 2 ở SGK trang 46 cho biết đặc điểm của mô hình hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã, so sánh được mô hình hợp tác xã là liên hiệp hợp tác xã với hộ sản xuất kinh doanh.

c. Sản phẩm: HS nêu được đặc điểm của mô hình hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã, so sánh được mô hình hợp tác xã là liên hiệp hợp tác xã với hộ sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS.
 - + GV yêu cầu HS chia 2 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).
 - + GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK, sau đó thảo luận câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp, trao đổi, thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu.
 - + Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên có bố cục như một bức tranh.
- Tổ chức, điều hành:
 - + GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật phòng tranh, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.
 - + Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.
 - + Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: nội dung, hình thức thể hiện; thuyết trình sản phẩm.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.
 - + GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng.

- Đặc điểm của mô hình hợp tác xã:
 - + Là kinh tế tập thể, đồng sở hữu và chung nhu cầu;
 - + Cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bình đẳng, dân chủ trong quản lí.
- Đặc điểm của mô hình liên hiệp hợp tác xã:
 - + Hình thành từ các hợp tác xã để tương trợ lẫn nhau;
 - + Hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.
- Ưu điểm: có pháp nhân, hoạt động có tổ chức, có sự tương trợ lẫn nhau, tạo ra sức mạnh tập thể để phát triển nhanh và bền vững hơn.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm của mô hình doanh nghiệp và nêu được ưu, nhược điểm của mô hình doanh nghiệp.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 46, 47.

c. Sản phẩm: HS trình bày những đặc điểm của mô hình doanh nghiệp và nêu được ưu, nhược điểm của mô hình doanh nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc thông tin và trình bày những đặc điểm và nêu được ưu, nhược điểm của mô hình doanh nghiệp.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu thông tin lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV chiếu thông tin trong SGK trang 47, 48 lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc thông tin và trình bày những đặc điểm của các loại hình doanh nghiệp, nêu ưu và nhược điểm của mô hình doanh nghiệp.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan đến hai mô hình sản xuất kinh doanh dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

– Đặc điểm:

- + Doanh nghiệp hình thành để thực hiện hoạt động kinh doanh;
- + Doanh nghiệp có tổ chức, có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch được thành lập và đăng kí;
- + Doanh nghiệp đều do một cá nhân hay một tổ chức thành lập;
- + Doanh nghiệp có nhiều loại hình khác nhau, công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ti cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, công ti hợp danh.

– Ưu và nhược điểm:

- + Công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên: thuộc về một người dễ quản lí, nhưng thường quy mô công ti thường không lớn;
- + Công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, có sự tham gia nhiều hơn của các thành viên nhưng chưa tối ưu trong việc huy động vốn;
- + Công ti cổ phần: Là mô hình tốt nhất trong huy động vốn, mô hình doanh nghiệp lớn, khó trong vấn đề quản lí;
- + Doanh nghiệp tư nhân: Hạn chế trong việc gọi vốn và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình;
- + Doanh nghiệp nhà nước: Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn;
- + Công ti hợp danh: Tạo điều kiện cho sự phát triển của cả hai đối tượng hợp tác.

► **Nhiệm vụ 5. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm của mô hình trong trường hợp, nêu được trách nhiệm và nghĩa vụ trong trường hợp 1 và phương thức hoạt động ở trường hợp 2.

b. Nội dung: Dựa vào trường hợp 1, 2 ở SGK trang 47, 48, cho biết đặc điểm của mô hình trong thông tin, cho biết được trách nhiệm và nghĩa vụ trong thông tin 1 và phương thức hoạt động ở thông tin 2.

c. Sản phẩm: HS nêu được đặc điểm của mô hình trong các trường hợp, cho biết trách nhiệm và nghĩa vụ trong trường hợp 1 và phương thức hoạt động ở trường hợp 2.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS.

+ GV yêu cầu HS chia 2 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị đồ dùng gồm: giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ GV yêu cầu các nhóm đọc các trường hợp trong SGK trang 47, 48; sau đó thảo luận 2 câu hỏi.

- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin, trao đổi thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu.
 - + Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên có bố cục như một bức tranh.
- Tổ chức, điều hành:
 - + GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật phòng tranh, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.
 - + Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.
 - + Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: nội dung, hình thức thể hiện; thuyết trình sản phẩm.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.
 - + GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

► **Nhiệm vụ 6. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nhận biết được những yếu tố thành công trong mô hình và rút ra được bài học thành công trong các trường hợp.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 48.

c. Sản phẩm: HS trình bày những yếu tố thành công trong mô hình và rút ra được bài học thành công trong các trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc các trường hợp, trình bày những đặc điểm, nêu ưu và nhược điểm của mô hình doanh nghiệp.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu các trường hợp lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV chiếu các trường hợp trong SGK lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc các trường hợp, trình bày những đặc điểm và nêu ưu, nhược điểm của mô hình doanh nghiệp.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 4 đến 5 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

- + HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan đến hai mô hình sản xuất kinh doanh dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

Trường hợp 1.

- + Yếu tố thành công: Nắm bắt được nhu cầu, đầu tư nhà xưởng, tuyển thợ lành nghề, có quy trình sản xuất chặt chẽ, nguyên liệu tốt, sản phẩm đa dạng và phong phú, nhiều hình thức bán hàng, đào tạo nhân lực và ngành nghề được nhân rộng.
- + Bài học: Với mô hình sản xuất lớn thì cơ sở vật chất như xưởng, máy móc phải được đầu tư, quy trình sản xuất chặt chẽ cùng công nhân có tay nghề để tạo ra sản phẩm tốt, tìm hiểu và đáp ứng đúng nhu cầu thị trường và phải luôn làm việc với quyết tâm, nhiệt huyết, tìm tòi học hỏi.

Trường hợp 2.

- + Yếu tố thành công: Biết nắm bắt lợi thế cạnh tranh, sản phẩm đa dạng, đầu tư nhiều chương trình đào tạo để phát triển nguồn nhân lực.
- + Bài học: Trong mô hình dịch vụ thì yếu tố con người phải luôn được đầu tư đúng mức, bởi khách hàng sẽ trải nghiệm sản phẩm thông qua chính các nhân tố này, cùng với cách tổ chức và sản phẩm tốt sẽ mang lại nhiều thành công.

Điều quan trọng nhất trong việc lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp vẫn là năng lực của bản thân phù hợp với ngành nghề nào, tiếp đến là thái độ nghiêm túc đầu tư cho lựa chọn của bản thân.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng các bạn và cho biết đồng tình hay không đồng tình với các nhận định và giải thích tại sao**

a. Mục tiêu: HS nhận biết rõ và nhận định đúng về vai trò của sản xuất kinh doanh.

b. Nội dung: Thảo luận cùng các bạn và cho biết, em đồng tình hay không đồng tình với các nhận định và giải thích tại sao.

c. Sản phẩm: HS nhận biết rõ và nhận định đúng về vai trò của sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem yêu cầu trong SGK trang 50.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trao đổi về 2 ý kiến đặt ra.
- Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS lựa chọn quan điểm và tranh luận để bảo vệ, quan điểm đã lựa chọn.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra nhận định đúng và khen ngợi những HS hoạt động tích cực.

Gợi ý trả lời:

a. Sản xuất kinh doanh là yếu tố góp phần tạo ra động lực phát triển xã hội một cách bền vững. Đồng tình vì sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm, nâng cao đời sống xã hội, thúc đẩy con người phát triển

b. Chỉ có hạn chế sản xuất kinh doanh mới hạn chế được ô nhiễm môi trường. Không đồng tình vì hoàn toàn có thể vừa sản xuất kinh doanh đi cùng với các hệ thống xử lý khói thải, nước thải và rác thải,... trước khi xả ra môi trường thì vẫn bảo vệ được môi trường sống.

c. Khi doanh nghiệp quan tâm đến nguồn nhân lực, cũng như nâng cao khoa học kĩ thuật sẽ tạo ra sản phẩm chất lượng cao cùng nhiều lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Đồng tình vì con người luôn là nhân tố trọng tâm trong bất kì hoạt động nào, cùng với khoa học kĩ thuật sẽ tạo ra sản phẩm dịch vụ có chất lượng thì sẽ thu hút được khách hàng.

d. Mục tiêu chính của sản xuất kinh doanh là tạo ra lợi nhuận cho nhà sản xuất. Không đồng tình vì để duy trì hoạt động, song song với lợi nhuận, nhà sản xuất phải có sản phẩm tốt, đạo đức tốt thì mới thu hút được nhân tài cũng như khách hàng.

► **Nhiệm vụ 2. Lập bảng so sánh điểm khác nhau giữa các mô hình sản xuất kinh doanh**

a. Mục tiêu: HS đưa ra được các đặc điểm của các mô hình sản xuất kinh doanh.

b. Nội dung: Lập được bảng so sánh điểm khác nhau giữa các mô hình sản xuất kinh doanh.

c. Sản phẩm: Bảng so sánh điểm khác nhau giữa các mô hình sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 3 phút hãy lập bảng so sánh.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV đưa yêu cầu lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV đưa ra yêu cầu: Lập được bảng so sánh điểm khác nhau giữa mô hình hộ sản xuất kinh doanh và mô hình hợp tác xã; mô hình doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 3 đến 4 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

- + HS có thể đưa ra nhận xét hoặc bổ sung liên quan dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS đánh giá được cơ hội phát triển kinh tế của địa phương T thông qua việc hình thành hợp tác xã, trình bày được ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ gia đình.

b. Nội dung: Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

- + Em có nhận xét gì về việc làm của địa phương T?
- + Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ gia đình là gì?

c. Sản phẩm: HS nhận thấy được những cơ hội từ môi trường sống thông qua việc hình thành hợp tác xã và thấy được những ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ gia đình.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi:
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV chiếu trường hợp cùng câu hỏi và mời HS trả lời.
 - + GV đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc trường hợp và trả lời 2 câu hỏi.
- Tổ chức điều hành:
 - + GV mời đại diện 3 đến 4 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.
 - + HS có thể đưa ra nhận xét hoặc bổ sung liên quan dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến, bổ sung, khen ngợi những mô hình kinh tế hay và phù hợp, gợi ý các mô hình kinh tế phù hợp với từng HS và kết luận.

► **Nhiệm vụ 4. Chia sẻ dự định về nghề nghiệp và mô tả về mô hình sản xuất kinh doanh trong tương lai**

a. Mục tiêu: HS được chia sẻ dự định về nghề nghiệp và mô hình sản xuất kinh doanh mà em thích.

b. Nội dung: HS suy nghĩ và chia sẻ về những dự định, ước mơ và những mô hình mà em thích.

c. Sản phẩm: Sản phẩm có những suy nghĩ và chia sẻ về những dự định, ước mơ và những mô hình sản xuất kinh doanh trong tương lai mà em thích.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 3 phút, suy nghĩ và chia sẻ.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV trao đổi, định hướng để HS suy nghĩ và trình bày.
 - + GV đưa ra yêu cầu: Em hãy suy nghĩ và chia sẻ về những dự định, ước mơ và những mô hình sản xuất kinh doanh trong tương lai mà em thích.
- Tổ chức điều hành:
 - + GV mời đại diện 1 đến 2 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.
 - + HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1.** *Quan sát và tìm hiểu về một mô hình kinh tế thành công (sản phẩm, địa điểm, quy mô, mức độ yêu thích của người dân về sản phẩm, thương hiệu, những đóng góp cho xã hội,...) trong khu vực sinh sống*

a. Mục tiêu: HS quan sát và tìm hiểu được một mô hình kinh tế thành công để tạo ra nhiều năng lượng tích cực cho định hướng nghề nghiệp tương lai.

b. Nội dung: HS thiết kế sản phẩm trang trí theo mô hình sơ đồ tư duy, bài thuyết trình,...

c. Sản phẩm: Các sản phẩm của HS thể hiện đặc điểm, yếu tố về mô hình kinh tế thành công tại khu vực HS sinh sống.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ:
 - + GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà.
 - + Mỗi HS sẽ lựa chọn hình thức làm sản phẩm theo mô hình sơ đồ tư duy, bài thuyết trình,...
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- Trao đổi, thảo luận:
 - + HS trưng bày sản phẩm trang trí ở trên lớp.
 - + Các bạn cùng quan sát và nhận xét sản phẩm của từng bạn, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.

► **Nhiệm vụ 2. Lựa chọn một mô hình kinh tế thích hợp với bản thân, lập ý tưởng kinh doanh và chia sẻ với các bạn trong lớp về ý tưởng kinh doanh đó**

a. Mục tiêu: HS tìm kiếm được một số mô hình kinh tế phù hợp với bản thân từ đó có sự đầu tư đúng mức ở hiện tại để đạt được thành công trong tương lai.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học, đánh giá lại khả năng, sở thích của bản thân, các nguồn lực có thể sử dụng để lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp.

c. Sản phẩm: Tìm kiếm được một số mô hình kinh tế phù hợp với bản thân trong tương lai.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: Mỗi HS sẽ lựa chọn và thuyết trình về một số mô hình kinh tế phù hợp với bản thân trong tương lai dựa vào kiến thức và các gợi ý đã nêu.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 đến 4 HS thuyết trình.

+ HS thuyết trình ở trên lớp.

+ HS cùng lắng nghe, quan sát và nhận xét sản phẩm của từng bạn, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các mô hình kinh tế, động viên, khích lệ và điều chỉnh các để HS có được các mô hình kinh tế phù hợp.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ hành vi của HS, đánh giá thông qua tổng hợp đánh giá của GV, tự đánh giá của HS và HS đánh giá lẫn nhau ở từng hoạt động học tập.

– Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

– Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.

– Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 5. TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG

BÀI

9

TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.
- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội (đặc thù):

- + Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội, nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.
- + Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của tổ chức cấp tín dụng.
- Trung thực: Biết giữ chữ tín và xây dựng uy tín cá nhân khi sử dụng dịch vụ tín dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy, câu chuyện ngắn, bài viết, bài báo.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Từ những quan sát thực tế, hãy chia sẻ hiểu biết của em về tín dụng (SGK, trang 51).

c. Sản phẩm: HS chia sẻ những hiểu biết của mình về tín dụng, hoặc các vấn đề liên quan đến tín dụng. Ví dụ: lãi suất, thẻ tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, mua hàng trả góp, vay trả góp,...

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV đặt vấn đề trước lớp, yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết của mình về tín dụng.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm tín dụng.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK trang 51 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi dựa trên nội dung của trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 51 và trả lời câu hỏi:
 - + Ngân hàng đóng vai trò gì trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D? Ngân hàng đã dựa vào những điều kiện gì để quyết định cho ông D vay tiền?
 - + Vì sao ông D phải cam kết hoàn trả số tiền vay cho ngân hàng đúng tiến độ?
 - + Theo em, tín dụng là gì?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung về khái niệm tín dụng.

Gợi ý trả lời:

- + Ngân hàng đóng vai trò là bên cho vay trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D. Ngân hàng đã dựa vào việc thế chấp sổ đỏ của ngôi nhà ông D để ra quyết định cho ông vay 60% số tiền còn lại của ngôi nhà.
- + Ông D phải cam kết hoàn trả số tiền vay cho ngân hàng đúng tiến độ để có thể nhận lại sổ đỏ của ngôi nhà.

Tín dụng là quan hệ cho vay dựa trên cơ sở tin tưởng và tín nhiệm giữa bên cho vay và bên đi vay. Theo đó, bên cho vay chuyển giao một lượng vốn tiền tệ (hoặc tài sản) để bên vay sử dụng có thời hạn. Khi đến hạn, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả vốn (hoặc tài sản) ban đầu và lãi suất.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm của tín dụng.

b. Nội dung: Hãy đọc trường hợp trong SGK trang 52 và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nêu được đặc điểm của tín dụng từ trường hợp trong SGK trang 52.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 52 và thực hiện yêu cầu.

+ Từ trường hợp trên, em hãy cho biết một số đặc điểm của tín dụng.

+ Giải thích vì sao khi sử dụng tín dụng phải hoàn trả cả vốn lẫn lãi. Cho ví dụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

– Tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin (tài sản đảm bảo và uy tín cá nhân), có tính hoàn trả cả vốn lẫn lãi và tính thời hạn.

– Khi sử dụng tín dụng phải hoàn trả cả vốn lẫn lãi vì số tiền lãi chính là chi phí phải trả cho việc sử dụng tín dụng.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của tín dụng.

b. Nội dung: Hãy đọc đoạn hội thoại trong SGK trang 52 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS kể được tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của các dịch vụ này.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm HS đọc 2 trường hợp trong SGK trang 52 và trả lời câu hỏi.

+ Theo em, tín dụng đã đóng vai trò gì đối với các doanh nghiệp trong 2 trường hợp trên?

+ Vì sao tín dụng có thể đảm bảo nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế?

+ Tín dụng có vai trò gì đối với đời sống? Cho ví dụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trình bày.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Trong trường hợp 1: Tín dụng đóng vai trò phân bổ nguồn vốn, giúp doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy quá trình phân bổ vốn, phát triển sản xuất, kinh doanh cho các ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kém phát triển. Vì khi các ngân hàng huy động vốn, nghĩa là họ vay vốn từ các doanh nghiệp khác. Sau đó, với vai trò là bên cho vay, họ sử dụng nguồn vốn đã vay này để phân bổ cho các doanh nghiệp có nhu cầu vay. Từ đó, tín dụng đảm bảo được nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế.

+ Trong trường hợp 2: Tín dụng đóng vai trò cung ứng vốn giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng. Tín dụng đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng cho các cá nhân trong nền kinh tế; tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất; tín dụng là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và ngành mũi nhọn. Ví dụ: Khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được ngân hàng Agribank nơi cho vay xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

b. Nội dung: Đọc tình huống trong SGK trang 53 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và tín dụng là lãi suất.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK trang 53 và thực hiện yêu cầu.

+ Em hãy cho biết bà G nên lựa chọn phương thức thanh toán nào là phù hợp.

+ Em hãy cho biết việc mua hàng bằng tiền mặt và tín dụng có gì khác nhau. Giải thích vì sao. Cho ví dụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời: Bà G nên chọn phương thức mua trả góp vì với điều kiện kinh tế gia đình có hạn, việc sử dụng tín dụng sẽ giúp bà mua được chiếc xe máy và bà có thể

đi làm để trả nợ theo thời gian cam kết. Mua hàng bằng tiền mặt khác mua bằng tín dụng ở việc chúng ta phải trả thêm một khoản tiền lãi cho khoản mua tín dụng đó. Sự chênh lệch này là chi phí phải trả cho việc sử dụng tín dụng. Ví dụ: Khi mua trả góp chiếc điện thoại 10 triệu trong 6 tháng, bạn chỉ cần trả 5 triệu. Các tháng tiếp theo, mỗi tháng trả góp 1 triệu cho ngân hàng và số tiền phải trả ở tháng cuối cùng chính là tiền lãi phải trả cho khoản mua tín dụng đó.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến*

a. Mục tiêu: HS xác định được khái niệm tín dụng và sự chênh lệch giữa sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

b. Nội dung: HS bày tỏ ý kiến đồng tình hay không đồng tình với các nhận định trong SGK trang 54 và giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS bày tỏ được ý kiến của mình về các nhận định và giải thích được khái niệm tín dụng cũng như sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các nhận định và bày tỏ ý kiến của mình, đồng thời lí giải vì sao.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trình bày trên giấy.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

a. Tín dụng là quan hệ mua bán quyền sử dụng vốn với giá cả là lãi suất. Đồng tình vì đáp ứng các yêu cầu khi sử dụng tín dụng và sự chênh lệch về giá cả khi sử dụng tín dụng.

b. Không có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. Tín dụng thực chất là tiền mặt mà chúng ta vay mượn từ ngân hàng để chi tiêu. Không đồng tình vì có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

c. Tín dụng là quan hệ vay mượn tiền bạc trên quy tắc hoàn trả vô thời hạn. Không đồng tình vì tín dụng có tính thời hạn.

d. Tín dụng là quan hệ vay vốn trên cơ sở tín nhiệm giữa bên cho vay và bên đi vay. Đồng tình vì tín dụng dựa trên cơ sở tín nhiệm giữa bên cho vay và bên đi vay.

đ. Có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. Sự chênh lệch đó gồm tiền lãi, tiền vốn và chi phí phát sinh do quá hạn hoàn trả. Đồng tình vì nhận định mô tả đầy đủ về sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

e. Tín dụng là sự trao đổi các tài sản hiện có để nhận các tài sản cùng loại. Không đồng tình vì chưa đầy đủ thông tin mô tả về khái niệm tín dụng.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và xác định đặc điểm, vai trò của tín dụng**

a. Mục tiêu: HS xác định được vai trò, đặc điểm của tín dụng.

b. Nội dung: HS đọc 2 trường hợp trong SGK trang 54 và xác định đặc điểm, vai trò của tín dụng.

c. Sản phẩm: HS xác định được đặc điểm, vai trò của tín dụng được mô tả trong 2 trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp, suy nghĩ và xác định đặc điểm, vai trò của tín dụng.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS suy nghĩ và thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trình bày trước lớp.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

+ Trường hợp 1 mô tả các đặc điểm: tính thời hạn, dựa trên cơ sở lòng tin.

+ Trường hợp 2 mô tả các vai trò: đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng của các cá nhân, doanh nghiệp trong nền kinh tế.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS xác định được sự chênh lệch về chi phí của việc sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

b. Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK trang 55 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định được sự chênh lệch về chi phí của sử dụng tiền mặt và mua tín dụng trong 2 tình huống đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống, thảo luận và thực hiện yêu cầu.

+ Tìm sự chênh lệch giữa việc sử dụng tiền mặt và mua tín dụng trong 2 tình huống trên.

+ Tính tổng số tiền phải hoàn trả (bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi) của K và D.

+ Em hãy giúp K và D xử lý tình huống.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm để thảo luận về tình huống, thực hiện yêu cầu và trình bày trước lớp.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

+ Tình huống 1: lãi suất 0,65 %/tháng. Tiền nợ gốc (60 000 000 đồng) + tiền lãi ($0,65\% \times 24 \times 60\,000\,000$) = 69 360 000 đồng. Anh K không được trả nợ sớm vì đã cam kết vay trong 24 tháng.

+ Tình huống 2: lãi suất 15 %/tháng. Tiền nợ gốc (1 000 000 đồng) + tiền lãi ($15\% \times 12 \times 1\,000\,000$) = 2 800 000 đồng. Chị D nên cân nhắc tính toán thật kỹ số tiền lãi phải trả vì đây là hình thức cho vay nặng lãi.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Thiết kế cảm nang giới thiệu về khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng**

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được khái niệm, các đặc điểm, vai trò của tín dụng.

b. Nội dung: Thiết kế cảm nang tóm tắt các đặc điểm và vai trò của tín dụng.

c. Sản phẩm: Cảm nang tóm tắt các đặc điểm và vai trò của các dịch vụ tín dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế cảm nang tóm tắt khái niệm, các đặc điểm và vai trò tín dụng.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và làm sản phẩm.

– Tổ chức, điều hành: GV mời một số nhóm thuyết trình về sản phẩm.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Viết bài thuyết trình**

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để viết bài thuyết trình về ý nghĩa của chính sách hỗ trợ tín dụng đối với HS, sinh viên.

b. Nội dung: HS viết bài thuyết trình về ý nghĩa của chính sách hỗ trợ tín dụng đối với HS, sinh viên.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS về Quyết định số 1656/QĐ-TTg năm 2019.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm đọc Quyết định số 1656/QĐ-TTg năm 2019 và suy nghĩ yêu cầu của nhiệm vụ. Hoặc GV có thể chuẩn bị sẵn Quyết định này phát cho HS đọc để thực hiện yêu cầu hoạt động.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và viết bài thuyết trình.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS thuyết trình về ý nghĩa của chính sách hỗ trợ tín dụng HS, sinh viên.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và đưa ra kết luận toàn bài.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.

– Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Kể được tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng.
- Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội (đặc thù):
 - + Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Kể được tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng.
 - + Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của tổ chức cấp tín dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG****► Nhiệm vụ. Chia sẻ**

a. Mục tiêu: HS có học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: HS liệt kê một số dịch vụ tín dụng phổ biến hiện nay ở Việt Nam và cho biết khi sử dụng dịch vụ tín dụng cần lưu ý những điều gì (SGK trang 56).

c. Sản phẩm: HS liệt kê được một số dịch vụ tín dụng phổ biến và các lưu ý khi sử dụng dịch vụ tín dụng ở Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV đặt vấn đề trước lớp và tổ chức thi đua theo tổ.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: Các tổ sẽ lần lượt chọn đại diện lên bảng liệt kê một số dịch vụ tín dụng phổ biến hiện nay. Sau khi các tổ viết bảng xong, GV mời ngẫu nhiên 3 – 5 HS trả lời câu hỏi thứ 2.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm của dịch vụ tín dụng thương mại.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK trang 56 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi dựa trên nội dung trong trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 56 và trả lời câu hỏi:
 - + Doanh nghiệp A và B giữ vai trò gì trong mối quan hệ tín dụng trên?
 - + Dịch vụ tín dụng trong trường hợp trên có những đặc điểm gì? Đặc điểm nào thể hiện tính ưu thế của tín dụng này trong nền kinh tế? Vì sao?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung về tín dụng thương mại và đặc điểm của tín dụng thương mại.

Gợi ý trả lời:

Doanh nghiệp A là bên cho vay tín dụng. Doanh nghiệp B là bên đi vay tín dụng từ doanh nghiệp A. Đặc điểm của dịch vụ tín dụng thương mại là giảm sự lệ thuộc vốn vào Nhà nước hoặc các ngân hàng của doanh nghiệp, đồng thời giúp các doanh nghiệp mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh lâu bền. Tính ưu thế của dịch vụ tín dụng này trong nền kinh tế chính là vay tín dụng không thông qua trung gian thứ ba là ngân hàng, hoặc Nhà nước, giúp các doanh nghiệp kết nối và cung cấp dịch vụ tín dụng cho nhau dễ dàng hơn.

► Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm của dịch vụ tín dụng nhà nước.

b. Nội dung: Đọc 2 trường hợp trong SGK trang 57 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được dịch vụ tín dụng nhà nước và mô tả đặc điểm của dịch vụ tín dụng nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm HS đọc trường hợp trong SGK trang 57 và thực hiện theo yêu cầu:

- + Cho biết vai trò của Nhà nước trong mối quan hệ tín dụng nhà nước.
- + Nêu một số đặc điểm của tín dụng nhà nước. Giải thích vì sao lãi suất vay của tín dụng nhà nước hấp dẫn hơn các ngân hàng thương mại.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

Nhà nước đóng vai trò vừa là bên đi vay (Nhà nước vay từ xã hội để đảm bảo thực thi các chức năng quản lý kinh tế, xã hội) vừa là bên cho vay (Nhà nước cung cấp các dịch vụ vay tín dụng với lãi suất ưu đãi) với các cá nhân, doanh nghiệp trong mối quan hệ tín dụng.

Tín dụng nhà nước có đặc điểm: tính cưỡng chế, tính chính trị và tính xã hội. Lãi suất vay của tín dụng nhà nước hấp dẫn hơn các ngân hàng thương mại vì dịch vụ này thể hiện trách nhiệm quan tâm, chăm lo đời sống người dân của Nhà nước, cũng như để thực thi các chức năng quản lý kinh tế, xã hội.

► Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm của dịch vụ tín dụng ngân hàng.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK trang 57, 58 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được tín dụng ngân hàng và đặc điểm của dịch vụ này.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK trang 57, 58 và trả lời câu hỏi.
 - + Các dịch vụ tín dụng của Ngân hàng C có đặc điểm gì?
 - + Anh B cần đáp ứng điều kiện gì để sử dụng các dịch vụ tín dụng mà Ngân hàng C cung cấp?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời: Các dịch vụ tín dụng của Ngân hàng C có đặc điểm là sự tiện lợi do mạng lưới ngân hàng có chi nhánh khắp cả nước và sự linh hoạt về đối tượng vay mượn (tiền, vốn). Anh B cần thoả thuận và cam kết thực nghiệm các điều kiện tín dụng mà Ngân hàng C đặt ra: hạn mức vay, thời hạn vay, lãi suất.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm của dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK trang 58, 59 và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được tín dụng tiêu dùng và đặc điểm của dịch vụ này.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 58, 59 và thực hiện yêu cầu.

+ Nêu những yêu cầu đăng kí sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng từ trường hợp trong SGK.

+ Trình bày các đặc điểm của tín dụng tiêu dùng được mô tả trong trường hợp. Cho ví dụ.

+ Liệt kê một số lưu ý khi sử dụng tín dụng tiêu dùng trong việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ trong cuộc sống.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Để đăng kí sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng trong trường hợp trên, khách hàng chỉ cần chứng minh được thu nhập định kì và ổn định.

+ Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng là sự đa dạng, tiện ích trong hình thức trả góp và nơi trả góp. Ví dụ: trả góp tại cửa hàng tiện lợi, siêu thị điện thoại,...

+ Ngân hàng sẽ ứng tiền trước và khách hàng phải thanh toán lại cho ngân hàng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán nợ. Nếu khách hàng thanh toán khoản vay quá hạn hoàn trả sẽ mất thêm chi phí là số tiền lãi quá hạn. Thẻ tín dụng có hạn mức chi tiêu và khách hàng không được sử dụng quá hạn mức này. Nếu khách hàng mua hàng trả góp bằng thẻ tín dụng, khách hàng kết hợp việc trả ngay một phần theo hợp đồng hoặc giao kèo bán chịu trả góp với số tiền lãi hằng tháng theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng.

► **Nhiệm vụ 5. Đọc trường hợp và thảo luận theo gợi ý**

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK trang 59, 60 và thảo luận theo gợi ý.

c. Sản phẩm: HS biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS đọc trường hợp trong SGK trang 59, 60 và thảo luận nhóm theo yêu cầu.

- + Em hãy nhận xét về cách sử dụng dịch vụ tín dụng của chị Q và anh H.
- + Cho biết vì sao phải sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.
- + Nêu một số cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS đọc trường hợp và thảo luận theo yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: Các nhóm thảo luận và chọn đại diện trình bày.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

- + Chị Q sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng có trách nhiệm. Chị luôn thanh toán đúng hạn và thường xuyên nhận được ưu đãi tín dụng của ngân hàng. Anh H sử dụng dịch vụ vay thế chấp chưa có trách nhiệm vì không trả nợ đúng hạn.
- + Sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm sẽ xây dựng lòng tin tín dụng với bên cấp tín dụng, giúp quá trình vay tín dụng trở nên dễ dàng hơn và nhận được nhiều ưu đãi từ bên cấp tín dụng. Đồng thời thể hiện lối sống có trách nhiệm và đáng tin cậy của người sử dụng tín dụng.
- + Thực hiện đúng cam kết về khoản vay, thời hạn thanh toán và lãi suất với bên cho vay tín dụng; Cân nhắc nhu cầu sử dụng tiền vay tín dụng phù hợp với năng lực tài chính cá nhân.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Đọc các trường hợp và xác định dịch vụ tín dụng*

- a. Mục tiêu:** HS xác định được dịch vụ tín dụng phù hợp với nhu cầu của người sử dụng.
- b. Nội dung:** Đọc các trường hợp và xác định dịch vụ tín dụng phù hợp.
- c. Sản phẩm:** HS xác định được dịch vụ tín dụng phù hợp với nhu cầu của người sử dụng.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp và xác định dịch vụ tín dụng phù hợp.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc các trường hợp, suy nghĩ tìm câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV tổ chức hoạt động nhóm (6 – 8 HS/nhóm). Các nhóm thảo luận và giải thích vì sao chọn dịch vụ tín dụng cho trường hợp đó.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1. Tín dụng thương mại.
- + Trường hợp 2. Tín dụng nhà nước.
- + Trường hợp 3. Tín dụng tiêu dùng.
- + Trường hợp 4. Tín dụng ngân hàng.

► **Nhiệm vụ 2. Bày tỏ ý kiến**

a. Mục tiêu: HS trình bày được một số cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.

b. Nội dung: Trình bày cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm, phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng tín dụng trong các trường hợp.

c. Sản phẩm: HS trình bày được các sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS đọc các trường hợp và trình bày ý kiến của mình về cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS hoạt động thảo luận, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

– Trường hợp 1: Anh A sử dụng dịch vụ tín dụng nhà nước và phải lưu ý về mức lãi suất (dù rất thấp), thời hạn hoàn trả cũng như khả năng tài chính của mình.

– Trường hợp 2: Ông B không được phép làm vậy khi sử dụng dịch vụ vay thế chấp ở ngân hàng vì theo cam kết cho vay thế chấp, ông phải đưa sổ đỏ nhà riêng cho ngân hàng giữ thì ngân hàng mới cấp tín dụng cho ông.

– Trường hợp 3: Bà B cần đàm phán với đại diện doanh nghiệp A về việc sử dụng dịch vụ tín dụng thương mại. Doanh nghiệp A sẽ cho bà B mua trang thiết bị trả chậm theo quý và bà B sẽ trả nợ theo các giai đoạn đã cam kết.

– Trường hợp 4: Chị G có thể sử dụng dịch vụ tín dụng nhà nước để thực hiện các dự án phát triển chính sách xã hội. Chị G cần rõ ràng về chi phí và phải lập kế hoạch rõ ràng để nộp hồ sơ vay tín dụng nhà nước.

► **Nhiệm vụ 3. Xử lý tình huống**

a. Mục tiêu: HS trình bày được cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.

b. Nội dung: Đọc tình huống và sắm vai xử lý theo gợi ý.

c. Sản phẩm: HS trình bày được cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm trong hai tình huống đưa ra trong SGK.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống, thảo luận để trả lời câu hỏi và sắm vai xử lý.

+ Tình huống 1:

- * Cách sử dụng dịch vụ tín dụng của anh T có đúng quy định không? Vì sao?
- * Trong trường hợp này, em sẽ hướng dẫn anh T cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm như thế nào?
- + Tình huống 2:
- * Em có nhận xét gì về việc sử dụng dịch vụ tín dụng của V?
- * Nếu là người thân của V và chứng kiến tình huống trên, em sẽ trao đổi như thế nào để V biết cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm sắm vai xử lý tình huống trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

- + Tình huống 1: Anh T sử dụng dịch vụ tín dụng không đúng quy định vì anh đã vi phạm cam kết trả lãi đúng hạn với bên cho vay. Trong tháng vừa rồi, anh T đã trả góp trễ nên phải chấp nhận đóng thêm khoản phí quá hạn cùng số tiền trả góp. Các tháng tiếp theo, anh T cần nghiêm túc trả nợ đúng hạn.
- + Tình huống 2: V sử dụng dịch vụ tín dụng chưa có trách nhiệm vì đã không cân nhắc chi tiêu khi sử dụng thẻ tín dụng dẫn đến việc vượt quá hạn mức sử dụng thẻ. V cần rèn luyện cách kiểm soát chi tiêu của mình. Đồng thời tìm hiểu và nâng cao kiến thức về việc sử dụng thẻ tín dụng để không bị mất oan phí sử dụng vượt hạn mức.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► *Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về một số dịch vụ tín dụng nhà nước phổ biến ở địa phương*

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu về một số dịch vụ tín dụng nhà nước phổ biến ở địa phương.

b. Nội dung: Tìm hiểu về một số dịch vụ tín dụng nhà nước phổ biến ở địa phương và viết bài thu hoạch theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Bài thu hoạch trên giấy A4 về thông tin của một số dịch vụ tín dụng nhà nước đang được áp dụng ở địa phương (loại hình cho vay, khoản vay, lãi suất,...).

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc yêu cầu và thực hiện hoạt động tại nhà.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV giải thích những điểm HS chưa hiểu về yêu cầu của hoạt động.
- Tổ chức, điều hành: GV ra yêu cầu cho HS về nhà thực hiện hoạt động và viết bài thu hoạch nộp trong buổi học sau.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá trong buổi học tiếp theo.

► **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cách sử dụng dịch vụ tín dụng của bạn bè, người thân, đánh giá và cho lời khuyên**

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để tìm hiểu cách sử dụng dịch vụ tín dụng của bạn bè, người thân và đưa ra lời khuyên về cách sử dụng hợp lý, có trách nhiệm.

b. Nội dung: Tìm hiểu về cách sử dụng dịch vụ tín dụng của bạn bè, người thân. Sau đó, đánh giá xem họ đã sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm chưa. Nếu chưa, hãy cho lời khuyên về cách sử dụng hợp lý, có trách nhiệm.

c. Sản phẩm: HS tìm hiểu, đánh giá và cho lời khuyên (nếu có) về cách sử dụng dịch vụ tín dụng của bạn bè, người thân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ yêu cầu của nhiệm vụ. GV giải thích những điểm HS chưa hiểu về yêu cầu của hoạt động.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ về yêu cầu của nhiệm vụ.

– Tổ chức, điều hành: GV ra yêu cầu cho HS về nhà thực hiện hoạt động và báo cáo trong buổi học sau.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS ứng dụng kiến thức được học vào cuộc sống.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Kể được tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng.
- Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 6.

LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

BÀI

11

LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân.
- Kiểm soát được tài chính cá nhân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực phát triển bản thân (đặc thù):

- + Lập kế hoạch phát triển bản thân: nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân; nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- + Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân: lập được kế hoạch tài chính của cá nhân; kiểm soát được tài chính cá nhân.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: tự giác xác định năng lực tài chính cá nhân để lập kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp; có ý thức kiểm soát tài chính cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

► **Nhiệm vụ. Chia sẻ**

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Thực hiện trò chơi “Chiếc hộp thông minh” (SGK trang 63), chia 1 000 000 đồng vào 4 chiếc hộp: nhu cầu cá nhân, tiết kiệm, dự phòng và đầu tư sinh lời sao cho hợp lý nhất. Sau đó, trình bày trước lớp để thuyết phục các bạn về sự phân chia của HS.

c. Sản phẩm: HS phân chia được số tiền 1 000 000 đồng đáp ứng 4 khoản chi tiêu về: nhu cầu cá nhân, tiết kiệm, dự phòng và đầu tư sinh lời. Đồng thời, HS thuyết phục được các bạn trong lớp về cách chia này.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chuẩn bị tranh hoặc trình chiếu hình ảnh 4 chiếc hộp. Sau đó yêu cầu HS nghĩ cách sử dụng số tiền 1 000 000 đáp ứng 4 mục tiêu đưa ra.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS phát biểu câu trả lời. Sau khi HS trình bày xong, GV tiếp tục đặt câu hỏi “Em cần làm gì để quản lý chi tiêu cá nhân và tiết kiệm tiền hiệu quả?” và phỏng vấn HS để dẫn vào bài học.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong SGK trang 64 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi dựa trên nội dung trong trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 64 và trả lời câu hỏi:

+ Vì sao phải tính toán nguồn tiền ra – vào mỗi tháng, thời gian tiết kiệm, khả năng vay nợ và đầu tư sinh lời khi lập kế hoạch tài chính cá nhân?

+ Theo em, kế hoạch tài chính cá nhân là gì?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS đọc nội dung trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra khái niệm về kế hoạch tài chính cá nhân.

Gợi ý trả lời: Khi lập kế hoạch tài chính cá nhân, tính toán nguồn tiền – ra vào mỗi tháng và thời gian tiết kiệm giúp cá nhân quản lí được quỹ tiền của mình. Ngoài ra, tính toán khả năng vay nợ giúp cá nhân học cách sử dụng tín dụng có hiệu quả, phục vụ cho chi tiêu các khoản tiền không có sẵn hiện tại. Còn tính toán khả năng đầu tư giúp cá nhân vừa tiết kiệm, vừa dùng số tiền nhàn rỗi này để tạo ra thêm khoản tiền mới dựa trên số tiền sẵn có. Kế hoạch tài chính cá nhân là tập hợp các hoạt động thu – chi tiền bạc, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và nợ được sắp xếp theo trình tự để đạt được mục tiêu tài chính cá nhân cho từng giai đoạn thời gian.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: Đọc 3 trường hợp trong SGK trang 65, 66 và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nêu được 3 loại kế hoạch tài chính cá nhân: kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm HS đọc các trường hợp trong SGK trang 65, 66 và thực hiện theo yêu cầu:

+ Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

* Em hãy cho biết tiêu chí về thời gian và số tiền tiết kiệm trong kế hoạch tài chính cá nhân của bạn A.

* Em hãy liệt kê một số trường hợp cần lập kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

+ Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.

* Kế hoạch tài chính cá nhân của B có đặc điểm gì?

* Theo em, mục tiêu của kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là gì?

+ Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

* Em hãy mô tả nội dung kế hoạch tài chính cá nhân của T.

* Cho biết khi nào nên lập kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS đọc những trường hợp trong SGK, suy nghĩ và ghi câu trả lời ra giấy.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Trong kế hoạch tài chính cá nhân của bạn A, thời gian tiết kiệm dưới một tháng và số tiền tiết kiệm là 300 nghìn.

+ Mua quà sinh nhật, mua quà tết, mua dụng cụ/ đồ dùng học tập,... hoặc mua những món đồ có giá trị thấp (dưới 1 triệu).

+ Kế hoạch tài chính cá nhân của B có thời gian tiết kiệm lên đến 6 tháng.

+ Mục tiêu của kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là giúp cá nhân thực hiện kế hoạch tài chính có thời hạn từ 1 đến dưới 6 tháng.

+ Kế hoạch tài chính cá nhân của bạn T gồm:

* Tổng số tiền cần tiết kiệm: 50 triệu đồng.

* Thời gian tiết kiệm: từ 1 đến 3 năm học Trung học phổ thông.

* Mỗi tuần tiết kiệm tối thiểu 100 nghìn đồng và duy trì mức này tối thiểu 15 tháng.

* Mỗi tuần tiết kiệm thêm 20 nghìn phòng cho trường hợp khẩn cấp.

* Lên lớp 11, T tìm một công việc bán thời gian với mức thu nhập dự kiến 2 triệu mỗi tháng và dùng số tiền này bổ sung vào quỹ tiết kiệm.

* Trong 18 tháng đầu tiên, T cố gắng đạt mục tiêu tiết kiệm 20 triệu đồng. T dùng số tiền này mở tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng để đầu tư sinh lời mỗi năm.

* Từ số tiền sinh lời, T dùng bổ sung vào quỹ tiết kiệm để tiếp tục sinh lời.

+ Lập kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn khi cá nhân muốn tiết kiệm một số tiền lớn (trên 10 triệu) và phải cần một khoảng thời gian dài mới tiết kiệm được (trên 6 tháng).

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: Hãy đọc các trường hợp trong SGK trang 66 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 66 và trả lời câu hỏi:

+ Cách quản lý và chi tiêu tiền của K và T có gì khác nhau?

+ Em có suy nghĩ gì về ý kiến cho rằng: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân là việc cần làm của mỗi người nếu muốn tiết kiệm và sinh lời từ tiền?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 - 5 HS trả lời. Hoặc GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, 2 HS ngồi chung bàn sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi. GV mời 3 - 5 cặp HS chia sẻ.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ K không kiểm chế được nhu cầu của mình nên đã tiêu toàn bộ số tiền tiết kiệm cho những mục đích khác. T biết cách kiểm soát nguồn tiền của mình nhờ luôn tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân đã lập.

+ Đồng ý với ý kiến này vì nhờ có kế hoạch tài chính cá nhân, mỗi cá nhân sẽ chủ động và kiểm soát tốt các nguồn tiền của mình, từ đó đạt được mục tiêu tiết kiệm và đầu tư sinh lời từ khoản tiền đang có.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: Hãy đọc trường hợp trong SGK trang 67 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được 5 bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 67 và suy nghĩ trả lời các câu hỏi.

+ Theo em, các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của N có hợp lí không? Vì sao?

+ Để lập được một kế hoạch tài chính cá nhân, em cần lưu ý điều gì?

+ Chia sẻ các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của em (GV gợi mở và mời 3 – 5 HS chia sẻ).

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời, nêu ra các bước, cũng là các thao tác lập kế hoạch tài chính cá nhân.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời: Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của N hợp lí vì tuân theo các trình tự từ việc đánh giá tình hình tài chính, cho đến đặt mục tiêu, chọn loại kế hoạch, phân chia nguồn tiền, lập bảng chi tiêu và tuân thủ thực hiện kế hoạch đã lập.

Cần lưu ý chọn loại kế hoạch phù hợp với mục tiêu tài chính đặt ra và đảm bảo 5 bước:

+ Bước 1: Đánh giá tình hình tài chính cá nhân.

+ Bước 2: Đặt mục tiêu tài chính cá nhân.

+ Bước 3: Phân chia dòng tiền cho các quỹ: tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, trả nợ và dự phòng cho trường hợp khẩn cấp,...

+ Bước 4: Lập kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng quỹ và xác định thời hạn hoàn thành mục tiêu.

+ Bước 5: Thực hiện đúng theo kế hoạch tài chính đã lập.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến**

a. Mục tiêu: HS xác định được khái niệm, phân loại và tầm quan trọng của kế hoạch tài chính, lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: Bày tỏ ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với các nhận định trong SGK và giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS bày tỏ được quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với các nhận định đưa ra và giải thích.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm HS đọc các nhận định và nêu quan điểm đồng tình/ không đồng tình của mình.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm HS hoạt động thảo luận, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý thực hiện:

a. Kế hoạch tài chính cá nhân là kế hoạch được đặt ra nhằm quản lí tiền bạc của mỗi người. Nhờ có kế hoạch này, cá nhân sẽ biết tiết kiệm và tiêu dùng thông minh, hiệu quả hơn. Không đồng tình vì hiểu chưa đầy đủ về khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, không chỉ là tiết kiệm và tiêu dùng, mà còn các khoản đầu tư, dự phòng, trả nợ.

b. Lựa chọn loại kế hoạch tài chính cá nhân phụ thuộc vào mục tiêu tài chính. Bạn sẽ biết được mình cần bao nhiêu thời gian để đạt được mục tiêu và lựa chọn loại kế hoạch phù hợp. Đồng tình vì hiểu đúng về khái niệm, cách phân loại và lựa chọn loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp.

c. Không cần thiết lập kế hoạch tài chính cá nhân. Vì nếu lúc nào cũng phải tính toán, soi xét từng hoạt động chi tiêu, ta sẽ trở nên bị động trong cuộc sống. Không đồng tình vì nhận định này chưa phản ánh đúng tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Kế hoạch tài chính cá nhân là công cụ hỗ trợ rèn luyện cách tiết kiệm, đầu tư sinh lời, cũng như quản lí tiền hiệu quả. Đồng tình vì hiểu đúng về khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

► **Nhiệm vụ 2. Thực hành**

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp.

b. Nội dung: Đọc các trường hợp và lựa chọn loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp.

c. Sản phẩm: HS lựa chọn được loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc 2 trường hợp trong SGK và lựa chọn loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp. Sau đó, mời HS giải thích lí do chọn loại kế hoạch đó.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS trình bày. Sau đó, GV yêu cầu HS lí giải vì sao lại chọn loại kế hoạch đó.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

+ Trường hợp 2: Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.

► **Nhiệm vụ 3. Lập kế hoạch tài chính cá nhân**

a. Mục tiêu: HS lập được kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: Lập một kế hoạch tài chính cá nhân theo các định hướng trong SGK.

c. Sản phẩm: Kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các yêu cầu và lập 1 kế hoạch tài chính cá nhân theo các định hướng trong SGK.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS chia sẻ về kế hoạch của mình. GV yêu cầu HS báo cáo vào buổi học sau.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Sưu tầm**

a. Mục tiêu: HS sưu tầm được một số quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lý tài chính cá nhân để áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của mình.

b. Nội dung: Sưu tầm một số quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lý tài chính cá nhân hiệu quả và áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của bản thân.

c. Sản phẩm: Các quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lý tài chính cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ học tập này cho HS thực hiện tại nhà và báo cáo ở buổi học sau (nên giao ở cuối tiết 3 để tiết 4 báo cáo).

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện trong 1 tuần và báo cáo.

– Tổ chức, điều hành: GV mời HS chia sẻ sản phẩm mà mình sưu tầm được.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên và định hướng cho HS áp dụng những quy tắc, công cụ sưu tầm được vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

► **Nhiệm vụ 2. Thiết kế khẩu hiệu tuyên truyền**

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để thiết kế được các câu khẩu hiệu tuyên truyền về việc kiểm soát tài chính cá nhân và sử dụng kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả.

b. Nội dung: Thiết kế câu khẩu hiệu tuyên truyền về việc kiểm soát tài chính cá nhân và sử dụng kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả.

c. Sản phẩm: Câu khẩu hiệu tuyên truyền về việc kiểm soát tài chính cá nhân và sử dụng kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và thực hiện yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV chia nhóm cho HS (6 – 8 HS). Các nhóm thảo luận và thiết kế câu khẩu hiệu trong thời gian hạn định. Sau đó, GV mời đại diện các nhóm viết câu khẩu hiệu lên bảng hoặc trình bày trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tuyên truyền các câu khẩu hiệu này và đưa ra kết luận chung cho bài học.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân.
- Kiểm soát được tài chính cá nhân.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 7: HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BÀI

12

ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
Giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất.
- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):
Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều chỉnh hành vi: thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác tích cực thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy, câu chuyện ngắn, bài viết, bài báo.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Nhận biết bản thân là thành viên của tổ chức nào và nêu hoạt động của một trong bốn tổ chức nêu trên.

c. Sản phẩm: HS biết được các tổ chức được đề cập thông qua những biểu tượng của tổ chức và nêu được hoạt động của một trong bốn tổ chức đó.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc sơ đồ và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- Nêu được các cơ quan trong hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được hiểu biết về vị trí của các cơ quan trong hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc sơ đồ 1 trong SGK.

c. Sản phẩm:

- HS biết được các cơ quan trong hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- HS nêu được hiểu biết về vị trí của các cơ quan trong hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc sơ đồ 1 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm những cơ quan nào?

+ Em có những hiểu biết gì về vị trí của các cơ quan trong hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi. Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định các nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

– Hệ thống chính trị là một chỉnh thể thống nhất trong đó bao gồm các tổ chức, các thiết chế hợp pháp có quan hệ về mục đích và chức năng thực hiện hoặc tham gia thực hiện quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước.

– Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

– HS nắm được đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Đưa ra được quan điểm, đánh giá trong những tình huống thực tế có liên quan đến đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

– HS nắm được đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Đưa ra được quan điểm, đánh giá trong những tình huống thực tế có liên quan đến đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Tính nhất nguyên chính trị, thống nhất, nhân dân được thể hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

+ Em đồng ý với ý kiến của C hay D? Vì sao?

- Kết luận, đánh giá:
- + GV kết luận.
- + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- + Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị Việt Nam;
- + Thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động;
- + Hệ thống chính trị tại Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- HS nắm được nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Đưa ra được quan điểm, đánh giá trong những tình huống thực tế có liên quan đến nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nắm được các nguyên tắc của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi:

- + Thế nào là nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân?
- + Theo em, nhân dân thực hiện quyền lực của mình bằng cách thức nào và phải thông qua cơ quan, cá nhân nào?
- + Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội được quy định như thế nào?
- + Từ tình huống về xã A, em hãy cho biết vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội hiện nay?
- + Nguyên tắc tập trung dân chủ là gì?
- + Theo em, nguyên tắc tập trung dân chủ được biểu hiện như thế nào?
- + Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của hệ thống

chính trị Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam dựa trên các nguyên tắc: nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; nguyên tắc uỷ quyền có điều kiện và có thời hạn; nguyên tắc pháp quyền; nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách; nguyên tắc quyền lực nhà nước là tập trung thống nhất, không phân chia, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS tự giác tích cực thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS xây dựng ý thức tự giác tích cực thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tình huống trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Em ủng hộ ý kiến của A hay C? Vì sao?

+ Theo em, HS có trách nhiệm gì trong xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị?

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng các bạn và đưa ra ý kiến về các nhận định**

a. Mục tiêu: HS đưa ra được quan điểm đánh giá các nhận định có liên quan đến hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các nhận định, thảo luận nhóm và đưa ra nhận xét, đánh giá.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được quan điểm đánh giá các nhận định có liên quan đến hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc nhận định và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận và dẫn dắt sang hoạt động khác.

► **Nhiệm vụ 2. Vẽ sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam từ những tổ chức được gợi ý**

a. Mục tiêu: HS xây dựng được sơ đồ cấu trúc hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và vẽ sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam.

c. Sản phẩm: HS nhận biết và xây dựng được sơ đồ cấu trúc hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu. Sơ đồ được thể hiện trên giấy A0 do GV chuẩn bị.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi các nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận và dẫn dắt sang hoạt động khác.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS thể hiện được thái độ tích cực trong thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật trong những tình huống thực tế đơn giản.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS thể hiện được thái độ tích cực thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật trong những tình huống thực tế đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tình huống trong SGK để trả lời các câu hỏi:
 - + Nếu là B em sẽ có ý kiến gì với bạn?
 - + Nếu là Bí thư Chi đoàn lớp 10A1, em sẽ làm gì?
- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV kết luận.
 - + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Viết 1 bài luận (khoảng 300 từ) nhận xét về hoạt động của tổ chức chính trị – xã hội mà em là thành viên**

a. Mục tiêu: HS chia sẻ được về hoạt động của tổ chức chính trị – xã hội mà các em là thành viên.

b. Nội dung: Viết một bài luận khoảng 300 chữ chia sẻ về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS chia sẻ được về hoạt động của tổ chức chính trị – xã hội mà HS là thành viên.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và viết một bài luận khoảng 300 từ theo yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Viết một bài tuyên truyền về vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đề xuất một số giải pháp nâng cao hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở địa phương em**

a. Mục tiêu:

- HS xây dựng được nội dung tuyên truyền về hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- HS đề xuất được một số giải pháp nâng cao hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại địa phương của mình.

b. Nội dung: Viết một bài tuyên truyền về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xây dựng được nội dung tuyên truyền về hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đề xuất được một số giải pháp nâng cao hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại địa phương của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm thảo luận và viết một bài tuyên truyền theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống Nhà nước.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được tình huống trong học tập và trong cuộc sống có sáng tạo.
- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):
 - + Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - + Điều chỉnh hành vi: Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống Nhà nước.
 - + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy,...
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, có nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, HS nêu được các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong phần mở đầu.

b. Nội dung: Nêu những cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ trung ương tới địa phương.

c. Sản phẩm: HS nêu được yêu cầu mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm HS, yêu cầu HS thảo luận và đưa ra đáp án của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm nêu ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khám phá kiến thức.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nêu được đặc điểm của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin trong mục 1 SGK và thực hiện yêu cầu và trả lời câu hỏi:

c. Sản phẩm: HS thực hiện được yêu cầu và trả lời câu hỏi gắn với các thông tin, trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm và yêu cầu đọc các thông tin, trường hợp tại mục 1 trong SGK để thực hiện được yêu cầu và trả lời các câu hỏi.

Nhóm 1. Tính thống nhất

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

- + Tính thống nhất của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

+ Để thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thực hiện như thế nào?

Nhóm 2. Tính nhân dân

Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu: Trình bày biểu hiện của tính nhân dân trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cho ví dụ minh hoạ.

Nhóm 3. Tính quyền lực

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

– Tính quyền lực của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào?

– Tại sao các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải phối hợp, giám sát lẫn nhau?

Nhóm 4. Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Vì sao Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi. Trong quá trình HS đọc thông tin và trường hợp, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh hành vi cho các em.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định các nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Gợi ý trả lời: Đặc điểm của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

+ Tính thống nhất: Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tính thống nhất trong tổ chức và hoạt động. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được sắp xếp, tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương và đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước hoạt động vì lợi ích của nhân dân và lợi ích của dân tộc.

+ Tính nhân dân: Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân thành lập nên, được nhân dân uỷ quyền để thực hiện việc quản lí Nhà nước và xã hội. Mọi hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước đều nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

+ Tính quyền lực: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang tính quyền lực. Điều đó được thể hiện ở việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng,

nhiệm vụ riêng biệt. Đồng thời, thể hiện qua việc các cơ quan, cá nhân ở cấp dưới bắt buộc phải phục tùng, phải thực hiện các nhiệm vụ, quyết định của cấp trên.

+ Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa: Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay mang tính pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực hiện quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nêu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin và trả lời các câu hỏi, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi và thực hiện các yêu cầu gắn với các thông tin và trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm và yêu cầu đọc các thông tin tại mục 2 trong SGK để trả lời các câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

Nhóm 1. Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

- + Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được thể hiện như thế nào?
- + Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua những nội dung nào?

Nhóm 2. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát

Đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu:

- + Cho biết cách hiểu của em về nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát.
- + Từ Thông cáo báo chí số 13 kì họp thứ 2, Quốc hội khoá XV, em hãy cho biết Quốc hội thể hiện quyền kiểm soát các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam như thế nào.

Nhóm 3. Nguyên tắc Nhà nước thuộc về nhân dân

Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi: Nguyên tắc quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân được thể hiện như thế nào trong khoản 1 và 2 Điều 4 Luật Trưng cầu ý dân năm 2015?

Nhóm 4. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi:

- + Em hiểu thế nào là tập trung dân chủ qua trích đoạn ở thông tin 1?
- + Nguyên tắc tập trung dân chủ được thể hiện như thế nào trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

Nhóm 5. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Theo em, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi và thực hiện từng yêu cầu. Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh hành vi cho các em.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trình bày và các nhóm khác nhận xét. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định các nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Gợi ý trả lời: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

+ Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng là một nguyên tắc hiến định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện qua các phương diện như: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng cho Nhà nước; Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát hoạt động của Nhà nước; Đảng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, giới thiệu nhân sự vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước,...

+ Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát: Tính thống nhất của quyền lực nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là Nhân dân. Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện một cách độc lập nhưng có sự phối hợp, kiểm soát, giám sát lẫn nhau để thực hiện quyền lực nhà nước, đảm bảo mục tiêu chung phục vụ nhân dân và phục vụ dân tộc.

+ Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân: Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nguyên tắc này thiết lập nền tảng để hình thành toàn bộ bộ máy nhà nước. Nội dung nguyên tắc này khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập ra Nhà nước, trao quyền cho Nhà

nước và kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước.

+ Nguyên tắc tập trung dân chủ: Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức, hoạt động trong sự phối kết hợp giữa các yếu tố dân chủ và tập trung với hàng loạt các hình thức và chế độ như: bầu cử, bổ nhiệm kết hợp với phê chuẩn một số chức danh trong bộ máy; mô hình tổ chức hội đồng, uỷ ban để kết hợp chế độ lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số; cấp dưới phục tùng cấp trên; thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số,...

+ Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa: Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể, minh bạch toàn bộ việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, hình thức hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước và việc tổ chức bộ máy nhà nước phải tuân theo các quy định đó. Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1.** *Bày tỏ đồng ý hay không đồng ý với các ý kiến nào và giải thích vì sao.*

a. Mục tiêu: củng cố, kiểm nghiệm kiến thức liên quan đến các đặc điểm và các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các câu nhận định và trả lời.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý với từng ý kiến và giải thích được vì sao.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► **Nhiệm vụ 2.** *Chia sẻ quan điểm của bản thân đối với những hành vi được nêu*

a. Mục tiêu: HS phê phán, đấu tranh đối với những hành vi chống phá Nhà nước.

b. Nội dung: HS đọc các hành vi của các chủ thể và bày tỏ quan điểm của mình.

c. Sản phẩm: HS chia sẻ được hành vi nào là hành vi chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ đó, phê phán, đấu tranh đối với những hành vi đó.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. HS ghi chép phần chia sẻ của mình vào vở.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút đọc và ghi chép phần chia sẻ của mình.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS có thái độ tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được ý kiến đồng tình hay không đồng tình và giải thích được.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tình huống trong SGK để đưa ra câu trả lời.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu HS đọc tình huống. Sau đó, GV mời 2 – 3 HS trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG.

► **Nhiệm vụ 1. Viết một bài luận (khoảng 300 chữ) thể hiện rõ vai trò của HS trung học phổ thông trong việc góp phần xây dựng bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

a. Mục tiêu: HS biết được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

b. Nội dung: Viết được bài luận về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS viết được một bài luận thể hiện rõ vai trò của HS trung học phổ thông trong việc góp phần xây dựng bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chuyển giao nhiệm vụ cho từng cá nhân HS, viết ra giấy A4.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình. Các bạn khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của HS khác. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Tổ chức một buổi truyền thông thể hiện vai trò của HS góp phần bảo vệ chính quyền tại địa phương**

a. Mục tiêu: HS biết được trách nhiệm của mình trong việc góp phần bảo vệ chính quyền địa phương.

b. Nội dung: HS tổ chức một buổi truyền thông.

c. Sản phẩm: HS tổ chức được buổi truyền thông thể hiện rõ vai trò của mình trong việc góp phần bảo vệ chính quyền địa phương.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS chuẩn bị tiểu phẩm của nhóm mình.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV chia nhóm và cho các nhóm phát huy khả năng tổ chức của mình.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm HS trình bày sản phẩm của nhóm mình và mời các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về sản phẩm của các nhóm và tổng kết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống Nhà nước.

– Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

BÀI 14

QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (6 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được chức năng của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được chức năng của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Điều chỉnh hành vi: thực hiện được nghĩa vụ công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá hệ thống Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ ở nước ta.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy, câu chuyện ngắn, bài viết, bài báo.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, có nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Chỉ ra một số hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ mà em biết.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm để nêu ra đáp án của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- Nêu được chức năng của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin trong mục 1 SGK.

c. Sản phẩm: HS nêu được chức năng, biết được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc các thông tin tại mục 1 trong SGK để trả lời các câu hỏi và thực hiện các yêu cầu:
 - + Chức năng của Quốc hội trong các thông tin nêu trên được thể hiện qua những hoạt động gì?
 - + Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các chức năng nào?
 - + Chia sẻ hiểu biết của em về cơ cấu tổ chức của Quốc hội.
 - + Vẽ sơ đồ thể hiện cơ cấu tổ chức của Quốc hội.

- + Cho biết Quốc hội hoạt động như thế nào.
- + Nêu cách hiểu của em về chế độ làm việc theo hội nghị và quyết định theo đa số của Quốc hội.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi, thực hiện yêu cầu.
 - + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trình bày và các nhóm khác nhận xét. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định các nhóm trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Gợi ý trả lời:

Thông tin 1: chức năng lập hiến; thông tin 2: chức năng lập pháp; thông tin 3: chức năng quyết định vấn đề quan trọng của đất nước; thông tin 4: chức năng quyết định vấn đề quan trọng của đất nước; thông tin 5: chức năng giám sát tối cao.

– Chức năng của Quốc hội:

+ Chức năng lập hiến, lập pháp: Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi, bổ sung Hiến pháp; thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật.

+ Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước: Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh của đất nước; xây dựng, củng cố và phát triển bộ máy nhà nước và các vấn đề quan trọng khác.

+ Chức năng giám sát tối cao: Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội. Quốc hội giám sát tối cao hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

– Cơ cấu tổ chức của Quốc hội gồm: Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

– Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Tại kì họp, Quốc hội thảo luận và quyết định theo đa số các vấn đề thuộc chức năng của Quốc hội.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu:

- Nêu được chức năng của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc đoạn thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

- + Thông tin trên đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì của Chủ tịch nước?
- + Trình bày cơ cấu tổ chức của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- + Nêu các hình thức hoạt động của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV kết luận.
 - + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

– Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên thủ quốc gia, đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

– Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- + Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh;
- + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ;
- + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- + Quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;
- + Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- + Quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;

+ Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh;

+ Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh;

+ Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

+ Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Quyết định đàm phán, kí điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

– Giúp Chủ tịch nước thực hiện nhiệm vụ và có thể được Chủ tịch nước uỷ nhiệm thay Chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ là Phó Chủ tịch nước.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được chức năng của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chức năng hành pháp, biết được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi, thực hiện yêu cầu:

+ Trình bày chức năng chính của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Cho biết, chức năng hành pháp của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào.

+ Giải thích tại sao Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ quan chấp hành của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các cơ quan nào?

- + Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có cơ cấu tổ chức như thế nào? Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- + Cho biết, hoạt động của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện thông qua những hình thức nào?
- + Trình bày hoạt động của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV kết luận.
 - + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.
- Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng hành pháp thông qua:
 - + Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế – xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội;
 - + Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền của Chính phủ; ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn hoá do Quốc hội ban hành;
 - + Tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lí các lĩnh vực của đời sống xã hội;
 - + Thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia trên cơ sở các quy định của pháp luật.
- Chính phủ gồm: Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quyết định.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận và cho biết ý kiến của em về các phát biểu**

a. Mục tiêu: HS xác định được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

b. Nội dung: HS đọc các câu nhận định và trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được nhận định đúng là: a, đ, e, g; nhận định sai là: b, c, d.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Gợi ý trả lời:

a. Đây là nhận định đúng. Vì theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2020, Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

b. Đây là nhận định sai. Vì chức năng lập pháp của Quốc hội là hoạt động ban hành pháp luật, còn hoạt động tổ chức thi hành pháp luật không thuộc chức năng lập pháp của Quốc hội.

c. Đây là nhận định sai. Bởi vì căn cứ vào khoản 1 Điều 44 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không phải là cơ quan lãnh đạo của Quốc hội, mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội.

d. Đây là nhận định sai. Vì căn cứ vào khoản 1 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 chỉ có Quốc hội mới có quyền ban hành Hiến pháp.

đ. Đây là nhận định đúng. Vì căn cứ vào khoản 2 Điều 88 Hiến pháp năm 2013 thì Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ.

e. Đây là nhận định đúng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 96 Hiến pháp 2013 thì Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực được giao trong phạm vi cả nước.

g. Đây là nhận định đúng. Căn cứ vào Điều 94 Hiến pháp 2013 thì Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và nhận xét về ý kiến của các nhân vật**

a. Mục tiêu: HS xác định được chức năng và hoạt động của Quốc hội, Chính phủ.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu

c. Sản phẩm: HS sử dụng được kiến thức để xác định được chức năng và hoạt động của Quốc hội, Chính phủ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc và xác định thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các trường hợp cụ thể**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các thẩm quyền của Chủ tịch nước trong các trường hợp cụ thể.

b. Nội dung: Nhận diện thẩm quyền của Chủ tịch nước trong các trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm: HS xác định được các thẩm quyền.

d. Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, tìm và đọc thông tin trong SGK để giải quyết các trường hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các trường hợp.

– Tổ chức, điều hành: Mời một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

* Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1. Thẩm quyền quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá.

+ Trường hợp 2. Quyết định cho nhập quốc tịch.

+ Trường hợp 3. Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận diện chức năng của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và lựa chọn chức năng phù hợp.

c. Sản phẩm: HS xác định được chức năng cụ thể của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm và đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

- Tổ chức, điều hành: Mời một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 5. Đóng vai và xử lý tình huống**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các thông tin và hành động xuyên tạc sự nỗ lực của Chính phủ.

b. Nội dung: Đóng vai và xử lý tình huống.

c. Sản phẩm: HS nhận diện được các thông tin, hành động xuyên tạc sự nỗ lực của Chính phủ và đưa ra được cách xử sự của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống đó.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống.
- Tổ chức, điều hành: HS đọc tình huống và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống.
- Kết luận, nhận định: GV hỗ trợ để HS tìm ra cách xử lý tốt nhất trong tình huống.

► **Nhiệm vụ 6. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- HS có thái độ tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.
- Sử dụng kiến thức đã học phê phán những hành vi chống phá Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ trên mạng xã hội.

b. Nội dung: HS đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS sử dụng được kiến thức để thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; Phê phán những hành vi chống phá Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ trên mạng xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để đưa ra câu trả lời.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1.** *Thiết kế một sản phẩm giới thiệu về Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động*

a. Mục tiêu: HS biết được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

b. Nội dung: Thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trình bày được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2.** *Viết một lá thư cho người bạn nước ngoài (khoảng 100 chữ, bằng tiếng Anh) để giới thiệu về Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà em yêu quý*

a. Mục tiêu: HS viết được một lá thư về một vị Chủ tịch nước mà mình yêu quý.

b. Nội dung: HS viết một lá thư giới thiệu về một vị Chủ tịch nước.

c. Sản phẩm: HS viết được một lá thư.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và tự viết một lá thư của riêng mình.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.

– Tổ chức, điều hành: Một vài HS đọc lá thư trước lớp.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3.** *Thảo luận nhóm để lên ý tưởng và trình bày trước lớp một tiểu phẩm ngắn với chủ đề Thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Quốc hội*

a. Mục tiêu: HS sáng tạo được tiểu phẩm theo chủ đề.

b. Nội dung: HS sáng tạo tiểu phẩm theo chủ đề.

c. Sản phẩm: Tiểu phẩm với chủ đề Thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Quốc hội.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS chuẩn bị tiểu phẩm của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV chia nhóm và cho các nhóm phát huy khả năng sáng tạo của mình.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm HS trình bày tiểu phẩm của nhóm mình và mời các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về sản phẩm của các nhóm và tổng kết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được chức năng của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức, và hoạt động của Toà án nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức, và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: nêu và giải quyết được tình huống có vấn đề trong học tập và trong cuộc sống.
- Năng lực điều chỉnh hành vi:
Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều chỉnh hành vi: thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Thiết bị dạy học:
+ Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

+ Các hình ảnh thể hiện các hình thức thực hiện pháp luật, hình ảnh về hành vi trái pháp luật như: hình ảnh mô phỏng hành vi, mô phỏng tình huống.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Quan sát các bức tranh và cho biết các nhân vật trong tranh thực hiện công việc gì.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hai hình ảnh và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS quan sát.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một số HS trình bày ý kiến của mình. Cả lớp nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến, chốt ý và dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Quan sát tranh, đọc sơ đồ, đọc thông tin và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS quan sát tranh, đọc sơ đồ, đọc thông tin liên quan ở phần khám phá trong SGK.

c. Sản phẩm: HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện.

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh, đọc thông tin ở phần khám phá trong SGK để thực hiện các yêu cầu, trả lời câu hỏi:
 - + Trình bày chức năng của Tòa án nhân dân và cho biết đâu là hoạt động chính của Tòa án nhân dân.
 - + Hãy cho biết, Tòa án nhân dân có vai trò gì trong đời sống xã hội.
 - + Tòa án nhân dân có cơ cấu tổ chức và hoạt động như thế nào?
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trả lời và các nhóm khác nhận xét ý kiến trả lời của nhóm bạn. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thảo luận để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định nhóm trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

– Toà án bao gồm Toà án nhân dân và Toà án quân sự.

– Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân:

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân tối cao: Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Bộ máy giúp việc, Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân cấp cao: Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao, Toà hình sự, Toà dân sự, Toà hành chính, Toà kinh tế, Toà lao động, Toà gia đình và người chưa thành niên, các Toà chuyên trách khác theo quy định của pháp luật, Bộ máy giúp việc.

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương: Ủy ban Thẩm phán, Toà hình sự, Toà dân sự, Toà hành chính, Toà kinh tế, Toà lao động, Toà gia đình và người chưa thành niên, các Toà chuyên trách khác theo quy định của pháp luật, Bộ máy giúp việc.

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương: có thể có Toà hình sự, Toà dân sự, Toà gia đình và người chưa thành niên, Toà xử lý hành chính, các toà chuyên trách theo quy định pháp luật và bộ máy giúp việc.

– Chức năng của Toà án nhân dân là xét xử và thực hành quyền tư pháp.

– Toà án nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, có sự phân công, phân cấp quản lý.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc sơ đồ, tình huống, thông tin liên quan và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc tình huống, sơ đồ, thông tin liên quan ở phần khám phá trong SGK.

c. Sản phẩm: HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tình huống, sơ đồ, thông tin liên quan ở phần khám phá trong SGK để thực hiện yêu cầu:
 - + Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng công tố của mình bằng hoạt động gì?
 - + Em hiểu như thế nào là kiểm sát hoạt động tư pháp?
 - + Trình bày cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân.
 - + Em hãy cho biết trong các cấp Viện kiểm sát kể trên, cấp nào là lãnh đạo cao nhất.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện nhóm trả lời và các nhóm khác nhận xét ý kiến trả lời của nhóm bạn. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thảo luận để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định nhóm trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Viện kiểm sát bao gồm Viện kiểm sát nhân dân và Viện Kiểm sát quân sự.

– Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân:

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có: Ủy ban Kiểm sát; Văn phòng; các cục, vụ, viện và tương đương; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan báo chí và các đơn vị sự nghiệp công lập khác; Viện kiểm sát quân sự trung ương. Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có: Viện trưởng; các Phó Viện trưởng; Kiểm sát viên; Kiểm tra viên; Thủ trưởng, các Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra; Điều tra viên; công chức khác, viên chức và người lao động khác.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao gồm có: Ủy ban Kiểm sát; Văn phòng; các viện và tương đương. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; các Phó Viện trưởng; Kiểm sát viên; Kiểm tra viên; công chức khác và người lao động khác.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gồm có: Ủy ban Kiểm sát; Văn phòng; các phòng và tương đương.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm có: Văn phòng và các phòng hoặc các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác và người lao động khác.

- Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.
- Viện kiểm sát nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, có sự phân công, phân cấp quản lí.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.**

a. Mục tiêu:

- HS nhận định được hành vi của con bà A hay chồng bà A là phù hợp với pháp luật.
- HS đưa ra được cách ứng xử phù hợp với pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS có ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

- + Hành vi của con bà A hay chồng bà A là phù hợp với pháp luật?
- + Trong trường hợp này, gia đình bà A nên xử sự như thế nào để phù hợp với pháp luật?
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV kết luận.
 - + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng các bạn và cho biết, em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào. Vì sao?**

a. Mục tiêu: HS đưa ra được nhận định đúng sai và giải thích vì sao.

b. Nội dung: HS đọc các nhận định, thảo luận nhóm và đưa ra nhận xét, đánh giá, giải thích.

c. Sản phẩm: HS thực hiện làm việc nhóm, đưa ra được nhận định đúng sai và giải thích vì sao.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc nhận định và thực hiện theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận và dẫn dắt sang hoạt động tiếp theo.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu:

- HS bày tỏ được quan điểm của mình trong những tình huống đơn giản.
- HS liệt kê được một số hành vi có thể làm để bảo đảm nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm:

- HS bày tỏ được quan điểm trong những tình huống thực tế đơn giản.
- HS có thái độ tích cực trong thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tình huống trong SGK để thực hiện các yêu cầu:
 - + Đưa ra quan điểm của mình về hành vi của các nhân vật trong tình huống.
 - + Em hãy liệt kê những việc có thể làm để đảm bảo nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.
- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV kết luận.
 - + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

► **Nhiệm vụ 3. Xử lý các tình huống theo gợi ý**

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống

b. Nội dung: Xử lý tình huống theo gợi ý.

c. Sản phẩm:

- HS sử dụng được kiến thức đã học để giải quyết tình huống.
- Hình thành thái độ tích cực trong thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm theo dõi lại nội dung đã học, thảo luận và xây dựng nội dung giải quyết tình huống.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi hai nhóm giải quyết tình huống. Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS qua hoạt động tiếp theo.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1.** *Thiết kế một thông tin hay bài viết, sơ đồ đăng trên tờ báo tường của lớp thể hiện được chức năng, cơ cấu tổ chức và chú giải về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân*

a. Mục tiêu: HS thiết kế được một thông tin hay bài viết, sơ đồ để đăng trên báo tường tuyên truyền về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

b. Nội dung: Thiết kế một thông tin hay bài viết, sơ đồ đăng trên tờ báo tường của lớp để tuyên truyền về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Trong đó, cần thể hiện được chức năng, cơ cấu tổ chức và chú giải về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của 2 cơ quan này.

c. Sản phẩm: HS thể hiện được chức năng, cơ cấu tổ chức và chú giải về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân trong thông tin hay bài viết, sơ đồ đăng trên báo tường của lớp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2.** *Hãy thực hiện một bài viết (khoảng 300 chữ) thể hiện quan điểm cá nhân trong việc xây dựng, bảo vệ Tòa án nhân dân hoặc Viện kiểm sát nhân dân*

a. Mục tiêu: HS xây dựng được một bài viết thể hiện quan điểm cá nhân trong việc xây dựng, bảo vệ Tòa án nhân dân hoặc Viện kiểm sát nhân dân.

b. Nội dung: Thực hiện một bài viết (khoảng 300 chữ) về nội dung nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Bài viết thể hiện quan điểm cá nhân trong việc xây dựng, bảo vệ Tòa án nhân dân hoặc Viện kiểm sát nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận và thực hiện bài viết theo yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của HS khác. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức, và hoạt động của Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức, và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.

- Năng lực điều chỉnh hành vi:

Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh, sơ đồ tư duy,...
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A0.
 - + Tranh, hình ảnh về chính quyền địa phương.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. Giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Chia sẻ hiểu biết của bản thân về một cơ quan thuộc chính quyền địa phương.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được chính quyền địa phương.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc các thông tin, sơ đồ và trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu.**

a. Mục tiêu:

- HS nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân.
- HS trình bày được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b. Nội dung: Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK và thảo luận theo nhóm để thực hiện các yêu cầu sau:

- + Trình bày chức năng của Hội đồng nhân dân. Cho ví dụ minh họa.
- + Em hãy cho biết biểu hiện của những chức năng này.
- + Em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân.
- + Hội đồng nhân dân hoạt động như thế nào?
- + Hoạt động của Hội đồng nhân dân thể hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động nào của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin và quan sát sơ đồ trong SGK, thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Tổ chức, điều hành: GV cho một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

– Hội đồng nhân dân ở địa phương gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

– Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Hội đồng nhân dân họp thường lệ mỗi năm ít nhất 2 kì và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu:

- HS nêu được chức năng của Ủy ban nhân dân.
- HS trình bày được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân.

b. Nội dung: Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được chức năng của Ủy ban nhân dân, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK và thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi, thực hiện các yêu cầu sau:

+ Trình bày và cho ví dụ minh họa về chức năng của Ủy ban nhân dân.

+ Vẽ sơ đồ thể hiện cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân.

+ Ủy ban nhân dân hoạt động như thế nào?

+ Hoạt động của Ủy ban nhân dân thể hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động nào của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin và trường hợp trong SGK, thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.

– Tổ chức, điều hành: GV cho một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

– Ủy ban nhân dân gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện.

– Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân họp thường kỳ mỗi tháng 1 lần và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Ủy ban nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS biết được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b. Nội dung: Đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng bạn bè và cho biết ý kiến về các phát biểu trong SGK**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong SGK và cho biết ý kiến.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được câu nhận định sai: a, b, c.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và cho biết ý kiến.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Gợi ý trả lời:

a. Nhận định sai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 114 Hiến pháp năm 2013, Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra.

b. Nhận định sai. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khác nhau.

c. Nhận định sai. Ở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh mới có tổ chức cơ quan chuyên môn.

► **Nhiệm vụ 2. Xác định các chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân**

a. Mục tiêu: HS xác định được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b. Nội dung: Xác định các chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

c. Sản phẩm: HS xác định được chức năng của Hội đồng nhân dân là: a, d, e; chức năng của Ủy ban nhân dân là: b, c, đ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: HS xác định các chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS xung phong phát biểu câu trả lời. Cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và xác định các chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và giải thích.

► **Nhiệm vụ 3. Thảo luận các tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b. Nội dung: Thảo luận các tình huống và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn để thực hiện các yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm và trình bày sản phẩm trên giấy A0.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm thảo luận trước lớp, các nhóm khác lắng nghe tích cực và nhận xét, đóng góp ý kiến cho các nhóm trình bày.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Thực hiện một bài viết (khoảng 300 chữ) bày tỏ về quyền học tập để gửi tới đại biểu Hội đồng nhân dân.**

a. Mục tiêu: HS viết được một bài viết (khoảng 300 chữ) bày tỏ về quyền học tập để gửi tới đại biểu Hội đồng nhân dân cấp quận/ huyện nơi mình sinh sống.

b. Nội dung: Viết được bài viết (khoảng 300 chữ) theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Một bài viết (khoảng 300 chữ) bày tỏ về quyền học tập để gửi tới đại biểu Hội đồng nhân dân nơi HS sinh sống.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận viết một bài viết (khoảng 300 chữ) theo yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian thảo luận và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền về thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ và xây dựng chính quyền địa phương**

a. Mục tiêu: HS hiểu được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ và xây dựng chính quyền địa phương.

b. Nội dung: Thiết kế sản phẩm tuyên truyền theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Sản phẩm tuyên truyền theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thiết kế khẩu hiệu tuyên truyền về thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ và xây dựng chính quyền địa phương.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian làm việc nhóm.
- Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trưng bày sản phẩm trên lớp, các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 8: PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BÀI

17

PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm pháp luật.
- Nêu được đặc điểm của pháp luật.
- Nêu được vai trò của pháp luật trong đời sống.
- Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

- + Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật.
- + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A0.
 - + Các tranh vẽ thể hiện các tình huống thực hiện pháp luật.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT. Mỗi HS chuẩn bị một ví dụ về các hành vi vi phạm pháp luật.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Đọc hai câu thơ và cho biết ý nghĩa của nó.

c. Sản phẩm: HS biết được vai trò của pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lí xã hội và pháp luật còn là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm để thảo luận và nêu ra ý kiến của nhóm về 2 câu thơ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

+ GV dẫn dắt các bạn HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK trang 116 – 117.

c. Sản phẩm: HS biết được pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tình huống trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Vì sao cảnh sát giao thông lập biên bản và tạm giữ bằng lái xe của anh D?

+ Quy tắc xử sự chung là gì? Quy tắc xử sự chung có ý nghĩa như thế nào đối với các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật?

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi.

+ Trong quá trình HS đọc tình huống, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm của pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK trang 117.

c. Sản phẩm: HS biết được các đặc điểm của pháp luật như: Tính quy phạm phổ biến; Tính bắt buộc chung; Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin 1, 2 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Ủy ban An toàn giao thông quốc gia thực hiện chương trình hỗ trợ mũ bảo hiểm cho phụ nữ dân tộc Thái nhằm mục đích gì?

+ Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

+ Để các quy phạm pháp luật được áp dụng phổ biến vào đời sống xã hội thì các quy phạm đó phải được thể hiện qua hình thức nào?

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin 1, 2 GV, quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Pháp luật có các đặc điểm sau:

+ Tính quy phạm phổ biến: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự, là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi; được áp dụng nhiều lần, trong phạm vi hiệu lực mà nó tác động đến, với nhiều đối tượng.

+ Tính bắt buộc chung: Nhà nước ban hành pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh.

+ Tính xác định chặt chẽ về hình thức: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự và các quy tắc xử sự đó được chứa đựng trong những văn bản pháp luật. Hình thức pháp lí của các văn bản pháp luật do luật định.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nắm được vai trò của pháp luật trong đời sống.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc 2 trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi liên quan:

+ Hành vi xả thải vào môi trường của Nhà máy xi măng A đã vi phạm quy định của luật nào?

+ Việc xử phạt Nhà máy xi măng A thể hiện vai trò của pháp luật trong đời sống như thế nào?

+ Pháp luật đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với bà H như thế nào?

+ Theo em, pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội?

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận. GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Vai trò của pháp luật đối với đời sống:

+ Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lí xã hội: Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước nhằm ổn định trật tự, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội; đồng thời là cơ sở pháp lí cho hoạt động của Nhà nước.

+ Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình: Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội; tạo cơ sở pháp lí để thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng các bạn và cho biết ý kiến về các phát biểu**

a. Mục tiêu: HS xác định được phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai và giải thích được vì sao.

b. Nội dung: HS đọc các phát biểu và cho biết ý kiến.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được ý kiến của mình về các phát biểu.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các phát biểu trong SGK và cho biết ý kiến.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút để đọc và đưa ra ý kiến.

– Tổ chức, điều hành: GV mời một số HS trình bày ý kiến của mình, các HS khác nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Gợi ý trả lời:

a. Pháp luật do mọi cơ quan nhà nước ban hành.

b. Pháp luật là tiêu chuẩn duy nhất đánh giá hành vi của con người.

c. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật được hiểu là pháp luật có phạm vi tác động trên toàn lãnh thổ quốc gia và trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

d. Nội dung của pháp luật được thể hiện bằng ngôn ngữ pháp lí rõ ràng, chính xác, thể hiện đặc điểm xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật.

► **Nhiệm vụ 2. Xác định các đặc điểm của pháp luật trong các quy định của pháp luật**

a. Mục tiêu: HS xác định được các đặc điểm của pháp luật trong các quy định pháp luật.

b. Nội dung: HS xác định các đặc điểm các quy phạm pháp luật.

c. Sản phẩm: HS xác định được các đặc điểm của pháp luật trong các quy phạm pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các quy phạm và căn cứ vào đặc điểm của pháp luật để xác định.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi các HS trình bày kết quả của mình và gọi HS khác nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận thức được hành vi của H có đáng phê phán không cũng như pháp luật có vai trò như thế nào đối với sự việc của chị K.

b. Nội dung: HS đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Biết phê phán hành vi của anh H và nhận biết được vai trò của pháp luật đối với chị K.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc câu chuyện trong SGK để trả lời các câu hỏi.

+ Hành vi của anh H có đáng phê phán không? Vì sao?

+ Pháp luật có vai trò như thế nào đối với sự việc của chị K?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi. Trong quá trình HS đọc câu chuyện, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh các em.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận thức được hành vi của P và chị Q có vi phạm pháp luật không và ảnh hưởng như thế nào đến đời sống xã hội.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp trong SGK.

c. Sản phẩm: Biết phê phán hành vi của anh P và chị Q.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm đọc trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi.

+ Theo em, hành vi của anh P và chị Q có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

+ Hành vi của anh P và chị Q ảnh hưởng như thế nào đến đời sống xã hội?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho các nhóm đọc trường hợp và trả lời từng câu hỏi. Trong quá trình các nhóm đọc trường hợp, GV quan sát các nhóm làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh các em.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện 4 nhóm HS trả lời và các nhóm nhận xét ý kiến trả lời của nhóm bạn. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu một trường hợp pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong thực tế**

a. Mục tiêu: Tìm hiểu được 1 trường hợp pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong thực tế cuộc sống.

b. Nội dung: Tìm hiểu 1 trường hợp pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong thực tế cuộc sống.

c. Sản phẩm: Thông qua trường hợp biết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm, phân công nhiệm vụ cho HS.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm HS trình bày trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét phần trình bày của nhóm bạn và tổng kết.

► **Nhiệm vụ 2. Vẽ tranh tuyên truyền với nội dung “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”**

a. Mục tiêu: Tuyên truyền được với nội dung “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

b. Nội dung: HS vẽ tranh tuyên truyền với nội dung “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

c. Sản phẩm: Các sản phẩm có tính chất tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu các nhóm chuẩn bị sản phẩm của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm phát huy khả năng sáng tạo của mình.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm HS trình bày sản phẩm của nhóm mình và mời các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về sản phẩm của các nhóm và tổng kết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm pháp luật.
- Nêu được các đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống.
- Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ khái niệm pháp luật, hiểu rõ các đặc điểm và vai trò của pháp luật. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được khái niệm pháp luật, các đặc điểm và vai trò của pháp luật nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được khái niệm pháp luật, các đặc điểm và vai trò của pháp luật. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

BÀI 18

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.
- Tự giác thực hiện các quy định pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi:

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được hệ thống pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

+ Điều chỉnh hành vi: tự giác thực hiện các quy định pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Quan sát hình ảnh và chia sẻ hiểu biết về một trong năm văn bản quy phạm pháp luật.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS quan sát.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một số HS để trình bày ý kiến của mình. Cả lớp nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Quan sát sơ đồ, đọc trường hợp, thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm hệ thống pháp luật, cấu thành hệ thống pháp luật.
- HS nêu được các ngành luật trong hệ thống pháp luật và chia sẻ hiểu biết về một số ngành luật.

b. Nội dung: HS quan sát sơ đồ, đọc trường hợp, thông tin liên quan ở phần khám phá trong SGK.

c. Sản phẩm:

- HS nêu được khái niệm hệ thống pháp luật, cấu thành hệ thống pháp luật.
- HS nêu được các ngành luật trong hệ thống pháp luật và chia sẻ hiểu biết về một số ngành luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát sơ đồ, đọc trường hợp, thông tin ở phần khám phá trong SGK để thực hiện các yêu cầu, trả lời câu hỏi:
 - + Theo em, hệ thống pháp luật là gì?
 - + Hệ thống pháp luật được cấu thành từ những yếu tố nào? Lấy ví dụ minh họa từng yếu tố.
 - + Hệ thống pháp luật Việt Nam có bao nhiêu ngành luật và đó là những ngành luật nào?
 - + Em có những hiểu biết gì về một trong các ngành luật nêu trên?
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - + Trong quá trình các nhóm đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện nhóm trả lời và các nhóm khác nhận xét ý kiến trả lời của nhóm bạn. GV có thể dựa vào kết quả các nhóm thảo luận để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV tổ chức cho HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Hệ thống pháp luật là hình thức cấu trúc bên trong của pháp luật, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật có mối quan hệ nội tại thống nhất với nhau; được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật; được quy định bởi tính chất, cơ cấu các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.

– Các bộ phận cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật gồm: quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật.

► **Nhiệm vụ 2. Quan sát bảng, đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm, cấu trúc của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.
- HS đưa ra được quan điểm trong những tình huống đơn giản thường gặp.
- HS phân biệt được văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật.

b. Nội dung: HS quan sát bảng, đọc thông tin, tình huống liên quan ở phần khám phá trong SGK.

c. Sản phẩm:

- HS nêu khái niệm, cấu trúc của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.
- HS đưa ra được quan điểm trong những tình huống đơn giản thường gặp.
- HS phân biệt được văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát bảng, đọc thông tin, tình huống liên quan ở phần khám phá trong SGK để trả lời câu hỏi:

- + Văn bản quy phạm pháp luật là gì?
- + Theo em, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt nam được cấu trúc như thế nào?
- + Em đồng ý với ý kiến của A hay B? Vì sao?
- + Theo em, làm thế nào để phân biệt văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật?
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - + Trong quá trình các nhóm đọc thông tin, GV quan sát các nhóm làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện nhóm trả lời và các nhóm khác nhận xét ý kiến trả lời của nhóm bạn. GV có thể dựa vào kết quả các nhóm thảo luận để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV tổ chức HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Văn bản pháp luật bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật.

+ Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản có chứa các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực Nhà nước dơ cơ quan, công chức Nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật, đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt nhằm xác lập quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

► **Nhiệm vụ 3. Quan sát hành vi được mô tả trong các bức tranh và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

– HS nhận định được hành vi nào là tuân thủ pháp luật, xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật.

– HS có ý thức bày tỏ thái độ đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

b. Nội dung: HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

– HS nhận định được hành vi nào là tuân thủ pháp luật, xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật.

– HS có ý thức bày tỏ thái độ đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Theo em, trong các hành vi trên, hành vi nào chấp hành đúng pháp luật?

+ HS trung học phổ thông nên có thái độ như thế nào đối với hành vi vi phạm pháp luật?

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Cho biết các nhận định đúng hay sai và giải thích*

a. Mục tiêu: HS có thể đưa ra được nhận định đúng – sai và giải thích vì sao.

b. Nội dung: HS đọc các nhận định và đưa ra nhận xét, đánh giá, giải thích.

c. Sản phẩm: HS thực hiện làm việc cá nhân, đưa ra được nhận định đúng sai và giải thích vì sao.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc nhận định và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trình bày. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận và dẫn dắt sang hoạt động tiếp theo.

► *Nhiệm vụ 2. Xác định văn bản quy phạm pháp luật*

a. Mục tiêu: HS xác định được văn bản quy phạm pháp luật, phân biệt được văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác qua những văn bản cụ thể.

b. Nội dung: HS đọc tên các văn bản và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định được văn bản quy phạm pháp luật, phân biệt được văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác qua những văn bản cụ thể.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tên các văn bản trong SGK để thực hiện các yêu cầu: Xác định văn bản quy phạm pháp luật trong các văn bản pháp luật.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

► *Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu:

– HS nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật của HS Trung học phổ thông.

– Xây dựng được ý thức tuân thủ quy định pháp luật.

b. Nội dung: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

– HS nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật của HS Trung học phổ thông.

– Hình thành thái độ tích cực trong việc tuân thủ quy định pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm đọc tình huống, thảo luận và xây dựng nội dung giải quyết tình huống, trả lời câu hỏi:

+ Em có nhận xét gì về quan điểm của A và B?

+ Những hành vi nào của HS trung học phổ thông mà theo em là vi phạm pháp luật? Theo em, để hạn chế những hành vi này, HS cần nâng cao ý thức pháp luật của mình bằng hoạt động nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi hai nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS qua hoạt động tiếp theo.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Sưu tầm từ 3 đến 5 văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục và cho biết cơ quan ban hành, mục đích ban hành, đối tượng và phạm vi áp dụng**

a. Mục tiêu: HS sưu tầm được các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ ra được những nội dung theo yêu cầu.

b. Nội dung: Sưu tầm từ 3 đến 5 văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục và cho biết cơ quan ban hành, mục đích ban hành, đối tượng và phạm vi áp dụng.

c. Sản phẩm: HS sưu tầm được các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ ra được những nội dung theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian để thực hiện nhiệm vụ.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm của mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về câu trả lời của nhóm khác. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 1. Thiết kế một sản phẩm có nội dung văn bản pháp luật Việt Nam**

a. Mục tiêu: HS thiết kế được một sản phẩm có nội dung văn bản pháp luật Việt Nam theo hình thức gợi ý.

b. Nội dung: Thiết kế được một sản phẩm có nội dung văn bản pháp luật Việt Nam theo hình thức gợi ý.

c. Sản phẩm: Sản phẩm có nội dung văn bản pháp luật Việt Nam theo hình thức gợi ý.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và thực hiện bài viết theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thời gian để thực hiện nhiệm vụ.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét về sản phẩm của nhau. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.
- Tự giác thực hiện các quy định pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.
- Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.
- Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi:

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật; tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.

+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

+ Điều chỉnh hành vi: tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: 2
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A0.
 - + Các hình ảnh thể hiện các hình thức thực hiện pháp luật, hình ảnh về hành vi trái pháp luật như: hình ảnh mô phỏng hành vi, mô phỏng tình huống.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT. Mỗi HS chuẩn bị thông tin về những tình huống thực tế liên quan đến thực hiện pháp luật của bản thân HS và những người xung quanh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Tạo ra mâu thuẫn trong nhận thức đối với HS, cho biết dựa vào đâu để xác định hành vi trái pháp luật.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi do GV nêu ra.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi do GV nêu ra và kết nối được hoạt động vừa thực hiện với nội dung cần tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em, việc thực hiện pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong đời sống hằng ngày?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi do GV nêu ra.

– Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: HS xác định nhiệm vụ cần thực hiện tiếp theo và sẵn sàng tham gia vào hoạt động học tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm thực hiện pháp luật và phân biệt các hình thức thực hiện pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được khái niệm thực hiện pháp luật và phân biệt các hình thức thực hiện pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Chi tiết nào trong hai trường hợp trên thể hiện ý thức thực hiện pháp luật của các chủ thể?

+ Theo em, thực hiện pháp luật là gì? Em hãy nêu những biểu hiện của việc thực hiện pháp luật.

+ Theo em, đâu là hành vi hợp pháp của chủ thể trong các trường hợp trên?

+ HS có cần thực hiện pháp luật hay không? Vì sao?

- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi.
 - + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
- Tổ chức, điều hành:
 - + GV gọi đại diện HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình.
 - + GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.

Gợi ý trả lời:

- GV có thể giải thích thêm về thực hiện pháp luật để HS hiểu hơn.
- GV có thể mở rộng kiến thức cho HS qua các câu hỏi và yêu cầu sau:
 - + Theo em, trong 4 hình thức thực hiện pháp luật hình thức nào là phổ biến nhất?
 - + Theo em, chủ thể của các hình thức thực hiện pháp luật có thể là ai?
 - + Em hãy đưa ra vài tình huống vi phạm pháp luật thường thấy.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được hành vi có ý thức thực hiện pháp luật.

b. Nội dung: Đọc các tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- HS nhận biết được ý thức pháp luật thông qua hành vi của những người trong hình ảnh.
- Hiểu rõ hơn khái niệm thực hiện pháp luật và các dấu hiệu của việc không thực hiện pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi.
 - + H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ gì của công dân Việt Nam? Trong câu chuyện trên, H đã sử dụng quyền đó như thế nào?
 - + Xung quanh em có những trường hợp nào đã sử dụng tốt quyền công dân? Hãy chia sẻ cùng các bạn và thầy cô.
 - + Em đồng ý với cách ứng xử của T hay V? Tại sao?
 - + Theo em, giao nộp tài sản nhặt được có phải là tuân thủ pháp luật hay không?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian khoảng 5 phút để thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, yêu cầu HS giải thích, trong quá trình HS trả lời, GV có thể gợi ý thêm để HS phát biểu, bày tỏ ý kiến.

– Kết luận, đánh giá:

Gợi ý câu trả lời:

– Dựa vào thông tin về hành vi được truyền tải trong tình huống xác định ý thức pháp luật.

– GV giải thích thêm về tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức pháp luật.

– GV giải thích thêm về tác động tiêu cực và hậu quả của việc vi phạm pháp luật, những tác dụng tích cực của việc chấp hành pháp luật và xây dựng ý thức pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nhận định và giải thích vì sao**

a. Mục tiêu: HS dựa vào kiến thức đã có về các hình thức thực hiện pháp luật để xác định hành vi của các chủ thể ứng với từng hình thức.

b. Nội dung: HS đọc các câu nhận định trong SGK.

c. Sản phẩm: HS trả lời được nhận định đúng là nhận định: b, c, d; nhận định sai là nhận định: a

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và làm việc cá nhân.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trả lời từng câu nhận định.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

+ GV mời HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, yêu cầu HS giải thích, trong quá trình trả lời, GV có thể gợi ý thêm để HS phát biểu, bày tỏ ý kiến.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp ý kiến của HS và kết luận, đánh giá.

Gợi ý trả lời:

a. Nhận định sai. Chỉ có cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền mới được thực hiện pháp luật dưới hình thức áp dụng pháp luật.

b. Nhận định đúng. Vi cấp dưỡng cho con sau li hôn là thực hiện nghĩa vụ, ứng với hình thức thi hành pháp luật.

c. Nhận định đúng. Đây là hành vi không thực hiện điều pháp luật cấm.

d. Nhận định đúng. Vì bầu cử là quyền của công dân, sử dụng quyền là sử dụng pháp luật.

► **Nhiệm vụ 2. Cho biết các hành vi ứng với những hình thức thực hiện pháp luật và giải thích**

a. Mục tiêu: HS dựa vào kiến thức đã có về các hình thức thực hiện pháp luật để xác định hành vi ứng với từng hình thức.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin trong SGK.

c. Sản phẩm: HS xác định được: tuân thủ pháp luật: a, h; thi hành pháp luật: c, đ; sử dụng pháp luật: d, g; áp dụng pháp luật: b, e.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao cho HS đọc thông tin và làm việc cá nhân.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho HS xác định.
 - + GV mời HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, yêu cầu HS giải thích, trong quá trình trả lời, GV có thể gợi ý thêm để HS phát biểu, bày tỏ ý kiến.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp ý kiến của HS và kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được về tình huống từ đó rút ra những kết luận cần thiết cho bản thân về việc cần phải thi hành pháp luật.

b. Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS vận dụng được kiến thức, nhận xét được về sự tác động của thực hiện pháp luật vào đời sống.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao cho HS đọc tình huống và làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: Hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về trách nhiệm tham gia nghĩa vụ quân sự của công dân.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS thực hiện yêu cầu. Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh. GV gọi HS chia sẻ và các bạn trong lớp nhận xét. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS nêu chia sẻ.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ, yêu cầu HS giải thích. Trong quá trình HS chia sẻ, GV có thể gợi ý thêm để HS phát biểu, bày tỏ ý kiến.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp ý kiến của HS và kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 4. Đóng vai và xử lý tình huống**

a. Mục tiêu: HS đánh giá, nhận xét, xử lý được các tình huống giả định, giúp HS có thể áp dụng vào đời sống.

b. Nội dung: HS xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống trong SGK.

c. Sản phẩm: HS xây dựng kịch bản tình huống và sắm vai xử lý được tình huống trong SGK.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống bạn H và bạn M trong SGK và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống đó.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống.

– Tổ chức điều hành: Mời các nhóm sắm vai xử lý tình huống trước lớp, các nhóm còn lại cùng xem và nhận xét, góp ý.

– Kết luận, nhận định: GV hỗ trợ để HS tìm ra cách xử lý tốt nhất trong tình huống của bạn H và bạn M.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Viết đoạn văn (khoảng 100 chữ) để nhắc nhở bản thân nghiêm túc tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông**

a. Mục tiêu: HS rút ra được bài học cho bản thân về việc tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 100 chữ) để nhắc nhở bản thân nghiêm túc tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 100 chữ) nhắc nhở bản thân nghiêm túc tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 100 chữ) để nhắc nhở bản thân nghiêm túc tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian khoảng 5 phút cho HS suy nghĩ và viết bài.

– Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Đánh giá hành vi thực hiện pháp luật của bản thân trong thời gian vừa qua và đề ra ít nhất 03 điều cần phát huy, 03 điều cần thay đổi**

a. Mục tiêu: HS đánh giá được hành vi thực hiện pháp luật của bản thân trong thời gian qua, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện hành vi của bản thân.

b. Nội dung: Đọc yêu cầu và thực hiện yêu cầu trong SGK.

c. Sản phẩm: Viết 1 đoạn văn tự đánh giá hành vi thực hiện pháp luật của bản thân trong thời gian vừa qua xem có đúng với quy định của pháp luật không và đề ra ít nhất 3 điều cần phát huy, 3 điều cần thay đổi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết một đoạn văn tự đánh giá hành vi thực hiện pháp luật của bản thân trong thời gian vừa qua xem có đúng với quy định của pháp luật không và đề ra ít nhất 3 điều cần phát huy, thay đổi.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian khoảng 2 phút cho HS suy nghĩ và viết bài.

– Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật.
- Trình bày, phân biệt được các hình thức thực hiện pháp luật.
- Vận dụng kiến thức nhận diện được các hình thức thực hiện pháp luật trong các tình huống thực tế.
- Phê phán hành vi vi phạm pháp luật và hoàn thiện ý thức tuân thủ pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được các nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

CHỦ ĐỀ 9: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BÀI

20

KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VỊ TRÍ CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi:

Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được khái niệm, đặc điểm của Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nêu được vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0, các tranh vẽ tuyên truyền về Hiến pháp.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi GV đưa ra.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi do GV nêu ra và kết nối được hoạt động vừa thực hiện với nội dung cần tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về khẩu hiệu: “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi trong SGK.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: HS xác định nhiệm vụ cần thực hiện tiếp theo và sẵn sàng tham gia vào hoạt động học tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm của Hiến pháp, biết được Hiến pháp hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được Hiến pháp là văn bản quy phạm pháp luật được Quốc Hội thông qua sau khi đã lấy ý kiến nhân dân. Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản và quan trọng của một quốc gia. Hiến pháp hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hiến pháp năm 2013, được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kì họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Hiến pháp có vị trí như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam?

+ Hiến pháp hiện hành của Việt Nam là bản Hiến pháp nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Quan sát sơ đồ, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được các đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nắm được khái niệm Hiến pháp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào?

+ Trong trường hợp một văn bản luật (Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động,...) có quy định khác với Hiến pháp thì nội dung của Hiến pháp hay văn bản luật bị sửa đổi, bổ sung? Vì sao?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nêu được vị trí và mối quan hệ của Hiến pháp với các văn bản quy phạm pháp luật khác ở nước ta.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nắm được Hiến pháp được xem là luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là cơ sở để ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam; được chi tiết hoá, cụ thể hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Mọi văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam phải phù hợp với Hiến pháp, nếu không sẽ bị coi là vi hiến.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK thực hiện yêu cầu: Nêu vị trí của Hiến pháp trong mối quan hệ với các văn bản quy phạm pháp luật khác thuộc hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS trình bày ý kiến, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Bày tỏ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến trong SGK và giải thích**

a. Mục tiêu: HS nhận diện và giải thích được các đặc điểm và vai trò cơ bản của Hiến pháp.

b. Nội dung: HS đọc các ý kiến trong SGK và cho biết đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào, giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS xác định được: ý kiến 1 là đúng vì Hiến pháp là luật quy định các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân của một quốc gia; ý kiến 2 là sai bởi vì Hiến pháp chỉ chứa đựng các quy định về nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước tức là bao gồm các chế định về Chủ tịch nước, chế định Chính phủ chứ không bao gồm chế định thừa kế hay hợp đồng (thuộc ngành luật Dân sự); ý kiến 3 là sai bởi vì Hiến pháp là luật có hiệu lực pháp lí cao nhất và là cơ sở ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khác cho nên Hiến pháp có hiệu lực pháp lí cao hơn các văn bản quy phạm pháp luật khác; ý kiến 4 là đúng bởi vì Hiến pháp hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hiến Pháp năm 2013, được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kì họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến trong SGK để đưa ra nhận định và giải thích vì sao.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các nhận định.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi HS nêu nhận định của mình và giải thích cho nhận định đó.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức cho HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Cho biết các nội dung thể hiện đặc điểm nào của Hiến pháp năm 2013**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được đặc điểm của Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua các quy định cụ thể.

b. Nội dung: HS đọc các quy định và xác định đặc điểm của Hiến pháp.

c. Sản phẩm: a. Hiến pháp là công cụ bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; b. Hiến pháp là luật có hiệu lực pháp lí cao nhất; c. Hiến pháp quy định nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước; d. Hiến pháp quy định nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK để hoàn thành bài tập.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời.

- Tổ chức, điều hành: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Nhận diện hành vi nào là tuân thủ Hiến pháp, hành vi nào là vi phạm Hiến pháp**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được hành vi nào là tuân thủ Hiến pháp, hành vi nào là vi phạm Hiến pháp thông qua các hành vi cụ thể.

b. Nội dung: HS đọc các hành vi và đưa ra ý kiến.

c. Sản phẩm:

- A. vi phạm Hiến pháp (tránh thuế);
- B. tuân thủ Hiến pháp;
- C. vi phạm Hiến pháp;
- D. tuân thủ Hiến pháp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: HS đọc các hành vi được nêu trong SGK và đưa ra ý kiến.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các hành vi được nêu trong SGK và đưa ra ý kiến.
- Tổ chức, điều hành: HS nêu ý kiến về các hành vi.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Tóm tắt nội dung Hiến pháp năm 2013 bằng sơ đồ tư duy**

a. Mục tiêu: HS củng cố được các kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy về bài đã học.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy nội dung Hiến pháp năm 2013.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Tổ chức, điều hành: Đại diện các nhóm trình bày bài làm của nhóm.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Thiết kế một sản phẩm nhằm tuyên truyền, phổ biến đến bạn bè, người thân về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

a. Mục tiêu: HS thiết kế được sản phẩm (báo ảnh, áp phích, video,...) để tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp đến bạn bè, người thân.

b. Nội dung: HS thiết kế sản phẩm về Hiến pháp.

c. Sản phẩm: Sản phẩm do HS thiết kế.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, hoàn thành sản phẩm.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Tổ chức, điều hành: Đại diện các nhóm sẽ trình bày bài làm của nhóm.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm, đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được các nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

Chân trời sáng tạo

BÀI 21

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 2013 VỀ CHÍNH TRỊ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.
- Thực hiện nghĩa vụ tuân theo hiến pháp về chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm, quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

- Năng lực điều chỉnh hành vi

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.

+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.

+ Điều chỉnh hành vi: thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0, các tranh vẽ tuyên truyền về Hiến pháp.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trong SGK.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi trong SGK và kết nối được hoạt động vừa thực hiện với nội dung cần tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em những hình ảnh trên thể hiện nội dung nào của Hiến pháp về chế độ chính trị?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi trong SGK.

– Tổ chức, điều hành: Mời một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: HS xác định nhiệm vụ cần thực hiện tiếp theo và sẵn sàng tham gia vào hoạt động học tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được chính thể của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những bộ phận hợp thành lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu được Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang chính thể cộng hoà xã hội chủ nghĩa với quyền lực tối cao thuộc về Quốc hội và nhân dân tham gia vào việc bầu ra đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Theo em, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo chính thể nào?

+ Lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm những bộ phận nào?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nắm được bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cách thức tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Có 02 hình thức thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân đó là bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu:

- + Trình bày bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- + Cho biết, có bao nhiêu hình thức thực hiện quyền lực nhà nước của Nhân dân.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nêu được các quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tên nước, quốc kì, quốc huy, quốc ca, quốc khánh, thủ đô và đường lối đối ngoại.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Quốc kì, quốc huy, quốc ca, thủ đô là biểu tượng thiêng liêng, tự hào của quốc gia, những vấn đề trên được quy định cụ thể và trang trọng trong Hiến pháp. Đường lối ngoại giao nhất quán được thể hiện tại Điều 12 của Hiến pháp năm 2013 đó là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp

quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Tại sao quốc kì, quốc huy, thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam lại được quy định trong Hiến pháp?

+ Đường lối ngoại giao nhất quán của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

– Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS thực hiện tốt nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về chế độ chính trị.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Hiến pháp và pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng, vừa là công cụ quản lí nhà nước hữu hiệu, vừa tạo hành lang pháp lí an toàn, tin cậy, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế – xã hội. Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là góp phần xây dựng và củng cố các giá trị văn hoá pháp lí trong cuộc sống xã hội. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, phát huy triệt để tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc cùng tích cực hành động vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Những việc làm thể hiện nội dung sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật: Tôn trọng quyền con người, quyền cơ bản của công dân; thực hiện các nghĩa vụ của công dân (đóng thuế, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ môi trường, bảo vệ Tổ quốc,...); đấu tranh chống các hành vi xuyên tạc Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;...

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Nếu là B, em sẽ trả lời câu hỏi trên như thế nào?

+ Theo em, những việc làm nào thể hiện được nội dung sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Cho biết đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến và giải thích**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các quy định của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính trị.

b. Nội dung: HS đọc các nhận định, cho biết đúng hay sai và giải thích tại sao.

c. Sản phẩm: HS xác định được:

- + Nhận định a là đúng vì Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân (Điều 2 Hiến pháp năm 2013);
- + Nhận định b là sai bởi vì Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (Điều 6 Hiến pháp năm 2013);
- + Nhận định c là đúng bởi vì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới (Điều 12 Hiến pháp năm 2013);
- + Nhận định d là đúng bởi vì Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm (Điều 11 Hiến pháp năm 2013).

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK để đưa ra nhận định.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các nhận định.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu nhận định của mình, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Nhận xét về hành vi của các nhân vật**

a. Mục tiêu: HS thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về chính trị thông qua các hành vi được nêu trong SGK.

b. Nội dung: HS đọc các hành vi và nêu nhận xét.

c. Sản phẩm: HS xác định được:

a. Hành vi của anh A là đúng, anh đã góp phần tuyên truyền, giáo dục người khác về lãnh thổ của Việt Nam;

b. Hành vi của chị M là đúng, chị M góp phần lan toả tinh thần yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và đặc biệt giúp bà con ngư dân vững tâm vươn khơi, bám biển;

c. Hành vi của anh D là đúng vì Công đoàn là một tổ chức chính trị – xã hội giúp bảo vệ những quyền lợi cơ bản và chính đáng của người lao động.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK để hoàn thành bài tập.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và nhận xét.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu ý kiến, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS biết nhận diện và phê phán các hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các trường hợp và đưa ra ý kiến.

c. Sản phẩm: Trường hợp 1. tuân thủ Hiến pháp; Trường hợp 2. tuân thủ Hiến pháp; Trường hợp 3. tuân thủ Hiến pháp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu: Em hãy nhận xét về hành vi của các nhân vật trong ba trường hợp nêu trên. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các hành vi được nêu trong SGK và đưa ra ý kiến.
- Tổ chức, điều hành: HS nêu ý kiến về các hành vi.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ.** *Sưu tầm những tư liệu, bài viết, hình ảnh về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa*

a. Mục tiêu: HS trau dồi những kiến thức về chủ quyền của Việt Nam về hai quần đảo và củng cố lòng yêu nước của HS trung học phổ thông.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, sưu tầm tư liệu, hình ảnh theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Những tư liệu, bài viết, hình ảnh về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Tổ chức, điều hành: Đại diện các nhóm sẽ trình bày kết quả tìm hiểu của nhóm.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.
- Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị.

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được các nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 2013 VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được những nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán những hành vi vi phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện và giải quyết được tình huống có vấn đề trong học tập và trong cuộc sống.
- Năng lực điều chỉnh hành vi:
 - + Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được những nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
 - + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: phê phán những hành vi vi phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
 - + Điều chỉnh hành vi: thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:
 - + Em hãy cho biết các tranh trên mô tả quyền và nghĩa vụ gì theo Hiến pháp 2013?
 - + Em đã từng thực hiện quyền và nghĩa vụ nào nêu trên?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS quan sát.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một số HS trình bày ý kiến của mình. Cả lớp nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin, trường hợp, sơ đồ và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS nêu được các nhóm, quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 và ý nghĩa của các quy định này.
- HS chia sẻ được trải nghiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013.

b. Nội dung: HS quan sát sơ đồ, đọc trường hợp, thông tin liên quan ở phần khám phá trong SGK.

c. Sản phẩm:

- HS nêu được khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS nêu được các nhóm, quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 và ý nghĩa của các quy định này.
- HS chia sẻ được trải nghiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát sơ đồ, đọc trường hợp, thông tin ở phần khám phá trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Em hiểu thế nào là quyền con người?

+ Quyền con người được quy định trong Hiến pháp có ý nghĩa như thế nào?

+ Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là gì?

+ Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được chia thành các nhóm quyền nào?

+ Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 được quy định như thế nào?

+ Em đã từng thực hiện quyền (hoặc nghĩa vụ) nào kể trên? Hãy chia sẻ cùng thầy/cô và các bạn.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện nhóm trả lời và các nhóm khác nhận xét ý kiến trả lời nhóm của bạn. GV có thể dựa vào kết quả các nhóm thảo luận để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá:

– GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Quyền con người là những quyền tự nhiên vốn có của con người và không thể bị tước bỏ bởi bất cứ cá nhân, tổ chức nào.

– Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là những quyền, nghĩa vụ của một cá nhân đối với quốc gia mình mang quốc tịch được Hiến pháp ghi nhận.

– Tại Việt Nam, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, bảo vệ; được chia thành 5 nhóm về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.

► Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu:

– HS biết được các thành tựu của Việt Nam trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

– Xây dựng được ý thức bảo vệ và thúc đẩy quyền của bản thân và người khác bằng những hành vi cụ thể.

- HS đưa ra được quan điểm trong những tình huống đơn giản thường gặp.

b. Nội dung: HS quan sát hình ảnh, đọc trường hợp ở phần khám phá trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

– HS biết được các thành tựu của Việt Nam trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

– Có những hành vi cụ thể nhằm xây dựng ý thức bảo vệ và thúc đẩy quyền của bản thân và người khác.

- HS đưa ra được quan điểm trong những tình huống đơn giản thường gặp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát hình ảnh, đọc trường hợp liên quan ở phần khám phá trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Em hãy cho biết Việt Nam đã có những thành tựu gì trong thúc đẩy và bảo vệ quyền của người dân?

+ Theo em HS trung học phổ thông có thể đóng góp cho việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của người dân bằng những hành vi thực tế nào phù hợp với lứa tuổi?

+ Em nhận xét như thế nào về việc làm của anh A và chị K?

+ Theo em, việc đóng thuế thể hiện nghĩa vụ gì của công dân đối với Nhà nước?

+ Theo em, A được bảo đảm thực hiện quyền gì?

+ Học tập có phải là nghĩa vụ hay không? Vì sao?

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời điều chỉnh những HS chưa thực sự tích cực.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời và các nhóm khác nhận xét ý kiến trả lời của nhóm bạn. GV có thể dựa trên tinh thần xung phong hoặc chỉ định nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS có thái độ phê phán những hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết phê phán những hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Theo em, quyết định của Phòng Nhân sự là đúng hay sai? Tại sao?

+ Việc làm của Phòng Nhân sự vi phạm quyền gì theo Hiến pháp năm 2013?

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Sắp xếp các quyền và nghĩa vụ theo nhóm tương ứng**

a. Mục tiêu: HS phân biệt được các quyền và nghĩa vụ.

b. Nội dung: HS đọc tên các quyền, nghĩa vụ và sắp xếp theo chủ đề.

c. Sản phẩm: HS phân loại được các quyền và nghĩa vụ thành các nhóm tương ứng.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các quyền và nghĩa vụ trong SGK để thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

► **Nhiệm vụ 2. Nêu ý kiến về các hành vi**

a. Mục tiêu: HS đưa ra được nhận định về các hành vi.

b. Nội dung: HS đọc các hành vi và đưa ra nhận xét, đánh giá.

c. Sản phẩm: HS thực hiện làm việc cá nhân, đưa ra được nhận định, đánh giá về các hành vi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc nhận định và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

- Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trình bày. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận và dẫn dắt sang hoạt động tiếp theo.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu:

– HS sử dụng kiến thức đã học để đưa ra nhận xét, đánh giá trong những tình huống cụ thể.

– Nêu được những việc làm thực hiện quyền công dân phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung: Theo dõi tình huống trong SGK và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm:

– HS sử dụng kiến thức đã học để đưa ra nhận xét, đánh giá trong những tình huống cụ thể.

– Nêu được những việc làm thực hiện quyền công dân phù hợp với lứa tuổi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu các nhóm đọc tình huống và thực hiện yêu cầu:

+ Em hãy chia sẻ quan điểm của mình về việc làm của bạn A và bạn B.

+ Cho biết những việc làm thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân phù hợp với lứa tuổi HS phổ thông.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi hai nhóm chia sẻ ý kiến. Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS qua hoạt động tiếp theo.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ. Thiết kế một áp phích tuyên truyền về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013**

a. Mục tiêu: HS thiết kế được một áp phích tuyên truyền về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

b. Nội dung: Thiết kế một áp phích theo nội dung yêu cầu.

c. Sản phẩm: Một áp phích tuyên truyền về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm khác. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được những nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán những hành vi vi phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

Chân trời sáng tạo

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 2013 VỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
- Thực hiện nghĩa vụ tuân theo hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi:

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

+ Điều chỉnh hành vi: Thực hiện nghĩa vụ tuân theo hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, giấy A0; các tranh vẽ tuyên truyền về Hiến pháp,...

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trong SGK.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi trong SGK và kết nối được hoạt động vừa thực hiện với nội dung cần tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

- + Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Theo em những hình ảnh trên thể hiện nội dung gì của Hiến pháp năm 2013?
- + Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi trong SGK.
- + Báo cáo thảo luận: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- + Kết luận, nhận định: HS xác định nhiệm vụ cần thực hiện tiếp theo và sẵn sàng tham gia vào hoạt động học tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung cơ bản của Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nền kinh tế độc lập, tự chủ là nền kinh tế có khả năng thích ứng cao với những biến động của tình hình quốc tế và ít bị tổn thương trước những biến động đó; trong bất cứ tình huống nào nó cũng có thể cho phép duy trì được các hoạt động bình thường của xã hội và phục vụ đắc lực nhiệm vụ quốc phòng – an ninh. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể,...); nhiều thành phần kinh tế (kinh tế công, kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp), trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:
- + Em hãy cho biết thế nào là một nền kinh tế độc lập, tự chủ?

+ Theo em nền kinh tế Việt Nam gồm các hình thức sở hữu và thành phần kinh tế nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung cơ bản của Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về văn hoá, giáo dục.

b. Nội dung: HS đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhà nước có nghĩa vụ chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khoẻ, văn hoá, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân. Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, vì phát triển giáo dục và đào tạo sẽ tạo ra những con người có nhiều tri thức, trình độ dân trí cao và làm được trong nhiều ngành nghề. Trong các yếu tố của quá trình sản xuất thì sức lao động giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Sức lao động mang tính sáng tạo và là nguồn lực không cạn kiệt. Xét về thực chất sự phát triển của tư liệu sản xuất do sức lao động tạo nên. Giáo dục và đào tạo là quá trình tái tạo, mở rộng sức lao động. Vì vậy giáo dục và đào tạo sẽ bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao sức lao động làm cho đất nước ngày càng phát triển.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Theo em, Nhà nước có nghĩa vụ gì trong phát triển văn hoá đất nước?

+ Tại sao giáo dục được xem là “quốc sách hàng đầu” của Nhà nước ta?

+ Các nội dung về văn hoá, giáo dục được quy định tại Hiến pháp có ý nghĩa gì đối với đời sống của người dân và đất nước?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung cơ bản của Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về khoa học, công nghệ và môi trường.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nắm được các quy định của Hiến pháp về khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Theo em, có nên khuyến khích ý tưởng của hai bạn M và N không? Tại sao?

+ Theo em Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia có ý nghĩa như thế nào với sự phát triển khoa học công nghệ của Việt Nam?

+ Các nội dung về phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường được quy định tại Hiến pháp có ý nghĩa gì?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS thực hiện tốt nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b. Nội dung: HS đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trường A tích cực thực hiện các quy định của Hiến pháp về phát triển, bảo tồn văn hoá dân tộc. Hành vi của chị E là vi phạm Hiến pháp và pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về việc làm của bạn HS trường Trung học phổ thông A và hành vi của chị E?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: GV gọi HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến được nêu trong SGK, giải thích vì sao**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các quy định của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b. Nội dung: HS đọc các ý kiến, cho biết đồng tình hay không đồng tình.

c. Sản phẩm: HS xác định được ý kiến a là đúng vì Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. (Điều 61 Hiến pháp năm

2013); Ý kiến b là sai bởi vì Nhân dân cùng Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống; Ý kiến c là đúng bởi vì Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo (Điều 51 Hiến pháp năm 2013); Ý kiến d là đúng bởi vì Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề (Điều 61 Hiến pháp năm 2013).

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK để đưa ra nhận định.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và đưa ra các nhận định.
- Báo cáo thảo luận: GV gọi 1 đến 2 HS nêu nhận định của mình, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Nhận xét về hành vi của mỗi nhân vật trong các trường hợp**

a. Mục tiêu: HS thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường thông qua các hành vi được nêu trong SGK.

b. Nội dung: HS đọc các hành vi và nêu nhận xét.

c. Sản phẩm: HS nhận xét được:

- + Hành vi của S là đáng khuyến khích, anh đã góp phần ứng dụng khoa học, công nghệ trong việc giúp đỡ người dân vùng ngập mặn;
- + Hành vi của chị B là đúng, phân loại rác nhằm đảm bảo tách rác thải từng loại khác nhau, nhằm mục đích có thể dễ dàng vận chuyển, tái chế, qua đó góp phần giảm lượng rác thải cần xử lý, tăng lượng rác thải có thể tái chế;
- + Hành vi của ông D là sai vì ông đã vi phạm các quy định về việc sao chép sách báo khi chưa có sự cho phép của tác giả và đã vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ;
- + Hành vi của D là đáng khuyến khích và nhân rộng để bảo tồn và quảng bá văn hoá Việt Nam cho các bạn du HS xa quê.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK để hoàn thành bài tập.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và nêu nhận xét.
- Báo cáo thảo luận: GV gọi HS nêu ý kiến, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được và phê phán các hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được chính sách của Nhà nước đó là Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề. Từ đó, trang bị cho mình những suy nghĩ cùng đất nước đem giáo dục đến những nơi xa xôi, giúp người dân thoát nghèo và phát triển đất nước.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tình huống trong SGK để trả lời câu hỏi: Tình huống trên thể hiện nội dung gì của Hiến pháp năm 2013? Em có nhận xét gì về việc làm của ông A?
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức điều hành: GV mời một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS có cái nhìn khách quan về văn hoá và khoa học – công nghệ.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được vai trò quan trọng của cả văn hoá, văn nghệ và khoa học – công nghệ. Không có lĩnh vực nào quan trọng hơn lĩnh vực nào.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tình huống trong SGK để trả lời câu hỏi:
 - + Em có nhận xét gì về ý kiến của N và H?
 - + Theo em, văn hoá và khoa học – công nghệ có vai trò như thế nào trong đời sống? Vì sao chúng ta phải phát huy vai trò của hai lĩnh vực trên?
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức điều hành: GV mời một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Thiết kế một băng rôn tuyên truyền nội dung Hiến pháp năm 2013 về giáo dục**

a. Mục tiêu: HS thiết kế được băng rôn để tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp năm 2013 về giáo dục đến bạn bè, người thân.

b. Nội dung: HS thiết kế băng rôn tuyên truyền Hiến pháp năm 2013 về giáo dục.

c. Sản phẩm: Sản phẩm do HS thiết kế chứa đựng nội dung tuyên truyền Hiến pháp 2013 về giáo dục.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, hoàn thành sản phẩm.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Tổ chức điều hành: Đại diện các nhóm sẽ trình bày sản phẩm của nhóm mình.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) về đề tài: “Môi trường hôm nay, cuộc sống ngày mai”**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được tầm quan trọng của môi trường và bảo vệ môi trường đối với cuộc sống hiện nay và tương lai.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, viết đoạn văn về đề tài có sẵn.

c. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Báo cáo thảo luận: Đại diện các nhóm sẽ trình bày bài viết của nhóm.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
- Thực hiện nghĩa vụ tuân theo hiến pháp về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được các nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VIỆT NAM NĂM 2013 VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

- + Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.
- + Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.
- + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá bộ máy nhà nước ở nước ta.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Liệt kê một số cơ quan nhà nước địa phương nơi bản thân sinh sống và chia sẻ hiểu biết về cơ quan đó.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS suy nghĩ.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một số HS trình bày ý kiến của mình. Cả lớp nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: Nêu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc tình huống trong mục 1 SGK.

c. Sản phẩm: HS nêu cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tình huống trong SGK để trả lời câu hỏi: Nếu là V, em sẽ trả lời T như thế nào?
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Báo cáo thảo luận: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► *Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu*

a. Mục tiêu: HS nêu được các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong mục 2 SGK.

c. Sản phẩm: HS nêu các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin tại mục 2 trong SGK để trả lời các câu hỏi, thực hiện yêu cầu:

- + Chỉ ra vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước.
- + Nêu các nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Cho ví dụ về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.
- + Cho biết vị trí của Chính phủ và Ủy ban nhân dân trong bộ máy nhà nước.
- + Nêu các nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ và Ủy ban nhân dân. Cho ví dụ về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ và Ủy ban nhân dân.
- + Em hãy nêu chức năng và nhiệm vụ của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cho ví dụ về chức năng của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.
- + Chủ tịch nước có vị trí như thế nào trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
- + Theo em, tại sao Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội?
- + Em hãy nêu chức năng của Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.
- + Trình bày cơ cấu tổ chức của Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.
- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV kết luận.
 - + GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

- Cơ quan quyền lực nhà nước:
 - + Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.
 - + Hội đồng nhân dân các cấp: Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

- Nguyên tắc hoạt động: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ.
- Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.
- Cơ quan hành chính nhà nước:
 - + Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.
 - + Ủy ban nhân dân các cấp do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.
- Cơ quan tư pháp:
 - + Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.
 - + Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.
- Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.
- Hội đồng Bầu cử quốc gia là cơ quan do Quốc hội thành lập, có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
- Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lí, sử dụng tài chính, tài sản công.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Bài tập ý kiến đúng – sai về các phát biểu và nêu cơ sở pháp lí**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai thông qua kiến thức đã học và nêu được cơ sở pháp lí.

b. Nội dung: HS đọc các phát biểu và nêu ý kiến.

c. Sản phẩm: HS nêu được phát biểu đúng là: a, c, đ; phát biểu sai là: b, d.

+ Phát biểu a đúng. Căn cứ Điều 69 Hiến pháp năm 2013 Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Phát biểu b sai. Căn cứ khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 thì Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện

quyền tư pháp, còn Viện kiểm sát nhân dân thực hành công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp (khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013).

+ Phát biểu c đúng. Căn cứ khoản 1 Điều 112 Hiến pháp năm 2013, Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

+ Phát biểu d sai. Căn cứ khoản 1 Điều 117 Hiến pháp năm 2013, Hội đồng bầu cử quốc gia là cơ quan do Quốc hội thành lập.

+ Phát biểu đ đúng. Căn cứ khoản 1 Điều 118 Hiến pháp năm 2013, Kiểm toán nhà nước hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các phát biểu trong SGK và nêu nhận định.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các phát biểu và nêu nhận định.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu nhận định, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 2. Thảo luận nhóm vấn đề và đề xuất hành động**

a. Mục tiêu: HS có thái độ tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân trong xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước.

b. Nội dung: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Những hành vi góp phần bảo vệ, xây dựng bộ máy nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và thảo luận nhóm. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn để nêu những hành vi góp phần bảo vệ, xây dựng bộ máy nhà nước.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm và trình bày sản phẩm trên giấy A0.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm thảo luận trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, đóng góp ý kiến cho các nhóm trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và đưa ra kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đóng vai xử lý tình huống**

a. Mục tiêu: HS có thái độ tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân trong xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước.

b. Nội dung: HS sắm vai xử lý các tình huống.

c. Sản phẩm: HS sử dụng được kiến thức để thực hiện nghĩa vụ công dân trong xây dựng trong xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm. Các nhóm xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 15 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi các nhóm sắm vai xử lý tình huống.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Thiết kế một sản phẩm tuyên truyền nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.**

Gợi ý: Hình thức thiết kế trên infographic, cẩm nang ngắn, tờ gấp,...

a. Mục tiêu: HS thiết kế được một sản phẩm tuyên truyền về nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.

b. Nội dung: HS thiết kế một sản phẩm tuyên truyền nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.

c. Sản phẩm: HS thiết kế một sản phẩm tuyên truyền nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế một sản phẩm tuyên truyền nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS lên ý tưởng và thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.
- Tổ chức điều hành: HS trưng bày và thuyết trình về sản phẩm trên lớp; các bạn khác quan sát, nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định: GV hỗ trợ để HS rút ra được bài học cho mình thông qua hoạt động thiết kế sản phẩm.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BUỔI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước.
- Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – TRẦN LÊ NHẤT TÚ

Biên tập kĩ – mỹ thuật: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Thiết kế sách: HUỲNH THỊ TRÚC LINH

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: PHAN ANH TUẤN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 – SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HGXY001M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/37-708/GD

Số QĐXB: ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-32762-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGŨ VĂN 10, TẬP MỘT - Sách giáo viên
2. NGŨ VĂN 10, TẬP HAI - Sách giáo viên
3. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGŨ VĂN 10 - Sách giáo viên
4. TOÁN 10 - Sách giáo viên
5. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP TOÁN 10 - Sách giáo viên
6. TIẾNG ANH 10
Friends Global - Teacher's Guide
7. LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên
8. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên
9. ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên
10. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên
11. GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên
12. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên
13. VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên
14. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên
15. HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên
16. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên
17. SINH HỌC 10 - Sách giáo viên
18. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP SINH HỌC 10 - Sách giáo viên
19. ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên
20. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên
21. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1) - Sách giáo viên
22. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2) - Sách giáo viên
23. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 -
Sách giáo viên

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-32762-8



9 786040 327628

Giá: 44.000 đ